

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỀ TÀI CẤP TỔNG CỤC**

**Đề tài: “NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CẬP NHẬT
CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÁ THỂ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ CÔNG TÁC THỐNG KÊ”**

Đơn vị chủ trì: Vụ Phương pháp chế độ Thống kê

Chủ nhiệm: Đỗ Trọng Khanh

Thư ký : Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, năm 2005

6/67

30/10/06

MỤC LỤC

	Trang
GIẢI THÍCH CHỮ VIẾT TẮT	3
PHẦN MỞ ĐẦU	4
PHẦN THỨ NHẤT: TỔNG QUAN	8
I. KHÁI NIỆM VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ	8
1.1 Tổng cục Thống kê.....	8
1.2 Tổng cục Thuế.....	8
II. QUẢN LÝ VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ	10
2.1 Đối với Tổng cục Thuế.....	10
2.2 Đối với Tổng cục Thống kê.....	11
2.3 Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	13
III. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG CSDL CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ	16
3.1 Đăng ký doanh nghiệp của Australia.....	16
3.2 Đăng ký doanh nghiệp của Newzealand.....	18
3.3 Đăng ký kinh doanh ở Hà Lan.....	20
IV. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ SỐ LIỆU TỔNG CỤC THỐNG KÊ VÀ TỔNG CỤC THUẾ	21
V. TRIỂN VỌNG ỨNG DỤNG CSDL CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ Ở VIỆT NAM	22
PHẦN THỨ HAI: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THU THẬP, CẬP NHẬT SỐ LIỆU CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ CỦA NGÀNH THUẾ, NGÀNH THỐNG KÊ VÀ CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	24
I. TÌNH HÌNH THU THẬP, CẬP NHẬT SỐ LIỆU CSKTCT Ở TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGÀNH THUẾ	24
1.1 Đối tượng.....	24
1.2 Tình hình thu thập, lưu giữ và cập nhật thông tin ngành Thuế.....	25
II. TÌNH HÌNH THU THẬP LƯU GIỮ, CẬP NHẬT SỐ LIỆU CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ Ở TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ	27
III. THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA CƠ QUAN ĐKKD	28
IV. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CSKD CÁ THỂ	30
4.1 Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh các cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan đăng ký kinh doanh.....	31
4.2 Hệ thống thông tin thuế về cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan Thuế.....	33
4.3 Hệ thống thông tin thống kê về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê.....	34
V. KHAI THÁC DỮ LIỆU CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ	38
5.1 Dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của ngành Thuế.....	38
5.2 Khai thác dữ liệu về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê.....	41
VI. CÁC THÔNG TIN HIỆN CÓ VỀ CSKD CÁ THỂ TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU	43
6.1 Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính cấp Tổng cục Thuế.....	43
6.2 Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính Tổng cục Thống kê.....	45
PHẦN THỨ BA: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	48
I. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CSDL CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ	48
1.1 Mục đích.....	48
1.2 Đối tượng, phạm vi.....	48
1.3 Phương pháp thu thập thông tin.....	48
1.4 Phương pháp xử lý thông tin.....	49

II. CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CSDL CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ TỪ NGUỒN DỮ LIỆU CỦA TỔNG CỤC THUẾ VÀ TỔNG ĐIỀU TRA CƠ SỞ KINH TẾ CÁ THỂ.....	49
2.1 Xác định đơn vị cơ sở kinh doanh cá thể trong CSDL	49
2.2 Xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ dữ liệu của Tổng cục Thuế.....	50
2.3 Xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ dữ liệu của Tổng điều tra cơ sở kinh tế.....	53
III. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT.....	55
3.1 Thông tin chung.....	55
3.2 Chức năng nhập thông tin đầu vào	56
3.3 Chức năng tổng hợp, phân tích số liệu và in báo cáo	56
3.4 Chức năng kết xuất số liệu ra file (Export).....	56
3.5 Chức năng quản trị hệ thống.....	56
IV. QUY MÔ HỆ THỐNG.....	56
4.1 Qui mô	56
4.2 Số lượng người sử dụng.....	57
4.3 Điều kiện thành công của phần mềm.....	57
PHẦN THỨ TƯ: ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP	
I. GIẢI PHÁP LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM CẬP NHẬT CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÁ THỂ.....	58
1.1 Yêu cầu về hệ thống mở, giao diện, khả năng sử dụng dễ dàng.....	58
1.2 Yêu cầu xử lý và phân tích thông tin	58
1.3 Yêu cầu về bảo mật và an toàn hệ thống thông tin.....	59
1.4 Yêu cầu về phần mềm hệ thống.....	59
1.5 Phần cứng	59
II. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÁ THỂ.....	60
2.1 Nhận số liệu thuế hàng tháng.....	60
2.2 Chuyển dữ liệu từ file vào cơ sở dữ liệu.....	60
2.3 Xử lý số liệu thuế hàng tháng	63
2.4 Thực hiện kiểm tra lỗi logic.....	65
2.5 Chuyển dữ liệu sang cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.....	65
2.6 Xây dựng chương trình tổng hợp, tìm kiếm thông tin	66
2.7 Xây dựng chương trình báo cáo đầu ra, lập danh sách	68
III. ỨNG DỤNG LẬP DANH SÁCH CÁC HỘ KINH DOANH CÁ THỂ.....	71
3.1 Xác định chỉ tiêu và qui trình thực hiện.....	71
3.2 Chương trình tổng hợp số liệu	72
3.3 Truy vấn dữ liệu.....	73
IV. XÂY DỰNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ.....	75
4.1 Quản lý thông tin	76
4.2 Mô hình kiến trúc ứng dụng và truyền thông	76
4.3 Phân tích các module chức năng trang chủ.....	79
V. PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THÍ ĐIỂM TẠI CỤC TK HÀ NỘI.....	855
5.1 Thực trạng cơ sở kinh doanh cá thể TP Hà Nội.....	85
5.2 Mục tiêu ứng dụng.....	88
5.3 Mô hình cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể	88
5.4 Tổ chức triển khai ứng dụng.....	91
5.5 Giới thiệu chức năng cơ bản của ứng dụng	92
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101

GIẢI THÍCH CHỮ VIẾT TẮT

TÊN VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
ABS	Thống kê Doanh nghiệp Úc
ABN	Mã doanh nghiệp Úc
BDS	Hệ thống dữ liệu Doanh nghiệp (Tổng cục Thống kê)
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSKD	Cơ sở kinh doanh
CNTT	Công nghệ thông tin
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
TCT	Tổng cục Thuế
TCTK	Tổng cục Thống kê
TĐT	Tổng điều tra
UBND	Ủy ban nhân dân
GSONet	Mạng máy tính Tổng cục Thống kê
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XNK	Xuất nhập khẩu
KD	Kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
NSNN	Ngân sách nhà nước
GIS	Hệ thống thông tin địa lý

PHẦN MỞ ĐẦU

Cùng với các doanh nghiệp, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh cá thể tham gia sản xuất kinh doanh đã đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Với số lượng lớn, kinh doanh với qui mô nhỏ nhưng đã thực sự giải quyết công ăn việc làm cho rất nhiều lao động xã hội. Trong khi đó, các cơ quan quản lý nhà nước còn rất thiếu thông tin và thiếu cơ sở pháp lý để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các đối tượng thuộc nhóm này.

Theo Nghị định số 66-HĐBT (nay là Chính phủ) ngày 02 tháng 3 năm 1992, Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể (thay thế Nghị định 66-HĐBT) thì khu vực kinh tế cá thể có hạn chế nhiều mặt. Ví dụ như về chiến lược phát triển, đầu tư, đào tạo và tiếp cận các nguồn lực của xã hội (ngân hàng, cơ sở hạ tầng, thông tin, dịch vụ công...). Trong lĩnh vực thống kê, những thông tin về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể cũng rất nghèo nàn, thiếu tính hệ thống, chông chéo và không nhất quán. Có thể nói, khu vực sản xuất kinh doanh cá thể, mặc dù là một bộ phận cấu thành khá quan trọng của các cơ sở kinh tế ở nước ta, nhưng bị thua thiệt nhiều mặt so với khu vực doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Mặc dù, có nhiều cơ quan quản lý Nhà nước quản lý nhóm đối tượng này như cơ quan cấp đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Tổng cục Thuế nhưng thông tin thống kê cũng không được đầy đủ.

Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thống kê thực hiện các cuộc điều tra chọn mẫu, tổng điều tra kinh tế, điều tra doanh nghiệp, điều tra tư thương, hộ cá thể, bước đầu đã có được số liệu về thực trạng hoạt động kinh doanh của các đơn vị và cá thể kinh doanh trên các tỉnh, thành phố (64 tỉnh). Nhưng do các nguồn dữ liệu chưa được cập nhật thường xuyên và do các cơ sở dữ liệu tại các đơn vị có liên quan với nhau không đồng bộ và khác thời điểm do vậy thông tin hộ kinh doanh cá thể không được đầy đủ.

Cơ quan Thuế là một trong cơ quan quản lý nguồn thu cho ngân sách Nhà nước mà đối tượng lớn nhất là các hộ gia đình cá nhân sản xuất kinh doanh (cơ sở kinh doanh cá thể) bao gồm hơn 1 triệu năm trăm ngàn số CSKD cá thể (số liệu đăng ký thuế). Cơ sở dữ liệu về các đơn vị kinh doanh đã được Trung tâm tin học Thống kê triển khai bước đầu có được nguồn dữ liệu tin cậy.

Năm 2002, Tổng cục Thống kê bước đầu đã tổ chức lại các cuộc điều tra các cơ sở cá thể hàng năm của các vụ chuyên ngành thành một cuộc điều tra thống kê các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể do Vụ Thống kê Thương mại, Dịch

vụ và Giá cả chủ trì. Cụ thể, năm 2002 điều tra các cơ sở cá thể được ghép vào Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp vào thời điểm 1/7/2002.

Năm 2003, tiến hành điều tra mẫu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể vào thời điểm 1/10.

Năm 2004, tổ chức điều tra toàn bộ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể vào thời điểm 1/7/2004. Từ chỗ, mỗi Vụ tiến hành điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể theo chuyên ngành (đã có nhiều điểm khác nhau, như thời điểm, chỉ tiêu, phân loại...) đến thống nhất vào một cuộc điều tra nên đã khắc phục được những hạn chế trên. Tuy nhiên, vẫn không giải quyết được vấn đề tồn tại, như không có được danh sách các cơ sở kinh doanh cá thể được cập nhật mới nhất làm dần mẫu cho các cuộc điều tra, không nắm được số cơ sở kinh doanh tăng mới, đóng cửa.... Để cập nhật danh sách cơ sở kinh doanh cá thể, Tổng cục Thống kê tiến hành triển khai đề tài nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể do Vụ Phương pháp chế độ Thống kê là Vụ chủ trì thực hiện.

Đề tài được tổ chức nghiên cứu trong 2 năm 2004-2005, nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu cập nhật cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế, cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mục tiêu của đề tài:

- Cung cấp danh sách các cơ sở kinh doanh cá thể được cập nhật hàng tháng với các nhóm thông tin cơ bản, như thông tin định danh, liên hệ, quy mô;
- Lập được một số báo cáo tổng hợp về số lượng cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Theo dõi được sự biến động của cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nâng cao được hiệu quả và chất lượng thông tin thống kê.

Nội dung nghiên cứu:

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu các đối tượng nộp thuế thuộc Tổng cục Thuế, cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở cá thể của Tổng cục Thống kê;
- Nghiên cứu kinh nghiệm thiết kế, xây dựng và vận hành một số cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cá thể của nước ngoài;
- Nghiên cứu, thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu và xác định nội dung thông tin trong cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu và xác định nguồn thông tin cập nhật vào cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;

- Nghiên cứu, thiết kế các phần mềm ứng dụng trong cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Thiết kế các dạng triết xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu và đề xuất tổ chức vận hành, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể thuộc Tổng cục Thống kê.

Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp luận, nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể có liên quan của một số nước.
- Tổ chức hội thảo, tư vấn chuyên gia.
- Nghiên cứu, khảo sát cơ sở dữ liệu có liên quan của một số cơ quan.
- Phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu.

Sản phẩm đạt được:

1. Báo cáo nghiên cứu các khái niệm được sử dụng trong cơ sở kinh doanh cá thể, định nghĩa về đơn vị địa bàn, đề xuất ứng dụng vào cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể.
2. Báo cáo nghiên cứu cấu trúc nội dung thông tin thu thập, lưu giữ và cập nhật cơ sở kinh doanh cá thể trong cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế.
3. Báo cáo kinh nghiệm thu thập số liệu về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục thuế và điều tra cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê.
4. Báo cáo kinh nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của một số nước và khả năng sử dụng vào Việt Nam.
5. Xây dựng dữ liệu từ các nguồn cơ sở dữ liệu của Tổng cục thuế và Tổng điều tra cơ sở kinh doanh cá thể năm 2002 của Tổng cục Thống kê.
6. Báo cáo xây dựng phần mềm ứng dụng quản trị cơ sở kinh doanh cá thể.
7. Nghiên cứu xây dựng phần mềm phát triển trên môi trường Web tiến tới xây dựng trang thông tin cơ sở kinh doanh cá thể trên mạng INTRANET của Tổng cục Thống kê.
8. Nghiên cứu phần mềm lập danh sách cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể phục vụ điều tra mẫu cho địa phương.
9. Nghiên cứu nguồn cập nhật cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
10. Ứng dụng thử nghiệm cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể tại Cục Thống kê Hà Nội từ đó đề xuất hướng chuẩn hoá cấu trúc dữ liệu từ các nguồn.

Các thành viên tham gia nghiên cứu:

1. Thạc sỹ Đỗ Trọng Khanh, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Chủ nhiệm đề tài
2. Kỹ Sư Nguyễn Gia Luyện, Phó vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Phó Chủ nhiệm đề tài
3. Cử nhân Trần Tuấn Hưng, chuyên viên chính, Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Phó Chủ nhiệm đề tài
4. Cử nhân Nguyễn Thị Hà, chuyên viên Chính ,Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, thư ký đề tài
5. Thạc sĩ Nguyễn Văn Đoàn, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả,
6. Kỹ sư Phạm Việt Hà, Trung tâm tin học Thống kê
7. Kỹ sư Lê Tuấn Giang, Trung tâm tin học - Cục Thống kê Hà Nội
8. Cử nhân Nguyễn Thị Thuận, Phó giám đốc Trung tâm tin học Thống kê - Tổng cục Thuế
9. Cử nhân Nguyễn Huy Minh, chuyên viên Vụ Phương pháp chế độ Thống kê
10. Cử nhân Tạ Minh Hiền, Chuyên viên Vụ Phương pháp chế độ Thống kê
11. Cử nhân Lê Thủy Tiên, Chuyên viên Vụ Phương pháp chế độ Thống kê

Phần thứ nhất

TỔNG QUAN

I. Khái niệm về cơ sở kinh doanh cá thể

+ Đối với một số Quốc gia có nền kinh tế phát triển, cơ sở kinh doanh cá thể được coi là doanh nghiệp. Bởi vì, một thực thể kinh tế có thể là một người, một số người, một pháp nhân hoặc nhóm các đơn vị pháp nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh với mục đích tìm kiếm lợi nhuận.

+ Ở Việt nam cơ sở kinh doanh cá thể được hiểu và thực hiện ở 2 lĩnh vực kinh tế như sau:

1.1 Tổng cục Thống kê

Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là cơ sở kinh tế thuộc sở hữu tư nhân, chưa đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Cơ sở kinh tế nơi diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên có địa điểm xác định và có ít nhất 1 lao động chuyên nghiệp thực hiện hoạt động kinh tế tại địa điểm đó. Vậy cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Cơ sở sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh là những cơ sở đã được cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Thường là phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện, cấp quận)..

- Cơ sở sản xuất kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh là những cơ sở được miễn đăng ký kinh doanh theo qui định (Theo Khoản 2, Điều 24, Chương IV, Nghị định 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2004 của Chính phủ qui định Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh...

- Cơ sở SXKD chưa đăng ký kinh doanh là những cơ sở không thuộc đối tượng miễn đăng ký kinh doanh, nhưng chưa có giấy đăng ký kinh doanh.

1.2 Tổng cục Thuế

Một số yếu tố để xác định CSKD cá thể khi cấp mã số thuế:

- CSKD cá thể có thể là hộ gia đình có hoạt động SXKD, có thể chỉ là 1 cá nhân hoặc 1 nhóm cá nhân có hoạt động SXKD.

- Một CSKD cá thể có thể có nhiều địa điểm kinh doanh hoặc kinh doanh nhiều ngành nghề.

- Một CSKD cá thể có thể hoạt động SXKD hoặc ngừng hoạt động SXKD tùy theo nhu cầu của CSKD đó.

Quy định về cấp mã số thuế đối với CSKD cá thể

Từ năm 1998, cùng với việc triển khai các Luật thuế mới như Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, ngành thuế đã thực hiện công tác cấp mã số thuế đối với tất cả các đối tượng nộp thuế là các cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm: doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế có hoạt động SXKD, các cá nhân, hộ gia đình có hoạt động SXKD, trừ các đối tượng là cá nhân và hộ gia đình thuộc diện nộp thuế nhà đất và thuế nông nghiệp.

Như vậy, tất cả các CSKD cá thể phải thực hiện đăng ký thuế với cơ quan Thuế để cấp một mã số thuế duy nhất cho chủ cơ sở kinh doanh cá thể đó và có giá trị trong suốt cuộc đời của cá nhân. Mã số thuế này vừa sử dụng để nộp các loại thuế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, vừa được sử dụng để nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế thu nhập cá nhân sau này và tuân thủ theo qui định:

- Mỗi một CSKD cá thể được cấp 1 mã số thuế duy nhất cho cá nhân là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh đó.

- Nếu CSKD cá thể là hộ gia đình hoặc một nhóm cá nhân cùng tham gia sản xuất kinh doanh thì CSKD đó có thể chọn một cá nhân đại diện là chủ cơ sở kinh doanh để đăng ký cấp mã số thuế. Tuy nhiên, cá nhân này phải được pháp luật thừa nhận có đủ điều kiện chịu trách nhiệm về hành vi dân sự của mình (là người không bị coi như là mất năng lực hành vi dân sự như người bị mất trí, người có đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi)...).

- Nếu CSKD có địa điểm kinh doanh tại nhiều nơi thì CSKD được cấp 1 mã số thuế độc lập duy nhất (mã số thuế 10 số), các địa điểm còn lại sẽ được cấp mã số thuế trực thuộc (mã số thuế 13 số).

- Nếu CSKD đó ngừng hoạt động SXKD thì mã số thuế đã cấp cho chủ CSKD sẽ được coi như tạm ngừng hoạt động. Nếu sau một thời gian chủ cơ sở CSKD cá thể đó quay trở lại hoạt động SXKD (kể cả tại một địa điểm khác, ngành nghề kinh doanh khác) thì mã số thuế đã cấp vẫn có giá trị sử dụng...

- Nếu cá nhân là chủ CSKD đó chết, mất tích thì mã số thuế đã cấp cho chủ CSKD đó sẽ không còn giá trị sử dụng.

- Khi CSKD cá thể bắt đầu hoạt động SXKD, trước khi đăng ký thuế, CSKD đó phải hoàn thành các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa bàn quận/huyện nơi CSKD có hoạt động SXKD.

II. Quản lý cơ sở kinh doanh cá thể

2.1 Đối với Tổng cục Thuế

Tổng cục Thuế là một cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý nguồn thu cho ngân sách nhà nước và qua đó thực hiện vai trò quản lý của nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh; trong đó đối tượng quản lý với số lượng lớn nhất của cơ quan Thuế là các hộ gia đình và cá nhân sản xuất kinh doanh (gọi tắt là cơ sở kinh doanh cá thể).

Hiện tại, ngành Thuế đang quản lý hơn 1 triệu năm trăm ngàn số CSKD cá thể (theo số liệu đăng ký thuế). Đây là một trong những nhiệm vụ rất nặng nề của ngành vì số đối tượng quản lý lớn và phức tạp được phân bố dàn trải trên tất cả các địa bàn từ thành phố, thị xã đến các vùng sâu, vùng xa và thường xuyên biến động.

Nếu tính hiệu quả hoạt động thì đây là một bài toán tỷ lệ nghịch vì số đối tượng mà ngành Thuế phải quản lý là CSKD cá thể chiếm tỷ lệ rất lớn và chiếm nguồn lực chủ yếu của toàn ngành thuế nhưng số thuế thu được cho ngân sách nhà nước lại chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ. Điều này luôn đặt ngành Thuế trước một bài toán tính hiệu quả để từ đó có những giải pháp đúng đắn trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước.

Cùng với sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế đất nước, các CSKD cá thể ngày càng tăng nhanh cả về số lượng và qui mô sản xuất kinh doanh, đóng góp ngày một nhiều cho ngân sách nhà nước và trở thành nguồn thu quan trọng của quốc gia. Đây thực sự là một lực lượng rất quan trọng và có nhiều tiềm năng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước.

Trong khi đó, công tác quản lý đối với các đối tượng nộp thuế là CSKD cá thể ngày càng gặp nhiều khó khăn do số lượng đối tượng phải quản lý đông, việc nắm được chính xác và đầy đủ các thông tin của các CSKD cá thể này để quản lý thuế, tính thuế, thu thuế vẫn còn chưa chặt chẽ. Sự phối hợp quản lý với các ngành khác vẫn còn rất hạn chế, đặc biệt vẫn còn rất nhiều bất cập trong việc quản lý kinh doanh như công tác cấp đăng ký kinh doanh cho các CSKD cá thể này, rất nhiều CSKD cá thể không được cấp phép kinh doanh vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh mà cơ quan thuế vẫn phải quản lý và thu thuế... Tất cả các tình trạng này dẫn đến hiệu quả quản lý kém của các cơ quan quản lý nhà nước và ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý thu của ngành Thuế.

Vì vậy, cần thiết phải có một sự nghiên cứu đánh giá rất nghiêm túc và đầy đủ về các CSKD cá thể, các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tượng này; về những ích lợi mà các đối tượng này đã và đang đóng góp cho xã hội, cho

đất nước; về sự tổ chức quản lý và phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước để từ đó có những kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm phát huy tính tích cực và hiệu quả trong công tác quản lý, tham mưu cho Nhà nước những biện pháp tổ chức quản lý một cách đúng đắn và hiệu quả.

Ngành Thuế đang tăng cường phối hợp trao đổi thông tin với các ngành có liên quan để giảm bớt việc cập nhật thông tin thủ công và trùng lặp như kết nối với cơ quan kho bạc Nhà Nước trao đổi thông tin về thu nộp tiền thuế vào NSNN của các đối tượng nộp thuế, trong đó có CSKD cá thể....

2.2 Đối với Tổng cục Thống kê

Nhằm cung cấp những thông tin đa dạng, có tính hệ thống và đảm bảo tính nhất quán về khu vực kinh tế cá thể phục vụ công tác thống kê để tính toán các chỉ số kinh tế và mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo của khu vực kinh tế cá thể; đồng thời phục vụ các cơ quan quản lý của nhà nước, các tổ chức quốc tế, khu vực, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các đối tượng sử dụng thông tin khác, cần phải thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể một cách ổn định, nhất quán và thường xuyên, để từ đó đưa ra các kiến nghị cho việc xây dựng hệ thống thông tin trong cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể.

Khu vực sản xuất kinh doanh cá thể được hình thành ở nước ta từ rất lâu và là bộ phận rất quan trọng trong nền kinh tế tiểu nông, tiểu chủ trước đây. Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước vẫn khẳng định khu vực sản xuất kinh doanh cá thể là một trong sáu thành phần kinh tế ở nước ta và giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc gia. Vai trò, tầm quan trọng của khu vực này này được thể hiện qua các góc độ khía cạnh dưới đây.

- a. Về số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực sản xuất kinh doanh cá thể: Tính đến ngày 1/10/2003, khu vực kinh tế cá thể có 2 722 706 cơ sở đang hoạt động. Nếu so thuần túy về số lượng, khu vực kinh tế cá thể có số cơ sở lớn gấp 4 lần số doanh nghiệp tại cùng thời điểm (khoảng 75 000 – 78 000 DN). Qua số liệu này cho phép chúng ta một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của khu vực kinh tế cá thể trong nền kinh tế quốc dân thể hiện ở 3 điểm là:
 - + Với số lượng lớn các cơ sở kinh tế cá thể được phân bố ở khắp các xã, phường trên phạm vi toàn quốc đã huy động nguồn nội lực khá lớn của khu vực kinh tế cá thể;

- + Đã làm giảm bớt sự cách biệt giữa các địa bàn, nhất là địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, những vùng doanh nghiệp không muốn hoặc không thể đầu tư ở đó;
 - + Giúp người nghèo ở cả thành thị và nông thôn tiếp cận được với các dịch vụ sớm hơn, nhanh hơn, rẻ hơn.
- b. Về số lao động làm việc trong khu vực sản xuất kinh doanh cá thể: Kết quả điều tra cho thấy, bình quân 1 cơ sở có 1,7 lao động, với gần 2,8 triệu cơ sở sẽ có 4,75 triệu lao động làm việc trong khu vực kinh tế cá thể phi nông nghiệp. Qua số liệu này cho thấy khu vực sản xuất kinh doanh cá thể không chỉ tạo việc làm, thu nhập cho bộ phận lớn người lao động không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để làm việc trong khu vực doanh nghiệp, khu vực hành chính sự nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp khác, mà còn là nơi tiếp nhận những người đã được đào tạo nhưng chưa thể kiếm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo hoặc những người lao động do các khu vực kinh tế khác thải loại ra. Như vậy, khu vực sản xuất kinh doanh cá thể không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa xã hội rất lớn. Thử hình dung, nếu nền kinh tế Việt Nam không tồn tại khu vực sản xuất kinh doanh cá thể, thì hơn 4 triệu người này và gia đình của họ sẽ sinh sống bằng gì; tình hình an ninh xã hội sẽ ra sao...
- c. Về cơ cấu ngành: Với gần 2,8 triệu cơ sở kinh tế cá thể hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế quốc dân, từ ngành công nghiệp, thương nghiệp bán buôn, bán lẻ truyền thống cho đến các ngành dịch vụ mới phát sinh trong nền kinh tế thị trường là dịch vụ tư vấn, dịch vụ cá nhân, cộng đồng, số liệu cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng: Số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phân theo ngành kinh tế:

	Mã ngành	Số lượng cơ sở	Cơ cấu ngành (%)
A	B	1	2
Tổng số		2 722 706	100,00
1. Công nghiệp khai thác mỏ	C	36 370	1,34
2. Công nghiệp chế biến	D	728 000	26,74
3. Xây dựng	F	32 201	1,18

4. Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ ...	G	1 194 949	43,89
5. Khách sạn và nhà hàng	H	357 510	13,13
6. Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	I	205 204	7,54
7. Tài chính, tín dụng	J	3 077	0,11
8. Hoạt động khoa học và công nghệ	K	2	0,00
9. Các Hộ liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ ...	L	55 282	2,03
10. Giáo dục và đào tạo	N	3 635	0,13
11. Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	O	14 830	0,54
12. Hoạt động văn hóa thể thao	P	22 338	0,82
13. Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	T	67 966	2,50
14. Ngành khác (*)		46	0,00

(*) Do dữ liệu không thể xác định được vào mã ngành cụ thể

Qua số liệu ở bảng trên cho thấy, mặc dù đã có mặt ở hầu hết các ngành kinh tế quốc dân, nhưng chủ yếu vẫn tập trung hoạt động ở một số ngành truyền thống, như công nghiệp chế biến (26,7%), thương nghiệp (43,9%), khách sạn nhà hàng (13,1%), các ngành khác còn lại chỉ chiếm có 15,3%. Một số ngành dịch vụ mới chiếm tỷ trọng rất nhỏ bé, chẳng hạn, số cơ sở hoạt động trong ngành tài chính tín dụng chỉ chiếm 0,1%; hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn chiếm 2,0%; dịch vụ giáo dục, đào tạo chiếm 0,1%. Như vậy sau nhiều năm thực hiện chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hoá, tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, khu vực sản xuất kinh doanh cá thể vẫn chưa có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu ngành kinh tế.

2.3 Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Quy trình đăng ký kinh doanh của cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện như sau: đăng ký kinh doanh của Cơ sở kinh doanh cá thể được tiến hành ở cấp Quận/Huyện, số liệu thu được phải qua báo cáo của Quận/ Huyện lên Sở kế hoạch và Đầu tư, từ đó Sở kế hoạch và Đầu tư báo cáo lên Bộ. Để có số liệu Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể cần phải kết hợp với Chi cục thuế, phòng tài chính - Kế hoạch các huyện để nắm lại danh sách các cơ sở kinh doanh cá thể ở các Chi cục

thuế đang quản lý và thu thuế. Do vậy, số liệu về cơ sở kinh doanh cá thể phụ thuộc vào hệ thống báo cáo từ cơ sở.

Lĩnh vực tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh doanh cá thể rất đa dạng, có mặt hầu hết trong các ngành kinh tế. Tuy nhiên tập trung nhiều vào các ngành thương mại và dịch vụ chiếm tới 83% số cơ sở kinh doanh cá thể.

Ngành nghề chẳng những là nội dung quan trọng đối với công tác đăng ký kinh doanh mà còn liên quan trực tiếp đến quyền kinh doanh của công dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh cá thể như : lưu thông hàng hoá, xuất nhập khẩu và phát triển thị trường ...nhất là trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi, các ngành nghề bị cấm hoặc hạn chế kinh doanh còn dài, tư duy các nhà quản lý kinh doanh chưa chuyển biến kịp với tình hình mới...

Vì vậy, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ là cầu nối để chuyển tải vào cuộc sống những ngành nghề đăng ký kinh doanh này.

Vấn đề đặt ra là xác định ngành nghề đăng ký kinh doanh là một trong những công việc khó khăn nhất của Cơ quan đăng ký kinh doanh trong những năm qua.

Bản danh mục ngành nghề ban hành kèm theo Nghị định số 221/HĐBT ngày 23/7/1991 cũng là căn cứ quan trọng để cơ quan đăng ký ngành, nghề kinh doanh cho Doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể thuộc diện điều chỉnh của Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, nền kinh tế thị trường đã có những bước phát triển đáng kể, bản danh mục ngành nghề ghi vốn pháp định để đăng ký ngành, nghề cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh kể trên không còn đáp ứng được các quan hệ giao dịch của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, cơ sở kinh doanh cá thể.

Ngày 28/6/1996, Chính phủ ban hành một bản danh mục vốn pháp định đối với Doanh nghiệp nhà nước kèm theo nghị định số 50/CP gồm 74 ngành, nghề trích trong Quyết định 143 TCTK-PPCĐ ngày 22/12/1993 về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế quốc dân. Bắt đầu từ thời điểm đó Danh mục này cũng làm căn cứ để xác định ngành nghề của Doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể.

Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện cơ quan đăng ký kinh doanh thường bị vướng mắc khi chọn ngành, nghề kinh doanh trong Quyết định 143 TCTK/PPCĐ (vì không sát với hoạt động của cơ sở kinh doanh cá thể) và không trùng với ngành nghề, hàng hoá, ngành hàng của các văn bản thuế, hải quan, xuất nhập khẩu (vì đó chỉ là mặt hàng, ngành hàng gắn liền với hoạt động trên từng lĩnh vực sản xuất thương mại ...).

Ví dụ:

STT	Theo Quyết định 143 TCTK/PPCĐ.	Ngành nghề trong thực tế của đăng ký kinh doanh
1	Sản xuất trang phục, trừ quần áo da, lông thú (mã 1810)	May mặc
2	Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ (5010)	Sửa chữa sản phẩm cơ khí
3	Chăn nuôi gia súc (0121)	Mua bán thức ăn gia súc
4	Các hoạt động phục vụ trồng trọt và chăn nuôi (trừ hoạt động thú y) (0140)	Thụ tinh nhân tạo (sản xuất giống gia súc)
5	Các hoạt động phục vụ trồng trọt và chăn nuôi (trừ hoạt động thú y) (0140)	Cho thuê máy nông nghiệp (có người điều khiển hoặc không có người điều khiển)
6	Xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình	Xây dựng công trình giao thông
	

Trong quá trình thực hiện công tác đăng ký kinh doanh, phòng đăng ký kinh doanh đã cố gắng vận dụng thực hiện theo Quyết định 143 TCTK/PPCĐ, tuy nhiên kết quả đạt được rất hạn chế vì doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh cá thể thường muốn đăng ký ngành nghề theo cách hiểu của họ; do vậy không đáp ứng được bản chất của ngành nghề.

Do một số tồn tại bởi việc khó khăn tìm được ngành nghề kinh doanh phù hợp với đơn đăng ký kinh doanh (mà ngành nghề đó lại không thuộc diện pháp luật cấm, đang sử dụng hiện nay trong đời sống thực tế).

III. Những bài học kinh nghiệm quốc tế về xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể

3.1 Đăng ký doanh nghiệp của Australia (Úc)

a. Quan hệ với cơ quan Thuế

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 1936 qui định Tổng cục Thuế cung cấp cho Tổng cục Thống kê những thông tin cụ thể về những nhà kinh doanh để sử dụng cho mục đích của Luật Thống kê và tổng điều tra năm 1905;
- Luật Thuế năm 1953 cho phép cơ quan Thuế cung cấp cho cơ quan Thống kê bất kỳ những thông tin được thu thập theo luật thuế gián thu.

Trên cơ sở pháp lý nêu trên, hai cơ quan đã thiết lập được mối quan hệ rất tốt trong việc trao đổi, cung cấp dữ liệu và đào tạo nghiệp vụ hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Hàng tháng, cơ quan Thuế cung cấp toàn bộ các đối tượng nộp thuế, lệ phí cho cơ quan Thống kê trên băng từ (khoảng 4 triệu bản ghi). Ngoài ra, cơ quan Thuế còn cung cấp hàng quý những số liệu tổng hợp về các loại thuế hàng hoá và dịch vụ tính toán tài khoản quốc gia.

Ngược lại, cơ quan Thống kê thường xuyên đào tạo cho nhân viên Thuế kinh nghiệm và kiến thức xác định mã ngành hoạt động, cấu trúc doanh nghiệp và cảnh báo những vùng dữ liệu có vấn đề.

b. Cơ cấu tổ chức của đơn vị đăng ký kinh doanh

Nước Úc được chia thành 6 vùng, 2 Bang, dưới cấp Vùng/Bang là cấp thành phố, như vậy về mặt chính quyền có 3 cấp (cấp liên bang, cấp vùng, cấp thành phố). Nhưng đối với ngành Thống kê, chỉ tổ chức theo 2 cấp: cấp quốc gia, cấp vùng (không có thống kê cấp thành phố). Thống kê vùng trực thuộc cơ quan Thống kê trung ương Úc, ngoài chức năng thống kê theo vùng, một số nghiệp vụ thực hiện theo chức năng thống kê quốc gia. Đơn vị đăng ký kinh doanh tại thống kê vùng có phạm vi quản lý quốc gia. Về nhân lực và cơ cấu tổ chức, đơn vị đăng ký kinh doanh có 51 người được chia thành 4 bộ phận sau:

- Bộ phận quản lý và chuyển dữ liệu (Transition and Administration Unit), bộ phận này gồm 4 người. Nhiệm vụ chính là nhận dữ liệu từ thuế (băng băng từ) đổ vào CSDL của ABS, sau đó so sánh với CSDL tháng trước của ABS để tìm ra sự thay đổi trong tháng; kiểm soát sự di chuyển giữa hai nhóm: doanh nghiệp qui mô lớn và doanh nghiệp qui mô nhỏ trong CSDL.

- Bộ phận quản lý chất lượng và đào tạo (Quality Management and Training Unit), bộ phận này gồm 10 người. Nhiệm vụ chính là quản lý chất lượng

dữ liệu, đào tạo các đối tượng có liên quan để sử dụng hệ thống đăng ký kinh doanh.

- Bộ phận quản lý công nghệ và dữ liệu (Data and Technical Management Unit) bộ phận này có 6 người. Nhiệm vụ chính là tải dữ liệu từ thuế vào CSDL, phát triển ứng dụng, hỗ trợ người sử dụng hệ thống (thiết kế giao diện cho người sử dụng), sản xuất các đầu ra.

- Bộ phận cập nhật doanh nghiệp lớn (Large Business Unit), bộ phận này có 24 người. Chức năng chính là cập nhật doanh nghiệp lớn.

c. Nguồn số liệu cập nhật

Trong cấu trúc đăng ký doanh nghiệp (gồm các cơ sở kinh doanh cá thể) sử dụng 3 loại đơn vị: Nhóm doanh nghiệp (Enterprise Group-EG); Doanh nghiệp (Enterprise-EN); đơn vị ngành hoạt động (Type of activity Unit- TAU). Dữ liệu trong CSDL doanh nghiệp quan hệ với dữ liệu trong CSDL thuế bằng hệ thống mã ABN - (ABN tương tự như Tax code).

Nguồn dữ liệu hàng tháng cơ quan Thống kê nhận toàn bộ dữ liệu bằng băng từ là từ cơ quan Thuế (Copy toàn bộ dữ liệu). Đối với những doanh nghiệp nhỏ được chuyển thẳng vào CSDL và được xử lý một cách tự động theo lô.

d. Sản phẩm của đơn vị đăng ký doanh nghiệp

Đơn vị đăng ký cập nhật cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin những sản phẩm chủ yếu sau:

Dàn mẫu đã được cập nhật mới nhất cho các cuộc điều tra thống kê;

Cung cấp những thông tin về Doanh nghiệp học (Demography Enterprise). Theo dõi được sự biến động của DN (sinh, chết, thay đổi);

Cung cấp sự phân bố doanh nghiệp theo địa bàn địa lý (by geography), theo ngành kinh tế (by activity), theo loại hình pháp nhân (by legal form), theo loại hình sở hữu (by ownership)...;

Hệ thống các tài liệu về các bảng phân loại, các khái niệm, định nghĩa và mô tả thống kê (CC-DB).

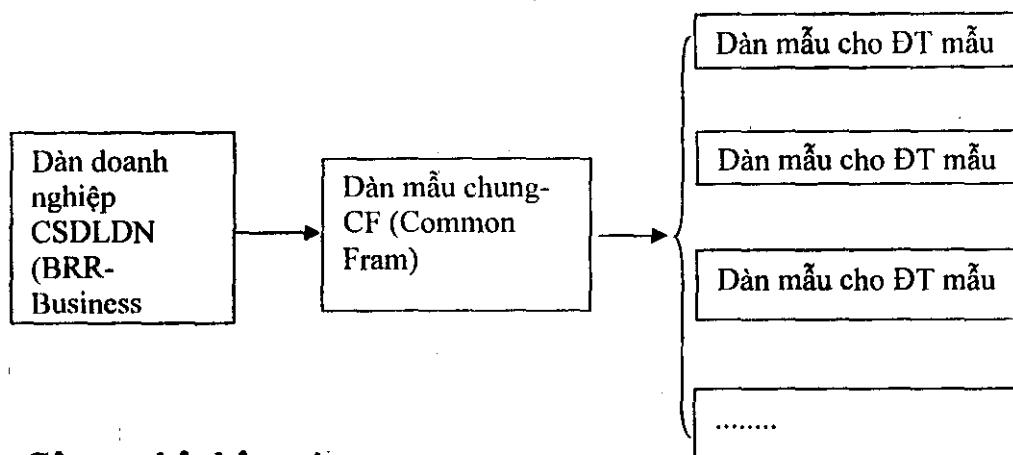
Lưu trữ toàn bộ hồ sơ doanh nghiệp qua các giai đoạn, thời kỳ khác nhau;

Lưu trữ lịch sử của các cuộc điều tra thống kê (sử dụng dàn mẫu từ đăng ký doanh nghiệp).

e. Dàn mẫu cho điều tra thống kê

Như trên đã đề cập, cung cấp dàn mẫu đã được cập nhật mới nhất cho các cuộc điều tra thống kê là một sản phẩm đầu ra của đơn vị đăng ký doanh nghiệp.

Từ cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, rút ra được danh sách doanh nghiệp (BR). Từ danh sách doanh nghiệp đó thiết kế được dàn chung (CF); dàn mẫu chung này bao gồm tất cả các ngành hoạt động. Từ dàn chung (CF), thiết kế mẫu điều tra riêng cho từng cuộc điều tra khác nhau. Quy trình này thể hiện qua mô hình dưới đây:



g. Công nghệ thông tin

Cơ quan Thống kê Úc được trang bị kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin khá tốt. Tất cả các máy tính cá nhân đều được làm việc trên hệ thống mạng. Việc cập nhật doanh nghiệp được thực hiện đồng thời ở TP Melbourne và ở một số khu vực khác cũng đều được thể hiện trong cùng một cơ sở dữ liệu thống nhất. Do đó, cơ quan đăng ký kinh doanh của Thống kê Úc được đặt chủ yếu ở TP Melbourne. Ngoài ra, còn có bộ phận cập nhật đặt ở NewSouth Wales (cập nhật những DN lớn) và Tasmania (cập nhật DN nông nghiệp). Các đối tượng sử dụng (được quyền truy cập) ở Canberra có thể truy cập một cách dễ dàng CSDL doanh nghiệp được đặt ở TP Melbourne.

3.2 Đăng ký doanh nghiệp của Newzealand

a. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của cơ quan Thống kê Newzealand cũng gần giống với Úc. Cơ quan đầu não thống kê đóng ở Thủ đô Wellington, dưới nó là thống kê cấp vùng. Thống kê cấp vùng, ngoài chức năng theo vùng, một số nghiệp vụ còn thực hiện theo chức năng thống kê quốc gia. Cơ quan đăng ký kinh doanh được đặt duy nhất ở Thống kê vùng, nhưng thực hiện theo phạm vi quốc gia.

Đơn vị đăng ký kinh doanh (Business Frame Unit) có 18 người được chia thành 5 nhóm công việc sau:

- Nhóm làm việc với dữ liệu thuế: 2 người;
- Nhóm nghiên cứu hỗ trợ hệ thống: 5 người;
- Nhóm cập nhật hàng tháng: 4 người;

- Nhóm làm việc với doanh nghiệp lớn: 2 người; (doanh nghiệp lớn là DN có số nộp thuế hàng năm > 30000USD, có số lao động >12 người làm thuê được trả lương.
- Nhóm điều tra cập nhật hàng năm: 5 người;

b. Nguồn dữ liệu và cập nhật CSDL

Nguồn dữ liệu chủ yếu từ cơ quan Thuế, ngoài ra còn có các nguồn số liệu khác như điều tra cập nhật, phản hồi từ các cuộc điều tra chuyên ngành, các phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp xuống doanh nghiệp để nắm tình hình....

Đối với nguồn số liệu từ cơ quan Thuế: Cứ vào ngày chủ nhật, tuần thứ 3 hàng tháng, nhóm làm việc với thuế (2 người) có nhiệm vụ nhận dữ liệu (bảng bảng từ) từ cơ quan Thuế tài sản và CSDL doanh nghiệp với khoảng 800000 DN (tại thời điểm nghiên cứu). Sau đó so sánh với CSDL của tháng trước để tìm những thông tin thay đổi (sinh, chết, chuyển đổi....)

Cũng giống như Úc, CSDL doanh nghiệp được chia thành 2 phần. Phần dữ liệu chủ chốt-Core BF là dữ liệu của những doanh nghiệp lớn, có cấu trúc phức tạp, phần này do cơ quan Thống kê cập nhật bằng nhiều nguồn số liệu khác nhau trên cơ sở nguồn dữ liệu của Thuế (có khoảng 400000 doanh nghiệp). Phần còn lại được gọi là CSDL đăng ký khách hàng của cơ quan Thuế; phần này chủ yếu do cơ quan Thuế cập nhật; hay nói cách khác cơ quan Thống kê không cập nhật phần này mà sử dụng nguyên số liệu của thuế chuyển sang hàng tháng.

Điều tra cập nhật CSDL Thống kê Newzealand thực hiện 2 cuộc điều tra để cập nhật CSDL doanh nghiệp: Điều tra cập nhật hàng tháng và điều tra cập nhật hàng năm.

Điều tra cập nhật hàng tháng: Từ nguồn dữ liệu thuế, lọc ra được một số doanh nghiệp quan trọng để tiến hành điều tra cập nhật hàng tháng.

Điều tra cập nhật năm: Hàng năm các doanh nghiệp sẽ được điều tra cập nhật theo 2 loại phiếu điều tra. Quá trình in phiếu, đóng bì thư và gửi phiếu được thực hiện tự động. Thời gian gửi phiếu đi từ tháng 1, đầu tháng 2 là thời điểm nhận phiếu và xử lý.

c. Các bảng phân loại sử dụng trong CSDL

Ngoài những bảng phân loại, như ngành hoạt động, khu vực thể chế, loại hình doanh nghiệp ... CSDL doanh nghiệp của Newzealand còn sử dụng bảng phân loại khu vực địa lý được gọi là mesh block code. Mesh block code là mã địa bàn điều tra; mỗi mesh block có khoảng 100 người dân sinh sống tại đó. Với

bảng phân loại này, CSDL doanh nghiệp thực sự như là hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System – GIS).

3.3 Đăng ký kinh doanh ở Hà Lan

Phòng đăng ký kinh doanh trung ương Hà Lan là một bộ phận của Vụ Điều phối Thống kê Kinh tế. Nó là một trong những công cụ mạnh nhất để thực hiện sự dính kết các hoạt động thống kê kinh tế. Hàng năm có khoảng 1,2 triệu phiếu điều tra được gửi đi cho khoảng 200 cuộc điều tra từ phòng này.

Khi một Vụ Thống kê chuyên ngành nào đó muốn tổ chức một cuộc điều tra kinh tế, họ sẽ tham khảo Vụ điều phối và xác định rõ tổng thể mong muốn cho cuộc điều tra của mình. Vụ Điều phối kiểm tra xem liệu các yêu cầu đó có đáp ứng được những chỉ dẫn điều phối liên quan tới đơn vị thống kê, các bảng danh mục, các khái niệm định nghĩa hay không với mục đích đảm bảo kết quả thống kê thu thập có thể so sánh được.

Tiếp theo Vụ Điều phối Thống kê Kinh tế sẽ tiến hành thiết kế mẫu cho cuộc điều tra. Sau đó mẫu sẽ được rút ra từ cơ sở đăng ký kinh doanh của Vụ Điều phối với nội dung danh sách các đơn vị thống kê.

Một ứng dụng rất đặc biệt và trực tiếp của đăng ký kinh doanh Trung ương là sử dụng các thông tin của nó cho các thống kê như thống kê nhân khẩu học kinh tế ở dạng đơn giản nhất, những thống kê này có đặc điểm về phân bố sản xuất của tổng thể toàn bộ doanh nghiệp được chia ra tùy theo các đặc tính như mã phân ngành kinh tế, quy mô và khu vực.

Hệ thống thống kê kinh tế nhằm mô tả đầy đủ quá trình kinh tế, còn đăng ký kinh doanh trung ương sẽ tạo ra những vai diễn trong quá trình này dưới dạng các đơn vị thống kê nhằm phục vụ các hoạt động thống kê.

Các đơn vị thống kê sử dụng trong đăng ký kinh doanh trung ương Hà Lan bao gồm 3 loại đơn vị sau:

- Doanh nghiệp: đại diện cho các đối tượng giao dịch trong quá trình tài chính và phân phối thu nhập. Những đơn vị này là cơ sở cho các thống kê về lợi nhuận và bảng tổng kết tài sản.

- Đơn vị hoạt động kinh tế: đại diện cho các đối tượng giao dịch trong quá trình sản xuất và cung cấp các thống kê về giá trị tăng thêm, doanh thu, đầu tư, lương..

- Đơn vị hoạt động kinh tế theo địa bàn: đại diện cho một bộ phận của đơn vị hoạt động kinh tế khi những đơn vị như vậy tiến hành các hoạt động của chúng ở

một số địa điểm khác nhau. Những đơn vị loại này cần thiết cho những thống kê đại diện cho dữ liệu về một cấp độ lãnh thổ.

Với từng loại đơn vị thống kê, một số đặc tính của nó cả về hành chính lẫn thống kê được ghi chép đầy đủ trong đăng ký kinh doanh Trung ương. Cả 3 loại đơn vị này được đặc trưng bởi tên, địa chỉ và quy mô lao động.

Việc tìm kiếm thông tin về các loại đơn vị trên cũng như các thông tin thay đổi của chúng rất khó khăn và tốn kém nếu chúng ta chỉ dựa chủ yếu vào nguồn thông tin có được qua thực tế điều tra, nên việc làm khôn ngoan và ít tốn kém hơn đó là dựa vào các nguồn thông tin đăng ký hành chính, tức là nguồn thông tin của các cơ quan khác của Chính phủ. Tại Hà Lan, nguồn thông tin chính cho đăng ký kinh doanh Trung ương là Cơ quan đăng ký kinh doanh, được điều phối bởi 38 phòng thương mại. Bất kỳ cá nhân hoặc một nhóm cá nhân có ý định bán hàng hóa ra thị trường phải có nghĩa vụ báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh. Bên cạnh Cơ quan đăng ký kinh doanh, Phòng thương mại còn nắm giữ "Đăng ký của các Hiệp hội và Tổ chức" là một nguồn thông tin khác cho đăng ký kinh doanh Trung ương.

Hàng tháng Đăng ký kinh doanh trung ương nhận thông tin từ các nguồn dữ liệu hành chính sau:

- Các đơn vị pháp nhân và đơn vị địa bàn mới đăng ký;
- Các đơn vị pháp nhân và đơn vị địa bàn hiện tồn tại nhưng bị loại bỏ khỏi CSDL
- Các thay đổi về loại hình pháp nhân của đơn vị pháp nhân
- Các thay đổi về địa bàn của các đơn vị địa bàn
- Các thay đổi về tên và địa chỉ của các đơn vị
- Các thay đổi về hoạt động kinh tế chính của đơn vị
- Các thay đổi về lực lượng lao động của đơn vị

Tuy nhiên, hệ thống đăng ký doanh nghiệp của Hà Lan còn gặp nhiều hạn chế và cơ quan Thống kê nước này đã và đang tìm nhiều biện pháp để giảm thiểu những hạn chế này.

IV. Phân tích đánh giá số liệu Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế

Với mục đích thu thập khác nhau: Đối với Tổng cục Thuế là đối tượng nộp thuế, còn với Tổng cục Thống kê là tất cả các cơ sở có hoạt động được pháp luật thừa nhận và có tính khả thi trong việc thực hiện thu thập số liệu, do vậy việc sử dụng số liệu của nhau phải biết tận dụng những điểm chung và đồng thời cũng phải biết những điểm khác biệt, cụ thể như sau:

- Do mục đích là quản lý và thu thuế nên tất cả các hoạt động có phát sinh thuế theo luật đều được quản lý và thu thuế. Do vậy, về cơ bản điều này phù hợp với việc quan sát và phân tích thống kê trên giác độ là các đơn vị cơ sở hoạt động, tuy nhiên về tính thực tế và khả thi trong việc thu thập, phản ánh số liệu chính xác thì cần phải xem xét vì 2 vấn đề sau:

+ Đơn vị hạch toán là cấp doanh nghiệp hoặc cao hơn, do vậy nhiều khi số liệu của các cơ sở chưa đảm bảo độ chính xác.

+ Về bản chất, các đơn vị kinh doanh có xu hướng không muốn nộp thuế hoặc nộp càng ít càng tốt, do vậy số liệu không phản ánh chính xác.

- Do yêu cầu quản lý và thu thuế nên xét trên giác độ hoạt động theo địa bàn số liệu thuế không phản ánh chính xác hoạt động trên địa bàn đó (thu hộ thuế...)

- Đối với Thống kê không những chỉ phản ánh các đơn vị hoạt động mà có thu thuế, mà còn phản ánh các đơn vị bắt đầu đăng ký kinh doanh, mà chưa đăng ký thuế, và ngay cả các trường hợp đã hoạt động mà trốn thuế, và cả các trường hợp mà có khi theo số liệu thuế là còn nhưng đã ngừng hoạt động (là trường hợp còn nợ thuế), chuyển đi nơi khác...

- Do đối tượng khác nhau nên khi sử dụng số liệu cần có sự nghiên cứu để chuyển đổi thống nhất với mục đích sử dụng

V. Triển vọng ứng dụng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể ở Việt Nam

Với nền tảng là cơ sở dữ liệu doanh nghiệp đã được xây dựng và ứng dụng bước đầu có hiệu quả tại cơ quan Thống kê Việt Nam, chắc chắn cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể sẽ bổ sung thêm hiệu quả cho hoạt động điều tra kinh tế của cơ quan Thống kê.

Thuận lợi đầu tiên là có kinh nghiệm đã thu thập được các nước và từ thực tiễn khi Tổng cục Thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp. Những kinh nghiệm này cho phép các nhà xây dựng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể có được một sản phẩm hoàn thiện hơn cả về mặt ứng dụng lẫn mặt kỹ thuật.

Thuận lợi thứ hai là sự cộng tác chặt chẽ giữa cơ quan Thuế và cơ quan Thống kê về mặt cung cấp dữ liệu đảm bảo sự cập nhật liên tục thông tin với chu kỳ hàng tháng đối với cơ quan Thống kê. Mỗi quan hệ này cũng phải tuân thủ một nguyên tắc chặt chẽ và nghiêm ngặt về tính bí mật, nghĩa là cơ quan thống kê không được cung cấp bất kỳ một thông tin cá nhân của cơ sở kinh doanh cá thể nào trong cơ sở dữ liệu cho bất kỳ ai.

Thuận lợi thứ ba là bên cạnh cơ quan Thuế - cơ quan nắm giữ gần như đầy đủ thông tin về các đối tượng nộp thuế còn có cơ quan cấp giấy đăng ký kinh doanh cho mọi đối tượng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) sẵn sàng cung cấp cho cơ quan Thống kê thông tin về đăng ký kinh doanh. Từ nguồn thông tin này cơ quan Thống kê có thể nắm bắt được số lượng đối tượng kinh doanh mới trong thời gian nhất định (cụ thể là hàng tháng).

Thuận lợi nữa là nguồn thông tin từ chính các cuộc điều tra cơ sở kinh tế do cơ quan Thống kê tiến hành. Ngoài các cuộc Tổng điều tra cơ sở kinh tế tiến hành 5 năm một lần, cơ quan Thống kê còn có các cuộc điều tra mẫu hàng năm về hộ kinh doanh cá thể. Đây là nguồn thông tin thu thập được từ thực tế nên mức độ chính xác là khá cao, kết hợp với nguồn thông tin từ cơ quan Thuế và cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư chắc chắn sẽ tạo được một nguồn thông tin khá hoàn chỉnh về hộ gia đình kinh doanh Việt Nam.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THU THẬP, CẬP NHẬT SỐ LIỆU CƠ SỞ KINH TẾ CÁ THỂ CỦA NGÀNH THUẾ, NGÀNH THỐNG KÊ VÀ CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

I. Tình hình thu thập, cập nhật số liệu cơ sở kinh tế cá thể ở Trung ương và địa phương của ngành Thuế

1.1 Đối tượng

Đối với ngành Thuế, việc thu thập số liệu doanh nghiệp và cơ sở kinh tế cá thể được áp dụng đối với các đơn vị có đăng ký nộp thuế. Các đối tượng này được gọi chung là đối tượng nộp thuế. Đối tượng này bao gồm 2 loại: Loại có mã số thuế 10 số và loại mã số thuế 13 số:

** Loại mã số thuế 10 số gồm:*

- Doanh nghiệp nhà nước gồm: doanh nghiệp độc lập, tổng công ty, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc tổng công ty.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài và có trách nhiệm nộp hộ thuế cho các nhà thầu và thầu phụ nước ngoài; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp kê khai, nộp thuế; nhà thầu là người điều hành hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; Chi nhánh công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

- Chủ dự án, các nhà thầu chính của nước ngoài của các dự án ODA, các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam phải đăng ký thuế để hoàn thuế;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh;

- Hợp tác xã;

- Chủ doanh nghiệp tư nhân;

- Cá nhân, chủ hộ kinh doanh, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác;

- Cá nhân nộp thuế theo pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

- Đơn vị uỷ quyền thu thuế, đơn vị thu phí, lệ phí và các khoản thu khác theo qui định của pháp luật;

- Các tổ chức kinh tế các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp khác.

*** Loại mã số thuế 13 số gồm:**

Các chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh và có đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan Thuế;

- Doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty;
- Nhà thầu tham gia hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí (trừ nhà thầu điều hành hợp đồng); nhà thầu, nhà thầu phụ không trực tiếp nộp thuế với cơ quan Thuế;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty và doanh nghiệp có phát sinh nộp thuế;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân, chủ hộ kinh doanh có các cơ sở, cửa hàng kinh doanh đóng tại các địa bàn quận, huyện thị xã hoặc tỉnh khác nhau thì ngoài mã số thuế chính 10 số còn được cấp mã số thuế 13 số để kê khai nộp thuế cho cơ sở, cửa hàng kinh doanh với cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở, hàng này.
- Xã viên hợp tác xã, các cá nhân thuộc các tổ chức kinh tế kinh doanh theo phương thức nhận khoán, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và nộp thuế trực tiếp với cơ quan Thuế.

1.2 Tình hình thu thập, lưu giữ và cập nhật thông tin ngành Thuế

Loại thông tin thu thập đối với ngành thuế bao gồm:

- + Các thông tin định danh về CSKD cá thể
- + Các thông tin liên quan đến công tác xác định tính các loại thuế phải nộp của CSKD cá thể
- + Các thông tin quản lý khác

Quy trình thu thập và luân chuyển thông tin: Tổng cục Thuế tổng hợp thông tin chung toàn quốc, trong đó bao gồm các thông tin đối với các CSKD cá thể trên toàn quốc. Thu thập các thông tin về đối tượng nộp thuế. Ở đó, doanh nghiệp và cơ sở kinh tế cá thể sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có những thông tin sau:

- Tên cơ sở kinh doanh;
- Địa chỉ kinh doanh;
- Thông tin về chủ cơ sở kinh doanh;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu;
- Vốn kinh doanh;
- Tổng số lao động;
- Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh;
- Ngành nghề kinh doanh chính;
- Đăng ký mã số xuất nhập khẩu;
- Tài khoản ngân hàng, kho bạc;
- Các loại thuế phải nộp;
- Tình trạng đăng ký thuế.

Việc lưu giữ thông tin được thực hiện thông qua các cơ sở dữ liệu; hiện nay Tổng cục Thuế đã xây dựng được cơ sở dữ liệu quản lý mã số thuế và CSDL quản lý thu thuế.

Vấn đề quan trọng trong CSDL quản lý mã số thuế là mỗi doanh nghiệp hoặc mỗi cá nhân kinh doanh chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập cho đến khi chấm dứt tồn tại. Cấu trúc mã số thuế được chia thành các nhóm như sau:

$N_1N_2 - N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 - N_{10} - N_{11}N_{12}N_{13}$

Trong đó:

Hai chữ số đầu N_1N_2 là số phân khoảng tỉnh được qui định theo Danh mục mã phân khoảng tỉnh.

Bảy chữ số $N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9$ được đánh theo số thứ tự từ 0000001 đến 9999999, chữ số N_{10} là chữ số kiểm tra.

Mười số N_1 đến N_{10} được cấp cho đối tượng nộp thuế độc lập và đơn vị chính.

Ba chữ số $N_{11}N_{12}N_{13}$ là các số thứ tự từ 001 đến 999 được đánh theo từng đơn vị trực thuộc.

Việc quản lý mã số trong CSDL gồm loại có mã 10 số và loại có mã 13 số.

- Cập nhật thông tin: Các thông tin mới và thông tin thay đổi của đối tượng nộp thuế được phân cấp cập nhật như sau:

- + Cấp huyện quản lý và cập nhật các cá nhân kinh doanh
- + Cấp Tỉnh quản lý các doanh nghiệp

Thông tin về các đối tượng nộp thuế đều được truyền đưa lên trung ương một ngày hai lần

Đánh giá công tác thu thập thông tin của ngành Thuế:

- Việc thu thập thông tin quản lý về các CSKD cá thể trong ngành Thuế được tổ chức thành mạng lưới rất rộng thông qua công tác quản lý thuế của ngành và được cập nhật thường xuyên liên tục. Hiện tại, ngành Thuế có khoảng 650 chi cục thuế với gần 3.000 tổ, đội thuế trực tiếp quản lý các CSKD cá thể và một số cơ quan chính quyền phường xã tham gia quản lý với số lượng hơn 1,5 triệu CSKD cá thể. Do số đầu mối thu thập thông tin rất lớn đòi hỏi công tác chỉ đạo triển khai phải được thống nhất và có sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ.

- Ngành Thuế đã chuẩn hoá rất nhiều mẫu biểu thông tin báo cáo như tờ khai thuế, chứng từ nộp thuế và các mẫu biểu khác liên quan đến công tác quản lý thuế đối với CSKD cá thể. Thực tế, việc chuẩn hoá thông tin vẫn còn một số bất cập, thông tin thu thập nặng về quản lý tính thuế, thiếu sự chuẩn hoá cho mục đích phân tích thống kê nên còn hạn chế trong việc xử lý, phân tích các thông tin trên.

- Mặc dù còn nhiều hạn chế và bất cập, công tác quản lý thuế của ngành đã nắm được các thông tin cơ bản của các CSKD cá thể trên địa bàn khắp cả nước, là nguồn thông tin đầy đủ, thường xuyên và đáng tin cậy nhất hiện nay của nhà nước đối với các đối tượng này.

II. Tình hình thu thập lưu giữ, cập nhật số liệu cơ sở kinh doanh cá thể ở Trung ương và địa phương của ngành Thống kê

Đối với ngành Thống kê việc thu thập thông tin được thực hiện dưới hai hình thức là: báo cáo và điều tra thống kê. Do vậy, đối tượng thực hiện cũng được chia thành 2 loại: đối tượng thực hiện chế độ báo cáo và đối tượng thực hiện điều tra. Cụ thể như sau:

Việc lưu giữ thông tin doanh nghiệp và các cá nhân sản xuất kinh doanh được thực hiện bằng máy tính và các phương tiện hiện đại khác. Các thông tin này được cập nhật hàng tháng, quý, năm thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo và điều tra chuyên môn. Tại Tổng cục Thống kê đang xây dựng CSDL Doanh nghiệp, nhằm lưu giữ và trên cơ sở cập nhật sẽ làm dần mẫu tốt cho các cuộc điều tra (điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu). Thông tin lưu giữ tại CSDL được kết hợp giữa 2 nguồn: Nguồn số liệu từ Tổng cục Thuế và nguồn số liệu thu được qua chế độ báo cáo và các cuộc điều tra thống kê; Chẳng hạn, Cuộc Tổng điều tra cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp năm 2002:

- + Đối tượng cơ sở kinh doanh cá thể bao gồm:
 - Các cá nhân sản xuất kinh doanh
 - Các hộ sản xuất kinh doanh
 - Nhóm người sản xuất kinh doanh

Đặc điểm cơ bản về các cơ sở trên là bao gồm cả có đăng ký và không đăng ký kinh doanh (mã số thuế và đang hoạt động).

+ Các thông tin cơ sở kinh doanh cá thể được lưu giữ trong CSDL Tổng điều tra cơ sở kinh tế gồm:

- Tên cơ sở;
- Mã số thuế;
- Địa chỉ ;
- Thông tin về chủ sở hữu;
- Năm bắt đầu hoạt động;
- Đăng ký kinh doanh;
- Tình trạng nộp thuế, lệ phí ;
- Ngành nghề kinh doanh chính;
- Doanh thu tháng 6 năm 2002;
- Số tháng dự kiến sản xuất kinh doanh trong năm 2002;
- Lao động;
- Ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Lưu giữ và cập nhật thông tin

Tổng cục Thống kê có cơ sở dữ liệu quản lý các thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Các thông tin được lưu trữ trong CSDL chung về kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp và cơ sở kinh tế cá thể

* Thông tin được cập nhật: năm năm một lần

III. Thực hiện đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh

Các cơ sở kinh doanh cá thể tiến hành đăng ký kinh doanh thực hiện theo Luật doanh nghiệp (Khoản 02 Điều 114: Quản lý của nhà nước đối với công tác đăng ký kinh doanh; khoản 02, Điều 115, 116: Quy định quyền hạn và trách nhiệm của Cơ quan đăng ký kinh doanh) và các văn bản hướng dẫn thi hành sau:

+ Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 của Chính phủ về Đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư liên tịch số 07/2001/TT- BKH và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành nghề kinh doanh sử dụng trong Đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 03/2004/TT- BKH ngày 29/6/2004 về việc Hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh đối với hộ cá thể.

Theo quy định của các văn bản trên thì:

- Cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình khi nộp đơn đăng ký kinh doanh phải xuất trình bản chính hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đứng tên đăng ký kinh doanh.

Trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề, thì kèm theo đơn phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình.

- Khi tiếp nhận đơn đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải ghi Giấy biên nhận theo mẫu MTB-20 và trao cho người nộp đơn.

- Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận đơn, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể theo mẫu MG-6, nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP.

+ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể theo quy định như sau:

- Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 2 ký tự
- Mã quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1 ký tự
- Mã loại hình: 1 ký tự, 8= hộ kinh doanh cá thể
- Số thứ tự hộ kinh doanh cá thể: 6 ký tự, từ 000001 đến 999999.

Ví dụ :

Khi ghi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể :

Hộ kinh doanh cá thể có thể có địa điểm kinh doanh tại quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, được ghi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 01C8000002(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp cho hộ kinh doanh cá thể thứ 2 tại quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

- Khi thay đổi nội dung đã đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể đã đăng ký, theo mẫu MTB-15.

- Trường hợp chuyển sang kinh doanh các ngành, nghề đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề, thì kèm theo thông báo phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình.

- Trường hợp chuyển địa điểm kinh doanh sang quận, huyện khác, hộ kinh doanh cá thể gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể đã đăng ký, theo mẫu MTB-15, đồng thời gửi thông báo đến Cơ

quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể dự định đặt địa điểm kinh doanh mới, kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể đã đăng ký và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể dự định đặt địa điểm kinh doanh mới phải ghi Giấy biên nhận theo mẫu MTB-20 và trao cho hộ kinh doanh cá thể.

- Trường hợp tên riêng của hộ kinh doanh cá thể trùng với tên riêng của hộ kinh doanh cá thể khác đã đăng ký kinh doanh trong cùng địa bàn quận, huyện nơi hộ kinh doanh cá thể chuyển đến, trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể dự định đặt địa điểm kinh doanh mới phải thông báo cho hộ kinh doanh cá thể biết và hướng dẫn hộ kinh doanh cá thể chọn tên khác, theo mẫu MTB-18.

+ *Thông báo hộ kinh doanh cá thể tạm ngừng kinh doanh.*

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh 30 ngày trở lên, hộ kinh doanh cá thể gửi thông báo theo mẫu MTB-16 đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh cá thể đã đăng ký.

- Khi tiếp nhận thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải ghi Giấy biên nhận theo mẫu MTB-20 và trao cho hộ kinh doanh cá thể.

+ *Thông báo và lưu giữ nội dung đăng ký kinh doanh:*

Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhận được thông báo tạm ngừng kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi những nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể vào sổ đăng ký kinh doanh lưu giữ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Định kỳ vào tuần thứ nhất hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện báo cáo tình hình đăng ký kinh doanh của tháng trước tại huyện, theo mẫu BC-2 và gửi về phòng đăng ký kinh doanh cấp Tỉnh trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đó nối mạng INTERNET hoặc báo cáo bằng văn bản về Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

IV. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh cơ sở cá thể

Qua khảo sát cho thấy, hiện nay có 3 hệ thống thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Đó là:

1. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh;
2. Hệ thống thông tin thuế;

3. Hệ thống thông tin thống kê.

4.1 Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh các cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan đăng ký kinh doanh

Các cơ sở kinh doanh cá thể, trước khi tham gia vào thị trường phải tiến hành đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo Nghị định số 66-HĐBT (nay là Chính phủ) ngày 02 tháng 3 năm 1992 quy định về đăng ký kinh doanh đối với cá nhân, nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định qui định trong Nghị định số 221-HĐBT ngày 23/7/1991.

Sau khi Luật Doanh nghiệp ra đời và có hiệu lực từ ngày 1/1/2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh. Những nội dung của Nghị định này liên quan đến đăng ký kinh doanh đối với khu vực kinh tế cá thể được thể hiện như sau:

Cơ quan đăng ký kinh doanh (Điều 3): Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), bao gồm:

a. Phòng đăng ký kinh doanh trong Sở kế hoạch đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh);

b. Phòng đăng ký kinh doanh thuộc UBND cấp huyện. Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp huyện có con dấu riêng.

Nhiệm vụ của phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện (Điều 5):

- Tiếp nhận đơn đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể, xem xét tính hợp lệ của đơn đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể;
- Hướng dẫn người đăng ký kinh doanh về ngành nghề kinh doanh phải có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành nghề đó;
- Xây dựng quản lý hệ thống thông tin về hộ kinh doanh cá thể trong phạm vi địa phương, định kỳ báo cáo UBND cấp huyện, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về hộ kinh doanh cá thể;
- Phối hợp, xác minh theo yêu cầu của phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong phạm vi huyện;
- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể trong các trường hợp; Không tiến hành hoạt động trong thời gian 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Ngừng hoạt động kinh doanh quá 30 liên tục mà không thông báo; chuyển địa điểm kinh doanh sang huyện khác; kinh doanh ngành nghề bị cấm.

Đối tượng, nội dung đăng ký kinh doanh: Nghị định số 02 cho thấy, hộ kinh doanh cá thể do một cá nhân hoặc hộ gia đình làm chủ, kinh doanh tại một địa điểm cố định, không thường xuyên thuê lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh. Trong đó, những hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh.

Nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể, gồm có:

- Họ và tên người đăng ký kinh doanh,
- Chữ ký;
- Nơi cư trú của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình;
- Địa điểm kinh doanh;
- Ngành, nghề kinh doanh;
- Số vốn kinh doanh.

Trong quá trình kinh doanh, nếu có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể phải thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Nếu chuyển địa điểm kinh doanh sang huyện khác, phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện đã cấp trước đây và tiến hành đăng ký kinh doanh mới tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện, nơi mới chuyển đến. Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể phải nộp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ đăng ký kinh doanh cá thể đã đăng ký.

Nghị định số 02/2000/NĐ-CP được thay thế bằng Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02/4/2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh. Nghị định này có một số điểm khác về đăng ký kinh doanh đối với hộ cá thể. Cụ thể:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh: Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công tác đăng ký kinh doanh ở địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện; trường hợp không thành lập phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện, thì Phòng tài chính-kế hoạch hoặc Phòng kinh tế thực hiện nhiệm vụ đăng ký kinh doanh cho cá nhân và nhóm kinh doanh.

- Hộ kinh doanh cá thể... sử dụng không quá 10 lao động;

- Hộ gia đình làm muối và những người bán rong, quà vặt, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW quyết định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương. Có thu nhập thấp hơn mức qui định không phải đăng ký kinh doanh. Mức thu

nhập thấp không được vượt quá mức khởi điểm chịu thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao (5 triệu/tháng).

Như vậy, Nghị định số 109/2004/NĐ-CP có 3 điểm mới so với Nghị định số 02/2000/NĐ-CP. Một là, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; hai là, hộ kinh doanh cá thể sử dụng không quá 10 lao động; ba là, hộ kinh doanh cá thể có thu nhập thấp (do UBND tỉnh, thành phố qui định, nhưng không vượt quá mức khởi điểm chịu thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao).

Tóm lại, hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh do Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện thuộc UBND huyện thực hiện và quản lý (Bộ Kế hoạch đầu tư, Sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố không quản lý). Nội dung thông tin đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể rất đơn giản (chỉ có 6 thông tin). Do đó, muốn khai thác những thông tin này, chúng ta phải khai thác từ Phòng đăng ký kinh doanh thuộc UBND cấp huyện.

4.2 Hệ thống thông tin thuế về cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan Thuế

Hiện tại, Tổng cục Thuế đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu các đối tượng nộp thuế, trong đó có các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có nộp thuế. Theo khảo sát, trong cơ sở dữ liệu quản lý các đối tượng nộp thuế có khoảng 1,7 triệu cơ sở loại này. Tìm hiểu sâu thêm về hệ thống thông tin thuế, cho thấy những điểm sau:

- Đăng ký mã số thuế: Những văn bản pháp lý liên quan đến thông tin thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là: Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1998 của Thủ tướng chính phủ qui định về mã số đối tượng nộp thuế. Theo đó, **đối tượng được cấp mã số thuế** là tất cả tổ chức, cá nhân thuộc diện phải kê khai đăng ký thuế, kê khai các khoản về thuế, phí, lệ phí theo qui định trong Luật thuế, phí, lệ phí Việt nam, trừ các đối tượng chỉ phải nộp thuế thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp và cá nhân nộp phí, lệ phí. **Nơi đăng ký thuế** để được cấp mã số thuế là Chi cục thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân, bộ, nhóm cá nhân kinh doanh. **Thời hạn đăng ký thuế**, tất cả các đối tượng khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ phải đăng ký thuế để được cấp mã số thuế chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Hồ sơ đăng ký thuế để cấp mã số thuế đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh gồm: Bản đề nghị cấp mã số thuế; Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 03.
- Những thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế gồm:
 - Tên cá nhân, nhóm người kinh doanh

▪ Địa chỉ

Tóm lại: Hiện trạng của việc phân tích các thông tin hiện có của các CSKD cá thể để khai thác và phân tích thông tin phục vụ quản lý đối với ngành thuế nói chung và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ mà bộ phận đó được phân công, chưa có sự khai thác rộng rãi để phục vụ cho các mục đích quản lý khác.

Hầu hết các thông tin mới dừng ở mức hoặc sử dụng thông tin chi tiết, việc sử dụng thông tin tổng hợp còn rất hạn chế, chưa có sự phân tích đánh giá khoa học, chưa có tham mưu bằng kết quả của sự phân tích thông tin hoặc chỉ hạn chế tại một bộ phận nhỏ của ngành: bộ phận lập dự toán thu thuế

Từ giữa năm 2002, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế đã có cam kết trao đổi thông tin. Theo đó, hàng tháng Tổng cục Thuế truyền sang Tổng cục Thống kê toàn bộ dữ liệu các đối tượng nộp thuế. Đến nay, Vụ phương pháp chế độ Thống kê tiếp nhận khoảng 1,7 triệu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể từ Tổng cục Thuế.

4.3 Hệ thống thông tin thống kê về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê

Trước năm 2002, thông tin thống kê về cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện theo từng chuyên ngành. Mỗi chuyên ngành tổ chức thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin này rất khác nhau. Chẳng hạn, các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể lĩnh vực công nghiệp, thực hiện theo QĐ số 146; các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể lĩnh vực xây dựng vận tải thực hiện theo QĐ số 44; các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể lĩnh vực thương mại, dịch vụ thực hiện theo QĐ số 219; Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thuộc lĩnh vực khác (kinh doanh tài sản, tư vấn, trung gian tài chính...) không có đơn vị nào tổ chức và thu thập thông tin. Do cách tổ chức thông tin như trên, nên không có được hệ thống thông tin của toàn bộ khu vực này ở cấp tỉnh, thành phố cũng như ở cấp tổng hợp, không có những thông tin chi tiết của từng cơ sở sản xuất kinh doanh.

Năm 2003, khu vực kinh doanh cá thể đã được thực hiện thống nhất theo một hệ thống thông tin do 1 đơn vị chủ trì. Với việc đổi mới tổ chức thu thập thông tin của khu vực kinh tế cá thể như năm 2003 đã khắc phục được sự khác nhau (khái niệm, định nghĩa, thời điểm, chỉ tiêu, phương pháp...) như trước đây. Hiện nay, tại cấp Cục Thống kê, cấp Tổng cục có sẵn thông tin về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể, nhưng cũng chỉ là những thông tin tổng hợp (do tiến hành điều tra mẫu).

Năm 2004, hệ thống thông tin thống kê về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể do Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả thực hiện như sau:

Điều tra toàn bộ số lượng cơ sở kinh doanh cá thể vào thời điểm 1/10/2004 theo phương án 625. Nội dung chủ yếu của phương án này bao gồm: Một là, chuẩn hoá khái niệm, định nghĩa, phạm vi, đặc biệt đã đưa ra các trường hợp đặc biệt để nhận dạng cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Hai là, kê khai toàn bộ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn các xã phường theo những thông tin rất cơ bản; Ba là, nhập toàn bộ thông tin đó vào máy tính theo chương trình thống nhất trên phạm vi toàn quốc; Bốn là, truyền toàn bộ những thông tin cơ bản của từng cơ sở lên Tổng cục. Tất cả những nội dung này đã, đang thực hiện theo đúng kế hoạch đặt ra. Thời hạn cuối cùng, toàn bộ dữ liệu điều tra sẽ được truyền về Tổng cục trước ngày 15/1/2005.

Như vậy, nếu không có gì thay đổi lớn, đến 15/1/2005 tại Tổng cục sẽ có khoảng 1,8 triệu cơ sở với các thông tin sau:

- Tên cơ sở
- Địa chỉ của cơ sở
- Mã xã, phường
- Mã huyện, quận
- Mã tỉnh, thành phố
- Ngành nghề kinh doanh
- Mã ngành
- Tổng số lao động
- Tình trạng đăng ký kinh doanh (có đăng ký, không đăng ký)
- Tình trạng nộp thuế (có nộp thuế, không nộp thuế)

Xây dựng CSDL điều tra cơ sở kinh doanh cá thể: Cơ sở dữ liệu này sẽ đáp ứng 2 mục tiêu: Một là, thiết kế các giao diện thuận tiện cho người sử dụng để khai thác cơ sở dữ liệu theo ý định của người thiết kế (chương trình tạo lập dàn mẫu, chọn mẫu, các bảng biểu số liệu, đồ thị...); hai là, người sử dụng dùng các phần mềm tiện ích khác (SPSS, Stata...) để truy cập vào CSDL lấy ra những thông tin cần thiết cho mục đích nghiên cứu, sử dụng riêng. Cơ sở dữ liệu này sẽ đưa lên mạng và là tài sản chung của Tổng cục. Người sử dụng phải đăng ký và sẽ được cấp quyền truy cập tùy theo từng đối tượng (sẽ thực hiện trong năm 2005).

Qua thực trạng hệ thống thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể như trên đã đề cập, chúng ta rút ra một số điểm sau:

- Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh, hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu cho công tác thống kê ở các cấp của cơ quan thống kê (Phòng TK huyện, Cục TK tỉnh, Tổng cục Thống kê). Thông tin đăng ký kinh doanh không được tổ chức, quản lý, lưu trữ một cách hệ thống; chưa bao gồm được toàn bộ cơ sở kinh doanh cá thể.

- Hệ thống thông tin thuế của cơ quan thuế đã cung cấp được một số thông tin chi tiết của từng cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; đã được tổ chức, quản lý, lưu trữ khá tốt ở các cấp của cơ quan Thuế (Chi cục thuế huyện, Cục thuế tỉnh, Tổng cục Thuế). Tuy nhiên, dữ liệu này mới bao gồm được khoảng gần 2/3 số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trên phạm vi toàn quốc.
- Những hạn chế của hai hệ thống thông tin nói trên thể hiện qua các bảng số liệu sau:

Bảng 3: Số lượng cơ sở kinh doanh cá thể phân theo thực trạng đăng ký kinh doanh, theo ngành kinh tế

	Mã ngành	Tỷ lệ cơ sở có ĐKKD	Tỷ lệ cơ sở miễn ĐKKD	Tỷ lệ cơ sở chưa ĐKKD
Tổng số		38,77	27,48	33,75
1. Công nghiệp khai thác mỏ	C	5,05	82,08	12,86
2. Công nghiệp chế biến	D	20,21	40,15	39,64
3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	E	32,41	31,48	36,11
4. Xây dựng	F	5,68	48,15	46,16
5. Thương nghiệp; Sửa chữa xe có động cơ...	G	50,92	18,84	30,24
6. Khách sạn và nhà hàng	H	36,85	26,61	36,54
7. Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	I	37,76	26,84	35,4
8. Tài chính, tín dụng	O	21,01	46,85	32,14
9. Hoạt động khoa học và công nghệ	K	100	0	0
10. Hoạt động liên quan đến Kinh doanh tài sản và dịch vụ	L	59,94	15,3	24,76
11. Giáo dục và đào tạo	N	35,25	31,22	33,53
12. Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	O	72,05	8,9	19,05
13. Hoạt động văn hóa thể thao	P	56,28	15,06	28,66
14. Hoạt động phục vụ cá nhân và	T	28,17	30	41,82

cộng đồng				
15. Ngành khác		76,67	196,7	26,67

Số cơ sở chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chiếm 33,8%, thực trạng này cho thấy tính 2 mặt của số liệu này. Một là, có đến 33,8% số cơ sở nằm ngoài sự quản lý của cơ quan đăng ký kinh doanh. Cũng có nghĩa là số cơ sở này không nhận được bất cứ sự trợ giúp nào từ phía nhà nước và các tổ chức khác. Hai là, ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở này chưa nghiêm. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để giảm thiểu số cơ sở sản xuất kinh doanh chưa có đăng ký kinh doanh sẽ giải quyết được 2 vấn đề cùng 1 lúc, đó là nhà nước quản lý, hỗ trợ được nhiều hơn cho khu vực này, đồng thời khu vực này cũng sẽ chấp hành pháp luật và đóng góp được nhiều hơn cho ngân sách.

Về thực trạng nộp thuế của khu vực sản xuất cơ sở kinh doanh cá thể cũng có tình hình tương tự như đăng ký kinh doanh. Số cơ sở có nộp thuế môn bài chỉ chiếm 45,5%, số cơ sở có nộp thuế giá trị gia tăng chiếm 40,1%. Ngành có tỷ lệ nộp thuế cao nhất là ngành thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy; ngành có tỷ lệ nộp thuế thấp nhất là ngành xây dựng (xem số liệu chi tiết bảng 4).

Bảng 4: Số cơ sở kinh doanh cá thể phân theo thực trạng nộp thuế, theo ngành kinh tế (%)

		Tỷ lệ cơ sở có nộp thuế môn bài	Tỷ lệ cơ sở có nộp thuế GTGT
Tổng số		45,5	40,1
1. Công nghiệp khai thác mỏ	C	20,5	7,0
2. Công nghiệp chế biến	D	25,1	21,2
3. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	E	33,6	29,9
4. Xây dựng	F	6,5	5,2
5. Thương nghiệp; Sửa chữa xe có động cơ,...	G	58,7	53,5
6. Khách sạn và nhà hàng	H	44,7	38,6
7. Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	I	42,4	34,6
8. Tài chính, tín dụng	J	21,7	20,6

THÔNG BÁO

BẢN GỐC TÀI LIỆU NÀY KHÔNG CÓ TRANG 38, 39

nhưng ngành thuế không kiểm soát được tình trạng này. Nguyên nhân chủ yếu là do:

+ Một CSKD cá thể có thể gồm một hoặc nhiều cá nhân do một cá nhân làm chủ CSKD đó. Nhưng thực tế, việc kiểm soát cá nhân nào là chủ CSKD vẫn còn chưa có qui định về mặt pháp lý dẫn tới một CSKD cá thể có thể có nhiều hơn một cá nhân đăng ký thuế và được cấp mã số thuế. Cơ quan Thuế rất khó kiểm soát được mối liên hệ giữa các cá nhân trong một CSKD cá thể để đảm bảo xác định chính xác cá nhân là chủ CSKD.

+ Để phân biệt một CSKD cá thể, cơ quan thuế dựa chủ yếu vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn cấp cho CSKD cá thể. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn tồn tại tình trạng một CSKD cá thể được cấp nhiều giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do đó ngành thuế không kiểm soát được dẫn tới cũng cấp nhiều mã số thuế cho CSKD cá thể đó.

+ Hiện tại, còn rất nhiều CSKD cá thể thực tế có hoạt động SXKD nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng cơ quan thuế vẫn phải quản lý thu thuế.

+ Căn cứ đảm bảo cấp mã số thuế cho cá nhân là chủ cơ sở SXKD là chứng minh thư nhân dân vì mỗi một công dân được cấp một chứng minh thư duy nhất. Tuy vậy, trên thực tế vẫn còn tình trạng một cá nhân có nhiều chứng minh thư nhân dân nên dẫn tới cá biệt có những cá nhân được cấp nhiều mã số thuế.

- Các thông tin định danh để xác định một CSKD cá thể này với 1 CSKD cá thể khác chưa có qui định rõ ràng. Trong hoạt động SXKD, một cá nhân có thể là chủ của nhiều cửa hàng, cửa hiệu khác nhau, nếu cơ quan thuế không phát hiện được thì sẽ thực hiện quản lý như hai CSKD cá thể khác nhau dẫn tới một số CSKD lợi dụng để trốn thuế, đặc biệt là đối với thuế Giá trị gia tăng của các CSKD cá thể thực hiện tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Hoặc đã xảy ra tình trạng cá nhân không có đủ điều kiện tự chịu trách nhiệm về hành vi dân sự của mình vẫn có thể là chủ CSKD cá thể. Hoặc chủ CSKD cá thể là một cá nhân có mã số thuế nhưng không tham gia SXKD mà do một cá nhân khác thực sự làm chủ...

- Số lượng lao động trong các CSKD cá thể rất khó quản lý. Các số liệu kê khai đăng ký thuế về số lao động trong các hộ kinh doanh cá thể không đảm bảo chính xác do không có cơ chế đăng ký và quản lý lao động chặt chẽ đối với CSKD cá thể, chưa có cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm quản lý các lao động này. Việc thuê và sử dụng lao động của các CSKD cá thể hoàn toàn do sự

thoả thuận giữa người lao động và chủ CSKD cá thể đó, không có hợp đồng lao động và số lao động này biến động thường xuyên, liên tục. Theo truyền thống, hầu hết các lao động trong cùng một CSKD cá thể là có quan hệ gia đình mật thiết hoặc CSKD chỉ có duy nhất một lao động đồng thời là chủ CSKD đó. Đặc biệt, trình độ lao động là một vấn đề không thể xác định và đánh giá được trong các CSKD cá thể này.

- **Vốn kinh doanh của các CSKD cá thể** từ các thông tin kê khai đăng ký thuế hầu như không chính xác và thường thấp hơn thực tế rất nhiều. Nguyên nhân chủ yếu là do: ngành thuế chưa có qui định và hướng dẫn cụ thể CSKD xác định số vốn kinh doanh khi kê khai đăng ký thuế, mặt khác, do tâm lý của người kinh doanh không muốn kê khai đầy đủ số tiền mà mình có trong kinh doanh. Qui mô kinh doanh cũng biến động liên tục, cơ chế cập nhật thông tin kém nên những số liệu này hầu như không thể sử dụng được trong công tác quản lý.

- **Ngành nghề kinh doanh:** Ngành nghề kinh doanh của CSKD cá thể kê khai trên các tờ khai đăng ký thuế hiện tại có độ chính xác không cao do cơ chế cập nhật thông tin thay đổi của CSKD cá thể đã được ngành thuế qui định nhưng việc đối chiếu kiểm tra còn chưa chặt chẽ và kịp thời, chưa liên kết với thông tin về quản lý thuế để cập nhật lại các thông tin đăng ký thuế.

5.2 Khai thác dữ liệu về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê

Hiện nay, việc quản lý và khai thác CSDL cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê từ các nguồn CSDL của Tổng cục Thuế và nguồn dữ liệu từ các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê. Nguồn dữ liệu hiện nay chủ yếu vẫn là nguồn từ Tổng cục Thuế, tất cả các hộ kinh doanh cá thể khi đăng ký kinh doanh từ cơ quan cấp đăng ký kinh doanh đều chuyển sang cơ quan Thuế để đăng ký cấp mã số thuế. Nguồn dữ liệu này tương đối đầy đủ. Vì, hệ thống đăng ký mã số thuế của cơ quan Thuế được xây dựng một cách có hệ thống từ cấp Quận huyện lên cấp Tỉnh thành phố và cấp Trung ương mà Tổng cục Thuế là cơ quan đầu mối cho tất cả các Tỉnh thành trong toàn quốc.

Qua nghiên cứu khảo sát dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đăng ký thuế nhận thấy. Cơ quan Thuế coi hộ kinh doanh cá thể khi đăng ký cấp mã số thuế cũng như các đơn vị đăng ký mã số thuế khác với doanh nghiệp, người đóng thuế thu nhập cao... Mã số thuế cho hộ kinh doanh cá thể được cấp 10 số như doanh nghiệp. Có một phần khác biệt để nhận biết hộ kinh doanh cá thể đó là mã loại hình đối tượng nộp thuế mang giá trị Null (giá trị đặc biệt trong cơ sở dữ liệu không mang giá trị cụ thể nào). Như thế chúng ta sẽ chọn lọc các bản ghi có chứa giá trị mã loại hình đối tượng nộp thuế là Null.

Đối với nguồn số liệu từ Thuế là rất phong phú và đầy đủ. Tuy nhiên, một bất cập ở hệ thống đăng ký thuế đó là việc cập nhật các hộ kinh doanh cá thể đóng cửa, giải thể là không đầy đủ. Có nhiều hộ kinh doanh cá thể khi đóng cửa, giải thể không báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Thuế nên việc cập nhật tình trạng các hộ kinh doanh là không đầy đủ.

Xác định nguồn thông tin chủ yếu là từ Thuế, chúng ta nhận thấy các chỉ tiêu thông tin chính sau cho mỗi hộ kinh doanh cá thể là cần thiết để xây dựng các tiêu thức trong cơ sở dữ liệu. Có những thông tin bắt buộc cũng như các thông tin phụ thuộc vào nguồn số liệu.

- **Số định danh của hộ kinh doanh cá thể:** Số định danh tự sinh ra khi có một hộ kinh doanh cá thể mới được thành lập. Số định danh là duy nhất và tồn tại trong suốt quá trình hoạt động.
- **Địa chỉ:** Địa chỉ hoạt động của hộ kinh doanh cá thể.
- **Vốn pháp định:** Vốn pháp định khi đăng ký kinh doanh
- **Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ của hộ kinh doanh cá thể
- **Nguồn vốn:** Nguồn vốn trong quá trình kinh doanh
- **Quy mô nguồn vốn:** Quy mô nguồn vốn được phân theo các mức theo quy mô khác nhau
- **Số giấy phép kinh doanh:** Số giấy phép kinh doanh do cơ quan cấp phép kinh doanh cấp.
- **Ngày cấp:** Ngày cấp giấy phép kinh doanh .
- **Địa chỉ e-mail:** Địa chỉ hòm thư điện tử
- **Số lao động:** Số lao động đang hoạt động trong hộ kinh doanh cá thể
- **Quy mô lao động:** Quy mô lao động được phân theo các mức lao động khác nhau.
- **Ngày đóng cửa:** Ngày đóng cửa kinh doanh
- **Ngày hoạt động:** Ngày mở cửa kinh doanh hoạt động.
- **Tình trạng:** Tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh cá thể: Đang hoạt động; Ngừng hoạt động; Tạm ngừng hoạt động.
- **Mã số thuế:** Mã số thuế do cơ quan Thuế cấp
- **Số máy Fax**
- **Tên đăng ký kinh doanh:** Tên giao dịch của hộ kinh doanh cá thể với các tổ chức cũng như các đơn vị liên quan.
- **Mã vùng điện thoại:** Mã vùng điện thoại theo đơn vị hành chính cấp Tỉnh thành phố.
- **Số ngẫu nhiên:** Mỗi hộ kinh doanh cá thể được sinh ra một số ngẫu nhiên duy nhất gắn với hộ kinh doanh cá thể đó
- **Số điện thoại**

- **Doanh thu:** Số doanh thu của mỗi hộ kinh doanh cá thể trong năm
- **Quy mô doanh thu:** Số doanh thu được phân theo các quy mô khác nhau
- **Năm doanh thu:** Năm của số doanh thu trên
- **Mã đơn vị hành chính:** Mã đơn vị hành chính được phân đến Xã phường, Quận huyện và Tỉnh thành phố
- **Mã ngành kinh tế:** Mã ngành kinh tế hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể. Dựa trên bảng phân ngành kinh tế quốc dân.
- **Địa chỉ Website:** Địa chỉ trang Web của hộ kinh doanh cá thể.

Các thông tin chỉ tiêu trên đã được chuẩn hoá và làm sạch trong quá trình nhận và xử lý dữ liệu thuế hàng tháng. Do vậy, chúng ta nhận thấy rằng: Một số thông tin chỉ tiêu định danh như tên hộ kinh doanh cá thể, địa chỉ... là những chỉ tiêu thường dùng cho danh sách cũng như tra cứu thông tin. Đồng thời các thông tin chỉ tiêu được đánh mã và chuẩn hoá như mã ngành kinh tế quốc dân, mã danh mục hành chính... là các thông tin chỉ tiêu thường dùng để tổng hợp số liệu. Do đó chúng ta nên dựa vào các bảng mã danh mục của các chỉ tiêu đó.

Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi sẽ phân tích và đưa ra các giải pháp xây dựng phần mềm tổng hợp và tìm kiếm thông tin trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh hộ cá thể này.

VI. Các thông tin hiện có về CSKD cá thể trong cơ sở dữ liệu

6.1 Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính cấp Tổng cục Thuế

Các thông tin lưu trữ tại cơ sở dữ liệu ngành Thuế được phân chia theo từng cấp, theo mức độ chi tiết hay tổng hợp và theo các loại thông tin đăng ký thuế: Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính cấp chi cục thuế - là đơn vị trực tiếp quản lý thu thuế các CSKD cá thể, thì chỉ lưu trữ một số thông tin cơ bản có liên quan chặt chẽ đến tính thuế thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý thuế tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính do Chi cục Thuế quản lý.

Các chỉ tiêu lưu trữ trên hệ thống máy tính cấp Chi cục Thuế không có các thông tin như: chứng minh thư nhân dân, vốn kinh doanh, tên và địa chỉ liên lạc của chủ cơ sở kinh doanh... mà chỉ bao gồm các thông tin cơ bản như: tên cơ sở kinh doanh, địa chỉ kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, ngày bắt đầu kinh doanh, phương pháp tính thuế...

Việc lưu trữ thông tin đăng ký thuế trên hệ thống máy tính của ngành Thuế đối với cơ sở dữ liệu đăng ký thuế cấp Chi cục Thuế bao gồm cả các thông tin lịch sử qua các lần thay đổi và được lưu trữ an toàn qua công tác an ninh bảo mật, sao lưu dữ liệu thường xuyên và chặt chẽ của ngành.

Cơ sở dữ liệu cấp Tổng cục này có khả năng phục hồi sự cố cho Chi cục Thuế có vấn đề sự cố lớn tuy nhiên không khôi phục được các thông tin mang tính lịch sử thay đổi của các đối tượng nộp thuế trong đó có các CSKD cá thể.

Hiện tại, trên cơ sở dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống máy tính cấp Tổng cục Thuế bao gồm thông tin đăng ký thuế chi tiết của tất cả các CSKD cá thể đã được cơ quan thuế cấp mã số thuế, bao gồm hơn 1,5 triệu đối tượng hiện đang hoạt động SXKD trên địa bàn toàn quốc. Các thông tin đăng ký thuế của từng CSKD cá thể bao gồm:

- Tên CSKD;
- Địa chỉ kinh doanh;
- Tên chủ CSKD;
- Địa chỉ nơi ở của chủ cơ sở kinh doanh;
- Số chứng minh thư nhân dân của chủ CSKD, ngày cấp;
- Số giấy phép đăng ký kinh doanh và ngày cấp, nơi cấp;
- Ngày bắt đầu hoạt động SXKD;
- Số lao động trong CSKD;
- Vốn kinh doanh;
- Ngành nghề kinh doanh;
- Phương pháp tính thuế;
- Có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hay không;
- Các loại thuế phải nộp.

Ngoài ra, tại cấp Tổng cục Thuế còn có các thông tin báo cáo tổng hợp về tình hình thu nộp thuế của các CSKD cá thể chi tiết theo địa bàn hành chính đến cấp tỉnh/ thành phố và ngành nghề kinh doanh (không chi tiết đến từng CSKD cá thể) bao gồm:

- Số đối tượng nộp thuế là các CSKD cá thể đang hoạt động phân loại theo qui mô, ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo thống kê thuế môn bài;
- Doanh thu bán Hàng hoá dịch vụ của các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo thống kê thuế GTGT và TNDN;
- Thu nhập từ hoạt động SXKD của các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh căn cứ trên báo cáo Thống kê thuế GTGT và TNDN;
- Doanh số và sản lượng một số mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các CSKD cá thể;
- Giá trị tài nguyên và sản lượng tài nguyên khai thác đối với các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh;

- Nghĩa vụ phải đóng góp với ngân sách nhà nước của các CSKD cá thể theo từng sắc thuế phân loại theo ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo thống kê thuế môn bài, GTGT, TNDN TTĐB tài nguyên;
- Số thuế đã nộp cho ngân sách nhà nước của các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo kế toán thu ngân sách nhà nước.

6.2 Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính thuộc Tổng cục Thống kê

Một trong những vấn đề quan trọng trong xây dựng CSDL về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là phải có nguồn thông tin ban đầu đầy đủ và được cập nhật qua thời gian.

CSDL doanh nghiệp và CSDL về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phục vụ công tác quản lý và công tác thống kê (BDS) được xây dựng trên cơ sở dự định về nguồn thông tin từ các nguồn chủ yếu sau:

- Nguồn thông tin từ bản thân ngành Thống kê từ các cuộc tổng điều tra và điều tra có liên quan đến doanh nghiệp cơ sở sản xuất kinh cá thể ;
- Nguồn thông tin từ cơ quan Tổng cục thuế;
- Nguồn thông tin từ cơ quan Bộ Kế hoạch và đầu tư.

a/ Nguồn thông tin từ ngành Thống kê

Nguồn này có được là dựa trên các cuộc điều tra sau:

- Điều tra năm toàn bộ doanh nghiệp
- Đối với đơn vị địa bàn có các chỉ tiêu về: tên, địa chỉ, mã số thuế, hoạt động SXKD, lao động có đến cuối năm
- Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2002:

Đối với các đơn vị địa bàn có các chỉ tiêu về: tên, địa chỉ, thông tin về người phụ trách, năm hoạt động, thuộc loại hình tổ chức, ngành nghề kinh doanh chính, doanh thu, lao động, ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với nguồn thông tin này có thể có được các thông tin chi tiết như về Tổng công ty và đặc biệt là về đơn vị địa bàn, nhất là về lao động và doanh thu, điều này rất cần thiết cho việc sử dụng các thông tin cập nhật làm dần khung để chọn mẫu điều tra. Tuy nhiên, do chu kỳ 1 năm và 5 năm (tổng điều tra) nên nhiều chỉ tiêu lạc hậu trong vòng chu kỳ đó, hơn nữa có thể chế độ điều tra thay đổi (từ điều tra toàn bộ sang điều tra chọn mẫu) do vậy cũng ảnh hưởng lớn đến việc cập nhật dần mẫu.

b/ Nguồn thông tin từ ngành Thuế

Đây là nguồn thông tin có được trên cơ sở cập nhật hàng ngày của Tổng cục thuế và hàng tháng được truyền sang Tổng cục Thống kê. Từ nguồn này có thể có được những thông tin sau:

Đối với các đơn vị địa bàn: Mã số thuế (bran_tin), mã số đơn vị mẹ (tin), tình trạng hoạt động (status), tên (Norm_name), địa chỉ giao dịch (tran_addr), mã quận, huyện (tran_dist), số điện thoại (tran_tel), số fax (tran_fax), mã đơn vị mẹ cũ (old_tin), ngày bắt đầu hoạt động (start_date), số lao động (empl_quan), ngày thay đổi (chan_date), ngành SXKD....

- Đối với các đơn vị chi nhánh tổng công ty: Danh sách các đơn vị trực thuộc (gồm cả đơn vị hạch toán độc lập, và đơn vị phụ thuộc) : tên, địa chỉ
- Đối với cơ sở kinh doanh cá thể : Danh sách hộ đã được thu nhập qua tờ khai đăng ký và có đầy đủ thông tin như địa chỉ, lao động ...

Có thể coi đây là nguồn thông tin quan trọng nhất đối với việc cập nhật cơ sở dữ liệu vì các thông tin được cập nhật và truyền dữ liệu hàng tháng đặc biệt là các thông tin cơ bản - điều này đảm bảo cho các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu "sống". Tuy nhiên, khi sử dụng nguồn này cũng cần chú ý một số điểm sau đây:

- Các thông tin độ "sạch" không cao, do việc ghi chép ban đầu không đảm bảo vì: nhận thức chưa đúng, trình độ, tập huấn chưa đầy đủ ..

- Nhiều thông tin (ngoài những thông tin cơ bản) không được cập nhật, như lao động, doanh thu...điều này cũng không đảm bảo cho dần mẫu được tốt.

- Các đơn vị được xác định trong CSDL thuế nhiều khi nội hàm khác số với nội hàm của đơn vị trong BDS, điều này đòi hỏi phải chuyển đổi hoặc có cách xử lý thích hợp. Chẳng hạn như: nếu đứng trên góc độ doanh nghiệp giữa Tổng công ty và các đơn vị hạch toán độc lập thành viên tổng công ty đều mã số thuế là 10 số và không có ràng buộc gì, điều này sẽ không biết được đó là doanh nghiệp của Tổng công ty nào. Trên góc độ của thuế thì đối tượng quan tâm là đối tượng nộp thuế, vì vậy nhiều khi do việc quản lý thuế trên địa bàn mà có thể một đơn vị thu hộ thuế cho các đơn vị khác hay mã quản lý trên địa bàn là một nhưng thực chất xét trên góc độ đơn vị địa bàn là nhiều.

- Cũng do mục đích là quản lý mã số thuế, nên nhiều khi vì những lý do nhất định (chẳng hạn như liên quan đến quyết toán thuế) mà nhiều trường hợp đơn vị đã đóng cửa nhưng trong cơ sở dữ liệu thuế vẫn còn tồn tại, hay nhiều trường hợp đơn vị vẫn nộp thuế, nhưng không thể tìm được trụ sở của đơn vị...

c/ Nguồn thông tin từ Bộ kế hoạch và Đầu tư

Đây cũng là nguồn thông tin quan trọng, qua đó có thể có được tình hình đăng ký kinh doanh, tình hình chuyển đổi loại hình, vốn, ... Tuy nhiên do hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, vì vậy trong thời gian trước mắt chưa thể có được nguồn thông tin này.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

I. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể

1.1 Mục đích

1.1 Nắm được danh sách, địa chỉ, hiện trạng, loại hình, ngành kinh tế, tình hình biến động, đặc trưng cơ bản và số lượng các đơn vị địa bàn của từng cơ sở kinh tế cá thể

1.2 Làm căn cứ để thực hiện các cuộc điều tra, tổng điều tra và chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp.

1.3 Làm căn cứ lập dàn khung cho chọn mẫu điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và đơn vị địa bàn.

1.2 Đối tượng, phạm vi

- Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể
- Đơn vị địa bàn
- Phạm vi lập cơ sở dữ liệu Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

1.3 Phương pháp thu thập thông tin

- Nhập trực tiếp các báo cáo gửi từ các Cục Thống kê qua hệ thống truyền file hay hệ thống Email đã thiết kế theo form.
- Lấy số liệu trong các tệp dữ liệu từ hệ thống CSDL của Tổng cục Thuế.
- Dữ liệu từ các cuộc điều tra trong hệ thống CSDL mạng GSONet của Tổng cục Thống kê.
- Tiến tới tự động cập nhật dữ liệu trực tiếp theo đường Internet vào cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cá thể của hệ thống CSDL – TCTK.
- Số liệu từ các cuộc điều tra, từ dữ liệu qua Tổng cục Thuế được phân tích theo hệ thống chỉ tiêu và chuyển đổi vào CSDL – Tổng cục Thống kê (*Các chỉ tiêu này có thể được thêm vào*).
- Khai báo động các chỉ tiêu tính theo công thức, phân tích, tổng hợp số liệu từ các báo cáo do yêu cầu của các đơn vị trong Tổng cục.
- Quản lý và kiểm soát người sử dụng.

Kết quả của quá trình phân tích là cơ sở để đánh giá lại kết quả điều tra cơ sở dữ liệu ban đầu qua các cuộc điều tra.

1.4 Phương pháp xử lý thông tin

Phương pháp xử lý thông tin được thực hiện theo trình tự các bước như sau:

- Xây dựng phần mềm ứng dụng chuyển đổi dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Oracle 8i– Tổng cục Thuế.
- Xây dựng phần mềm ứng dụng cơ sở dữ liệu cho cập nhật cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể.
- Xây dựng phần mềm ứng dụng chuyển đổi dữ liệu từ cơ sở dữ liệu từ các cuộc điều tra do Tổng cục Thống kê điều tra có liên quan các chỉ tiêu về cơ sở kinh doanh cá thể.
- Xây dựng phần mềm ứng dụng trên môi trường web (Web Application) để phục vụ công tác quản lý, cập nhật dữ liệu, lập dàn mẫu cho cơ sở kinh doanh cá thể.

II. Các giải pháp xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ nguồn dữ liệu của Tổng Cục Thuế và Tổng điều tra cơ sở kinh tế cá thể

Như ta đã biết muốn có được CSDL cơ sở kinh doanh cá thể chỉ có thể dựa vào các nguồn dữ liệu chính thống của 3 đơn vị : Đơn vị đăng ký kinh doanh, đơn vị cấp mã số thuế, đơn vị có các cuộc điều tra. Sự phối hợp giữa các nguồn dữ liệu này phải được thống nhất một số các chuẩn về các chỉ tiêu chung. Hiện nay, khó khăn lớn nhất là chúng ta chưa có được nguồn dữ liệu từ CSDL của đơn vị cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cá thể. Giải pháp hiện thời là có được sự hợp tác với đơn vị có CSDL đăng ký mã số thuế của các cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể, qua đó có được thông tin ban đầu lập danh sách điều tra cho cơ quan thống kê và ngược lại khi có được dữ liệu từ cuộc điều tra cơ sở kinh doanh cá thể sẽ được nguồn dữ liệu thống nhất của cả 2 nguồn dữ liệu. Để làm được điều đó ta phải thực hiện theo các bước sau:

2.1 Xác định đơn vị cơ sở kinh doanh cá thể trong CSDL

a/ Mục tiêu

- Xác định đơn vị kinh doanh cá thể thích hợp vừa đảm bảo cho công tác thống kê, đồng thời phải đảm bảo tính tính khả thi trong việc cập nhật và thu thập.
- Đảm bảo tận dụng các nguồn có sẵn.
- Đảm bảo có thể hoà các đơn vị ở các CSDL khác nhau vào cùng một nguồn và có thể sử dụng được.

b/ Nội dung

Cơ sở kinh doanh cá thể được xác định trong CSDL lần này có một số đặc điểm như sau:

- Là cá nhân, hộ gia đình, nhóm người sản xuất kinh doanh độc lập.

- Các cá nhân, hộ kinh doanh theo cách nhận khoán, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình và nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

c/ Sự khác biệt giữa các nguồn dữ liệu

Xét về nội dung và phạm vi của 2 nguồn dữ liệu: Tổng cục Thuế và Tổng điều tra:

- Về đối tượng và phạm vi:

+ Đối tượng: Cơ sở dữ liệu thuế chỉ bao gồm các cá nhân, hộ SXKD có đăng ký thuế, trong khi đó dữ liệu Tổng điều tra bao gồm tất cả các cơ sở kinh doanh cá thể (bao gồm cả đăng ký thuế và không đăng ký nộp thuế)

+ Về phạm vi: Dữ liệu gồm các cơ sở nộp thuế trực tiếp cho ngành thuế trong khi đó rất nhiều cơ sở kinh doanh có thể kê khai thuế nhưng đơn vị khác nộp thay.

- Về các chỉ tiêu: Dữ liệu về cơ bản được hình thành khi cơ sở kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh hoặc/và xin cấp mã số thuế. Hơn nữa khả năng cập nhật số liệu là rất thấp và không đảm bảo chính xác, vì phần lớn các cơ sở kinh doanh cá thể không khai báo khi có sự thay đổi như lao động, kết quả sản xuất kinh doanh... Dữ liệu trong Tổng điều tra về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thu được ở thời điểm 1/7/2002 bao gồm các dữ liệu về cơ sở mới nhất ở thời điểm điều tra.

- Về tần suất cập nhật: Nếu như dữ liệu các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ở Tổng điều tra chỉ sau 5 năm mới được cập nhật (5 năm điều tra một lần) thì dữ liệu của Tổng cục Thuế về cơ sở này (số lượng và một số chỉ tiêu định danh...) được cập nhật ngày 2 lần.

2.2 Xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ dữ liệu của Tổng cục Thuế

Việc tiếp nhận dữ liệu từ TCT về cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê về cơ bản được thực hiện giống như đối với tiếp nhận dữ liệu doanh nghiệp. Thực tế, các nguồn dữ liệu đầu vào của Tổng cục Thuế và nguồn dữ liệu điều tra của Tổng cục Thống kê còn có nhiều bất cập mà chúng ta cần phải từng bước cải thiện. Hiện tại nguồn dữ liệu tại cơ sở dữ liệu BDS của Tổng cục Thống kê tiếp nhận thường xuyên dữ liệu trong đó có dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể đã được đăng ký mã số thuế từ CSDL của Tổng cục Thuế. Quy trình thực hiện được tiến hành theo các công đoạn và duy trì thường xuyên.

a/ Nội dung tiếp nhận

Để có thể tiếp nhận dữ liệu từ TCT về TCTK việc xây dựng CSDL trung gian là cần thiết để đổ các dữ liệu và xử lý các dữ liệu trước khi đưa các dữ liệu

này vào CSDL cơ sở kinh doanh cá thể. Mặt khác, để có được các dữ liệu này cần thiết phải xây dựng và tìm hiểu các đặc điểm các dữ liệu cần thu thập trong cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê, đồng thời xây dựng bảng chuyển đổi các dữ liệu từ Tổng cục Thuế sang CSDL trung gian nhằm đảm bảo đúng nội dung cần tìm hiểu. Sau đây là một số đặc tính của các dữ liệu cần tìm hiểu trong CSDL của TCTK và bảng chuyển đổi dự kiến dữ liệu từ Tổng cục Thuế sang TCTK:

b/ Cơ sở và các bảng chuyển đổi cần thiết để chuyển dữ liệu

Các bảng loại hình pháp nhân và loại hình sở hữu trong cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể:

BẢNG LOẠI HÌNH PHÁP NHÂN (LEGAL FORM)

Legal form	Tetx VN	Text Eng
00	Không xác định	Unknown
01	DN nhà nước	State-owned corporation
02	Hợp tác xã	Collective
03	DN tư nhân	Private enterprise
04	Công ty TNHH (không có vốn NN)	Limited company
05	Công ty TNHH 1 thành viên(nhà nước)	Limited company 1 member
06	Công ty TNHH hai thành viên	Limited company 2 member
07	Cổ phần	Join-stock company
08	Hợp danh	Partnership
09	DN có vốn đầu tư nước ngoài	Enterprise with foreign capital
10	Đơn vị kinh tế của tổ chức chính trị, xã hội, sự nghiệp, vũ trang	Business unit of social, political units, administrative units, armed units
11	Cty nước ngoài không theo luật ĐTNN	Foreign company not prescribed by law FI
12	Khác	Others (units have to pay fees)
13	Hộ gia đình kinh doanh	Buusiness household

BẢNG LOẠI HÌNH SỞ HỮU (TYPE OF OWNERSHIP)

Type of owners	Text VN	Text Eng
000	Không xác định	Unknown
100	Nhà nước	State owned
101	Có vốn nhà nước trung ương	With central state capital
102	Có vốn nhà nước địa phương	With local state capital
110	Nhà nước trung ương	Central state owned
111	Nhà nước trung ương 100% vốn	Central state with 100% capital
112	Nhà nước trung ương >50% NN ĐP	Central state > 50% local state
113	Nhà nước trung ương >50% tập thể	Central state > 50% collective
114	Nhà nước trung ương >50% tư nhân	Central state > 50% private
115	Nhà nước trung ương >50% nước ngoài	Central state > 50% foreign
120	Nhà nước địa phương	Local state owned
121	Nhà nước địa phương 100% vốn	Local with 100% capital
122	Nhà nước địa phương >50% NN TW	Local state > 50% central state
123	Nhà nước địa phương >50% tập thể	Local state > 50% collective
124	Nhà nước địa phương >50% tư nhân	Local state > 50% private
125	Nhà nước địa phương >50% nước ngoài	Local state > 50% foreign
200	Tập thể, tư nhân	Collective, and private
210	Tập thể	Collective
211	Tập thể 100% vốn	Collective with 100% capital
212	Tập thể >50% NN TW	Collective > 50% central state
213	Tập thể >50% NNĐP	Collective > 50% local state

214	Tập thể >50% tư nhân	Collective > 50% private
215	Tập thể >50% nước ngoài	Collective > 50% foreign
220	Tư nhân	Private
221	Tư nhân 100% vốn	Private with 100% capital
222	Tư nhân >50% NN TW	Private > 50% central state
223	Tư nhân >50% NNĐP	Private > 50% local state
224	Tư nhân >50% tập thể	Private > 50% collective
225	Tư nhân >50% nước ngoài	Private > 50% foreign
290	Không có vốn nhà nước	Without state capital
300	Nước ngoài	Foreign
301	Liên doanh	Join-venture
311	Nước ngoài 100% vốn	Foreign with 100% capital
312	Nước ngoài >50% NN TW	Foreign > 50% central state
313	Nước ngoài >50% NNĐP	Foreign > 50% local state
314	Nước ngoài >50% tập thể	Foreign > 50% collective
315	Nước ngoài >50% tư nhân	Foreign > 50% private

2.3 Xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ dữ liệu của Tổng điều tra cơ sở kinh tế

a/ Nội dung cập nhật

Tổng điều tra các cơ sở kinh tế cá thể của Tổng cục Thống kê tiến hành 5 năm một lần, vì vậy có thể coi đây là nguồn số liệu để cập nhật cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể, đặc biệt đối với một số chỉ tiêu có độ chính xác cao hơn so với dữ liệu lấy từ Tổng cục Thuế như: các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh. Như vậy, các dữ liệu được xác định từ cơ sở dữ liệu thuế chuyển sang nếu so với các chỉ tiêu của Tổng điều tra thì cần cập nhật các chỉ tiêu sau:

STT	Các chỉ tiêu từ dữ liệu Tổng cục Thuế	Các chỉ tiêu TCTK	Chỉ tiêu cần cập nhật, bổ sung
	<ul style="list-style-type: none"> - Tên cơ sở kinh doanh; - Địa chỉ kinh doanh; - Thông tin về chủ cơ sở kinh h doanh; - Giấy chứng nhận đăng ký kinhh doanh; - Chứng minh thư nhân dân/hộ ộ chiếu; - Ngành nghề kinh doanh chính; - Vốn kinh doanh; - Tổng số lao động; - Ngày bắt đầu hoạt động kinh h doanh; - Đăng ký mã số xuất nhập khẩu; - Tài khoản ngân hàng, kho bạc; - Các loại thuế phải nộp ; - Tình trạng đăng ký thuế. 	<ul style="list-style-type: none"> Tên cơ sở; mã số thuế Địa chỉ ; Thông tin về chủ sở hữu; -- Năm bắt đầu hoạt động; Đăng ký kinh doanh; - Ngành nghề kinh doanh chính; - Lao động; - Số tháng dự kiến SXKD trong năm 2002; - Tình trạng nộp thuế, lệ phí - ứng dụng công nghệ thông tin. - Doanh thu tháng 6 năm 2002; 	<ul style="list-style-type: none"> X X X X X X X X X X X X

b/ Bảng ưu tiên khi hoà dữ liệu từ Tổng điều tra vào cơ sở dữ liệu của cơ sở kinh doanh cá thể

Để đảm bảo ưu thế của từng chỉ tiêu từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau vào một cơ sở dữ liệu chung, cần xác định độ ưu tiên từng chỉ tiêu của từng nguồn dữ liệu thông qua bảng ưu tiên có thể xây dựng như sau:

Tên chỉ tiêu	Độ ưu tiên của từng chỉ tiêu theo nguồn dữ liệu			Ghi chú
	Tổng cục Thuế	Tổng điều tra	Nguồn khác	
- Tên cơ sở kinh doanh	2	1	3	Đối với các trường hợp cơ sở mới kinh doanh cá thể thì lấy của Tổng cục Thuế làm cơ sở
- Địa chỉ kinh doanh	1	2	3	
- Thông tin về chủ CSKD	2	1	3	
- Giấy chứng nhận ĐKKD	1	2	3	
- Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu	1	2	3	
- Ngành nghề KD chính	2	1	3	
- Vốn kinh doanh	2	1	3	
- Tổng số lao động	2	1	3	
- Ngày bắt đầu hoạt động KD	1	2	3	
- Đăng ký mã số XNK	1	2	3	
- Tài khoản ngân hàng, kho bạc	1	2	3	
- Các loại thuế phải nộp	2	1	3	
- Tình trạng đăng ký thuế	1	2	3	
- Ứng dụng CNTT		1	3	
Doanh thu tháng 6 năm 2002		1	3	

Ghi chú: Độ ưu tiên cao nhất là 1 và thấp dần 2, 3.

III. Giải pháp kỹ thuật

3.1 Thông tin chung

- Quản lý các danh mục hành chính.
- Quản lý danh mục mã ngành nghề kinh tế.
- Quản lý danh mục các chỉ tiêu, công thức và luật đánh giá hoạt động kinh doanh.
- Quản lý danh mục, khai báo mã và các thông tin chung về cơ sở kinh doanh
- Quản lý các danh mục khác.

3.2 Chức năng nhập thông tin đầu vào

Hệ thống cung cấp các chức năng nhập thông tin sau:

- Tình hình thay đổi
- Thông tin chi tiết cơ sở kinh doanh (có thể bổ sung)
- Tình hình vốn đăng ký
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước
- Tình hình nợ
- Tình hình tăng giảm nguồn vốn và sử dụng vốn
- Các thông tin hoạt động
- Các thông tin khác
- Nhập số liệu từ các file : Đọc số liệu từ file, kiểm tra sai sót của số liệu, kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, nhập tự động vào Cơ sở dữ liệu.

3.3 Chức năng tổng hợp, phân tích số liệu và in báo cáo

- Tổng hợp số liệu với các chỉ tiêu quản lý
- Báo cáo tổng hợp theo các chỉ tiêu
- Báo cáo tổng hợp số liệu theo thời gian (Lựa chọn thời gian khoảng thời gian)
- Phân tích số liệu theo các chỉ tiêu động (+, -, *, /)
- Lập báo cáo dạng biểu đồ, so sánh
- In kết quả biểu báo cáo, lập dàn mẫu

3.4 Chức năng kết xuất số liệu ra file (Export)

- Kết xuất số liệu ra file dưới các dạng Excel, text, XML, HTML .. để phục vụ công tác báo cáo và quản lý.
- Kết xuất số liệu ra dạng biểu động theo yêu cầu của các đơn vị trong Tổng cục phục vụ cho đối tượng được điều tra theo tỉnh, thành phố, vùng lãnh thổ theo dàn chọn mẫu.

3.5 Chức năng quản trị hệ thống

- Kiểm soát truy nhập (Login, logout)
- Quản lý người dùng
- Phân quyền sử dụng các thành phần ứng dụng.
- Nhật ký sử dụng, truy nhập và sửa đổi số liệu của người dùng
- Ghi viết các lỗi hệ thống hoặc dữ liệu.

IV. Quy mô hệ thống

4.1 Qui mô

Hệ thống phải có khả năng xử lý, lưu trữ, tổng hợp, phân tích số liệu trong các cơ sở dữ liệu quản lý kinh doanh cá thể trên 64 tỉnh thành phố và được cập nhật hàng tháng thông qua cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế. Đồng thời cập

nhập các chỉ tiêu cần bổ sung chứng minh hoạt động của cơ sở kinh doanh cá thể từ các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê có trong CSDL của mạng GSONet.

4.2 Số lượng người sử dụng

- Số lượng người sử dụng hệ thống tại Vụ Phương pháp chế độ thống kê 4 người.
- Số lượng người sử dụng tại các đơn vị thuộc Tổng cục thống kê khoảng 20 người (sử dụng cho các cuộc điều tra).
- Người truy nhập qua Website CSKD cá thể sau khi thông tin được xuất bản công bố (bước tiếp theo của sản phẩm sau khi cân nhắc thông tin đưa lên Internet).

4.3 Điều kiện thành công của phần mềm

Một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự thành công của bài toán đó là sự ủng hộ và hỗ trợ của Lãnh đạo Tổng cục thống kê, các cán bộ có liên quan đến nghiệp vụ cung cấp các số liệu điều tra có liên quan đến cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể; cũng như cán bộ tin học của Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Trung tâm tin học Thống kê cùng phối hợp chặt chẽ với Trung tâm tin học Thống kê của Tổng cục Thuế. Bên cạnh đó đây cũng là sản phẩm dùng chung được phát triển cho chính cán bộ của Tổng cục Thống kê làm chủ và triển khai và tham gia của họ trong việc phát triển sản phẩm là rất có ý nghĩa.

Về cơ bản xây dựng phần mềm cập nhật cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể Tổng cục Thống kê yêu cầu các thiết bị và nguồn lực như sau:

- Tổng cục sẽ chỉ định cán bộ tham gia trong quá trình quản lý đề tài “nghiên cứu xây dựng phần mềm cập nhật cơ sở đăng ký doanh nghiệp cá thể”. Xây dựng đầu mối và môi trường làm việc giữa các đơn vị hữu quan trong và ngoài Tổng cục.

- Chuẩn bị cho việc tiến hành triển khai đề tài sau khi xác định tính đúng đắn của qui trình nghiệp vụ, phân tích, thiết kế, trong một thời hạn nhất định để có kế hoạch triển khai tiếp theo.

- Một số công đoạn sẽ được tiến hành: Lập trình, phân tích thiết kế chương trình, biên soạn tài liệu, một số thử nghiệm v.v). Cần có các thiết bị đảm bảo an toàn dữ liệu tại nơi làm việc. Ví dụ: Máy trạm, mạng, Tape backup, v.v....

Phần thứ tư

ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP

I. Giải pháp lựa chọn phát triển phần mềm cập nhật cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể

1.1 Yêu cầu về hệ thống mở, giao diện, khả năng sử dụng dễ dàng

- Hệ thống cho phép định nghĩa các chỉ tiêu cần phân tích theo đúng yêu cầu của người sử dụng.
- Đảm bảo yêu cầu người dùng về tốc độ truy nhập khai thác thông tin: Đối với các chỉ tiêu chi tiết không quá 5 phút, các báo cáo tổng hợp, thống kê không quá 10 phút (trong trường hợp truy nhập trực tiếp).
- Giao diện bằng tiếng Việt theo tiêu chuẩn Unicode (TCVN6909:2001)
- Sử dụng thuận tiện, các báo cáo tổng kết, phân tích có thể kết xuất được ra một số format: text, excel, xml,..
- Màn hình người dùng thân thiện thông qua trình duyệt web tại bất kỳ một máy trạm nối mạng nào nếu được quyền cập nhật, hay được phép xem thông tin cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể.
- Xây dựng các công cụ thuận tiện cho việc quản trị CSDL: Cho phép đăng ký người sử dụng, phân quyền truy nhập khai thác thông tin và giám sát các hoạt động truy nhập CSDL.
- Hệ thống được thiết kế theo phương pháp luận hướng đối tượng, đảm bảo cho việc dễ dàng nâng cấp, bảo trì, và quản lý.
- Thông tin được tổ chức lưu trữ đảm bảo an toàn, chính xác, thuận lợi cho việc cập nhật bổ sung và khai thác thông tin chi tiết và thông tin tổng hợp.

1.2 Yêu cầu xử lý và phân tích thông tin

- Đảm bảo phân tích số liệu theo nhiều tiêu chí: tên, địa chỉ, điện thoại, FAX, loại hình kinh doanh theo từng năm, theo các chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu được khai báo động theo công thức (+,-,*,/) từ các chỉ tiêu trong các thuyết minh từ các chỉ tiêu khai báo trước đó.
- Hệ thống có khả năng đưa ra các báo cáo động theo các chỉ tiêu, các biểu đồ, cung cấp cho người sử dụng một cách nhìn tổng thể về dữ liệu của các hộ kinh doanh cá thể.
- Từ các chỉ tiêu đã khai báo, hệ thống có khả năng cho phép nhập, sửa đổi khi có thay đổi từ đó có đánh giá được hoạt động kinh doanh cá thể của bất cứ một hộ kinh doanh nào có trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cá thể trong một khoảng thời gian nhất định.

1.3 Yêu cầu về bảo mật và an toàn hệ thống thông tin

- Yêu cầu thực hiện đúng các qui chế an toàn và bảo mật hiện hành của Tổng cục Thống kê trong quá trình thiết kế, xây dựng hệ thống và khi hệ thống vận hành. Đảm bảo khả năng Backup tự động theo lịch, Recover. Xác định rõ chiến lược và biện pháp Backup và Recover một khi có sự cố bất khả kháng xảy ra vẫn có điều kiện phục hồi lại nhanh chóng.
- Người sử dụng trong hệ thống được phân cho các quyền đúng với chức năng của mình. Các thông tin trong hệ thống phải được kiểm soát tránh các truy cập bất hợp pháp.
- Số liệu trong hệ thống phải được sao lưu trữ định kỳ, có giải pháp phục hồi số liệu khi hệ thống gặp sự cố.

1.4 Yêu cầu về phần mềm hệ thống

+ Máy chủ

- ❖ Hệ điều hành là Windows2000 Advanced Server
- ❖ Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là MS SQL 2000 trở lên.
- ❖ Công cụ quản trị cơ sở dữ liệu của MS SQL 2000

+ Máy trạm

- ❖ Hệ điều hành là Windows2000/ Windows XP.
- ❖ Cơ sở dữ liệu Access2000 hoặc Access XP.

1.5 Phần cứng

+ Máy chủ CSDL và máy chủ ứng dụng

- ❖ Tối thiểu là 512 MB RAM
- ❖ 2 CPU Xeon 2.4 GHz trở lên
- ❖ > 30GB đĩa cứng

+ Máy trạm

- ❖ Intel Pentium III 700 MHz trở lên
- ❖ 64 MB RAM trở lên
- ❖ Dung lượng ổ đĩa 4GB đĩa cứng dành cài đặt.

+ Mạng và đường truyền: Đối với các máy trạm cài đặt chương trình ứng dụng phải được kết mạng LAN.

II. Giải pháp xây dựng chương trình cập nhật cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cá thể

Trong phần này sẽ đề cập đến chức năng nhận số liệu Thuế hàng tháng, chức năng chỉnh sửa thông tin lỗi từ Thuế và cập nhật vào cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.

2.1 Nhận số liệu thuế hàng tháng

Số liệu thuế hàng tháng được chương trình đọc và chuyển dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đăng ký thuế (Cơ sở dữ liệu đăng ký thuế được xây dựng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle) sang file dữ liệu và được phân loại như sau:

<i>Tên bảng</i>	<i>Tên file</i>	<i>Ghi chú</i>
TTC_PAYER	<mmyyyy>.par	Lưu thông tin đối tượng nộp thuế hay gọi là doanh nghiệp
TTC_BUSINESS	<mmyyyy>.bus	Lưu thông tin về ngành kinh doanh.
TTC_PAY	<mmyyyy>.pay	Lưu thông tin loại thuế phải nộp
TTC_BRANCH	<mmyyyy>.brh	Lưu thông tin về các chi nhánh hay gọi là đơn vị địa bàn

Trong đó: <mmyyyy> là biến tháng năm lấy dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu. Do đó, nếu biến tháng năm này sẽ là tháng sau của tháng có dữ liệu thay đổi và đăng ký mới. Ví dụ, nếu ta nhận được file **032003.par** thì dữ liệu nhận được sẽ là dữ liệu thay đổi và đăng ký mới trong tháng 2 năm 2003.

Hàng tháng chúng ta sẽ nhận 4 file dữ liệu trên từ Tổng cục Thuế về để xử lý. Kết nối sang máy chủ của Tổng cục Thuế bằng chương trình kết nối thông tin CuteFTP. Đây là bộ phần mềm thông dụng nhất để truyền tải và trao đổi dữ liệu. Sau đây là các bước để thực hiện truyền tải dữ liệu từ Tổng cục Thuế về.

Chú ý: Trên máy trạm đã được cài phần mềm **CuteFTP** và máy trạm đó phải được kết nối vào mạng cục bộ (LAN) của Tổng cục Thống kê.

2.2 Chuyển dữ liệu từ file vào cơ sở dữ liệu

Để chuyển dữ liệu từ 4 file nhận được ở trên vào cơ sở dữ liệu, bạn sử dụng đến phần mềm ứng dụng để tiếp nhận dữ liệu. Phần mềm này được gọi là “**Nhận và xử lý số liệu thuế hàng tháng**”

Môi trường làm việc trên Windows và phương thức làm việc khách/chủ. Có nghĩa rằng, ứng dụng cài trên các máy trạm khác nhau, cơ sở dữ liệu được cài đặt trên máy chủ. Đây tên máy chủ là **doanhnghiep-gso**. Do đó, để làm việc được điều bắt buộc là các máy trạm phải được kết nối vào mạng cục bộ (LAN) của Tổng cục.

Thực hiện quy trình nhận và xử lý dữ liệu hàng tháng:

Xử lý loại bỏ trùng lặp dữ liệu vừa nhận được

Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu theo các loại thông tin khác nhau theo các đường ký hiệu --->.

Chuyển những đối tượng nộp thuế là chi nhánh – mã số thuế 13 số – sang bảng ttc_Branch_1.

Chuyển cấu trúc dữ liệu ngành nghề kinh doanh từ nhóm các bản ghi sang một bản ghi.

Xử lý, chuyển đổi mã, cập nhật lại một số định danh trong các bảng ttc_Payer, ttc_Branch_1, ttc_Business_1

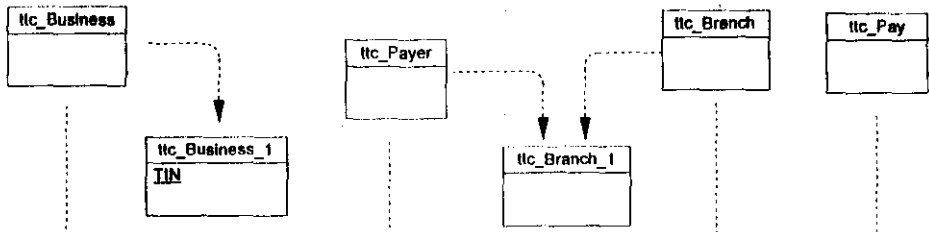
Thực hiện kiểm tra lỗi lôgic dữ liệu

Sửa lỗi cho các bản ghi bị lỗi lôgic

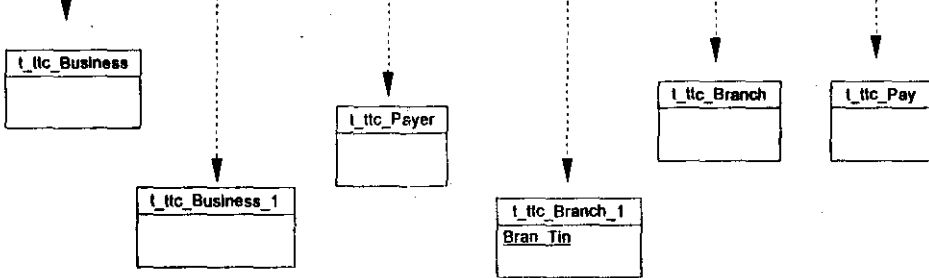
Kiểm tra, hiệu chỉnh phần dữ liệu tăng mới. Quá trình này cần sự nhìn nhận dữ liệu của con người. Đây không phải là lỗi về mặt lôgic mà lỗi do các nhân tố khác nhau như font chữ, sai sót trong quá trình nhập dữ liệu...

GTD Database

Data Input tables

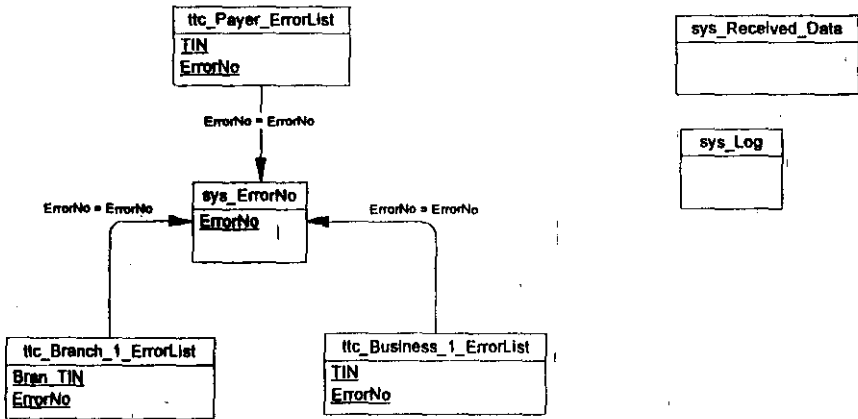


Data Store tables



Error tables

System tables



Hình 2.2: Mô hình cơ sở dữ liệu nhận dữ liệu thuế hàng tháng

Sau khi xong quy trình trên, chuyển dữ liệu sang cho các bảng đầu vào trong cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.

Sau khi chọn các thông số trên sẽ thực hiện từng bước sau đây để nhận dữ liệu:

Bước 1. Kiểm tra file dữ liệu: Bước này sẽ kiểm tra nội dung dữ liệu của từng file có hợp lệ hay không. Tìm ra số bản ghi trong từng file. Trường hợp một

file nào đó có sai sót, bước kiểm tra này sẽ đưa ra thông báo cụ thể và bạn phải kiểm tra lại các file dữ liệu lúc truyền tải về từ Tổng cục Thuế. Nếu bước này không có lỗi, bạn sẽ chuyển sang bước tiếp theo.

Bước 2. Kiểm tra các bảng nhận dữ liệu: Trong cơ sở dữ liệu đầu vào của dữ liệu từ Tổng cục Thuế - tên cơ sở dữ liệu là **GTD**, có 4 bảng tương ứng để nhận dữ liệu từ 4 file hàng tháng.

Trước khi dữ liệu chuyển vào 4 bảng trên và làm rỗng 4 bảng đó. Dữ liệu trong 4 bảng đó có thể là dữ liệu nhận hàng tháng của tháng trước đó. Tuy nhiên, quy trình nhận và xử lý số liệu hàng tháng xong thì hệ thống đã làm rỗng các bảng trên rồi. Điều này tránh trường hợp quy trình nhận và xử lý số liệu tháng trước chưa hoàn thành.

Bước 3. Chuyển dữ liệu vào: Sau khi bước 2 kiểm tra 4 bảng dữ liệu đã thực sự rỗng bạn chuyển sang bước này. Chương trình sẽ đọc dữ liệu từng file và chuyển vào các bảng tương ứng. Trong quá trình chuyển dữ liệu vào, nếu bản ghi nào lỗi hay dữ liệu không hợp lệ, chương trình sẽ chuyển bản ghi lỗi đó ra file lỗi. File lỗi chứa đựng nội dung dữ liệu của từng loại dữ liệu bị lỗi, tên file có phần đuôi mở rộng là *.err trong cùng thư mục có file dữ liệu.

2.3 Xử lý số liệu thuế hàng tháng

Sau khi nhận dữ liệu từ các file vào cơ sở dữ liệu GTD ở các bước trên, bạn tiếp tục thực hiện các bước xử lý và làm sạch cơ sở dữ liệu đó. Trong quá trình thực hiện các thủ tục xử lý dữ liệu, chương trình sẽ chủ yếu thực hiện việc chuyển đổi các hệ thống mã của Tổng cục Thuế sang hệ thống mã danh mục của Tổng cục Thống kê. Đồng thời một số thủ tục chuẩn hoá lại các biến định danh của doanh nghiệp như: tên, địa chỉ, điện thoại, số fax... Để thực hiện xử lý dữ liệu bạn chọn chức năng **Xử lý dữ liệu đã nhận được** trong menu **Nhận dữ liệu** để mở cửa sổ chức năng thực hiện xử lý.

Bước 1: Bỏ trùng lặp dữ liệu

Tên thủ tục: pRemoveDuplicate

Mục đích: Bỏ các bản ghi trùng lặp (giữ lại 1 bản ghi) trong các bảng dữ liệu nhận hàng tháng, đồng thời bỏ những bản ghi là cá nhân nộp thu nhập cao (mã Payer_Type = '12').

Bước 2. Chuyển các chi nhánh

Tên thủ tục: pMoveBranch

Mục đích: Thực hiện chuyển toàn bộ chi nhánh mã thuế 14 số sang bảng ttc_Branch_1. Như vậy sau khi chuyển, bảng ttc_Payer chỉ còn lại các đối tượng nộp thuế gồm doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể.

Bước 3. Chuyển đổi mã loại hình

Tên thủ tục: pTranslationCode

Mục đích: Chuyển đổi mã Payer_Type, Economy, Level_Code, Category sang mã Legal_Form, Ownership, Sector. Việc chuyển đổi dựa vào bảng chuyển đổi mã TranslationCode trong cơ sở dữ liệu CC_DB.

Các mã không có trong bảng mã chuyển đổi thì không chuyển được và tạm thời để giá trị Null.

Bước 4, 5. Chuyển đổi mã danh mục hành chính

Tên thủ tục: pTranslationProvince

pTranslationDistrict

Mục đích: Chuyển đổi mã danh mục hành chính từ mã của Tổng cục Thuế sang mã của Tổng cục Thống kê. Việc chuyển đổi dựa vào hai bảng mã chuyển đổi là TranslationProvince và TranslationDistrict trong cơ sở dữ liệu CC_DB.

Các mã không có trong bảng mã chuyển đổi thì không chuyển được và tạm thời để giá trị không xác định.

Bước 6. Cập nhật dữ liệu

Tên thủ tục: pTelephoneEdit

Mục đích: Cập nhật mã vùng điện thoại, chuẩn hoá số điện thoại, số fax và địa chỉ e-mail nếu có lỗi. Số điện thoại, số fax chỉ lưu 1 số, mã vùng điện thoại lưu riêng.

Bước 7. Cập nhật dữ liệu

Tên thủ tục: pName_Address_Edit

Mục đích: Cập nhật, chuẩn hoá tên, địa chỉ doanh nghiệp và chi nhánh. Việc chuẩn hoá tên dựa vào bảng chuẩn hoá tên PatternString trong cơ sở dữ liệu CC_DB.

Bước 8. Cập nhật mã tăng mới hay cập nhật

Tên thủ tục: pInsert_Update

Mục đích: Cập nhật trường Insert_Update. Nếu bản ghi là tăng mới thì trường Insert_Update = 1 và bản ghi đã có trong BDS, chỉ để cập nhật thì trường Insert_Update = 2.

Bước 9. Cập nhật mã tình trạng doanh nghiệp và đơn vị địa bàn

Tên thủ tục: pUpdate_Status

Mục đích: Chuyển đổi các mã tình trạng nhận được sang mã tình trạng doanh nghiệp và đơn vị địa bàn theo Tổng cục Thống kê. Việc chuyển đổi được sử dụng bảng chuyển đổi mã tình trạng TranslationStatus trong cơ sở dữ liệu CC_DB.

Bước 10. Xử lý và cập nhật mã ngành nghề kinh doanh

Tên thủ tục: pVSIC

Mục đích: Cập nhật mã ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp và đơn vị địa bàn.

2.4 Thực hiện kiểm tra lỗi logic

Chương trình sẽ thực hiện các thủ tục kiểm tra lỗi logic về mặt dữ liệu và đưa ra các thông báo lỗi. Việc kiểm tra lỗi logic này dựa vào ba nhóm loại thông tin dữ liệu nhận được hàng tháng đó là: Lỗi dữ liệu doanh nghiệp, lỗi dữ liệu chi nhánh và lỗi dữ liệu ngành nghề kinh doanh.

Sau quá trình sửa lỗi xong, chạy lại chức năng kiểm tra lỗi logic trên để chương trình kiểm tra lại các lỗi. Quá trình này được thực hiện lại cho đến khi không còn lỗi hoặc có những lỗi không thể sửa được do thiếu các thông tin hoặc các thông tin không rõ ràng để sửa dữ liệu một cách chính xác mà phải chấp nhận tạm thời.

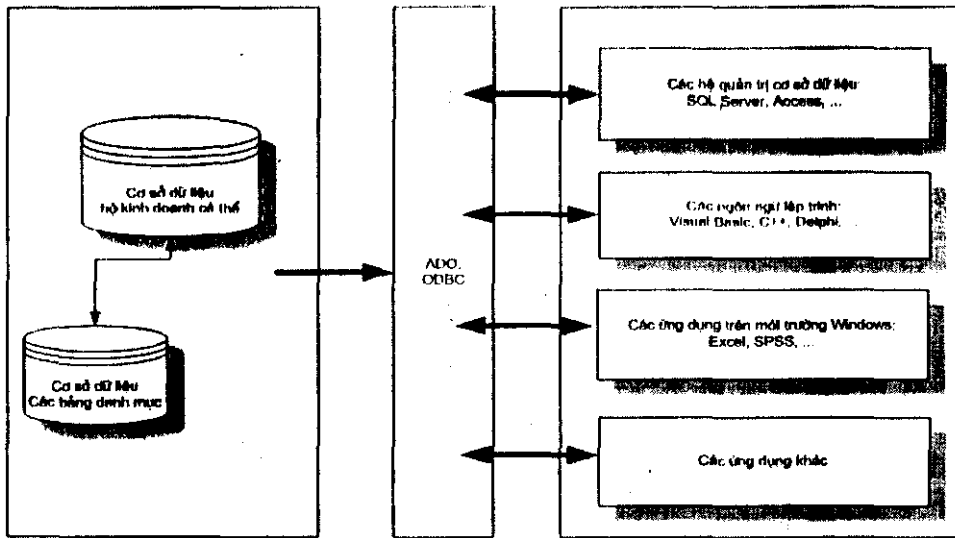
2.5 Chuyển dữ liệu sang cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể

Sau khi các bước trên hoàn tất, chúng ta sẽ chuyển phần dữ liệu hộ kinh doanh cá thể sang cơ sở dữ liệu Household (tên vật lý của cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể)

Cuối cùng trong quá trình nhận, xử lý số liệu hàng tháng từ Tổng cục Thuế. Bước này nhằm lưu trữ dữ liệu hàng tháng vào các bảng lưu (t_ttc_tables) để khi cần thiết chúng ta có thể tra cứu từ các bảng lưu này. Đồng thời bước này cũng làm rỗng các bảng nhận dữ liệu hàng tháng để chuẩn bị tiếp nhận dữ liệu tháng tiếp theo.

2.6 Xây dựng chương trình tổng hợp, tìm kiếm thông tin

Dựa trên cơ sở dữ liệu được xây dựng trên môi trường mạng và dùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server 2000. Môi trường làm việc này là hoàn toàn mở. Điều đó có nghĩa rằng nó tương thích với các ứng dụng khác khi làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu này. Chúng ta có thể chuyển đổi dữ liệu một cách dễ dàng sang các hệ quản trị khác như: Microsoft Access hoặc Microsoft Excel hoặc SPSS...



Hình 2.6a: Mô hình chuyển đổi sang các môi trường và ứng dụng khác

Chương trình tổng hợp:

Hàng tháng chúng ta sẽ thực hiện chạy bước tổng hợp các đơn vị kinh doanh cá thể. Mục đích để chương trình tổng hợp số đơn vị kinh doanh theo các chỉ tiêu theo các bảng danh mục phân loại trên như: Loại hình; Loại hình sở hữu; Khu vực thể chế; Quy mô lao động... vào trong bảng S_SummaryEnterprise trong cơ sở dữ liệu BDS_Houshold để phục vụ cho các báo cáo tổng hợp trong chương trình ứng dụng này, cũng như việc khai thác số liệu đã được tổng hợp này qua các công cụ khai thác khác.

Bảng chứa đựng số liệu tổng hợp theo hàng tháng và lưu thông tin theo nhiều chỉ tiêu tổng hợp. Cấu trúc bảng S_SummaryEnterprise như sau:

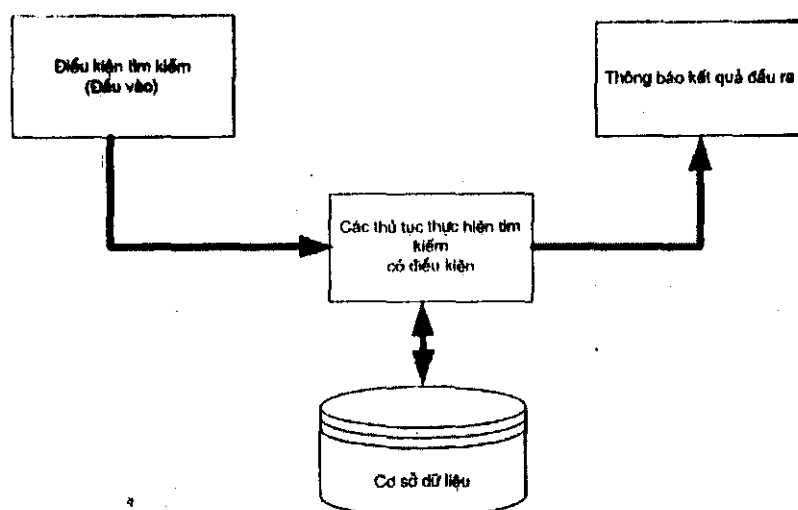
Tên trường	Kiểu	Mô tả
InDate	datetime	Tháng năm của số liệu đã tổng hợp
Capital_Resource_Class	tinyint	Mã phân lớp quy mô nguồn vốn
Employees_Class	tinyint	Mã phân lớp quy mô lao động

Enterprise_Status	tinyint	Mã tình trạng
Legal_Form	char	Mã loại hình
Ownership	char	Mã loại hình sở hữu
Sector	char	Mã khu vực thể chế
Turnover_Class	tinyint	Mã phân lớp theo quy mô doanh thu
Province	char	Mã tỉnh, thành phố
District	char	Mã quận, huyện
Commune	char	Mã xã, phường
VSIC	varchar	Mã ngành kinh tế quốc dân cấp 4
Number	int	Số doanh nghiệp theo tháng năm và các mã số trên

Như thế chúng ta sẽ lấy số liệu tổng hợp từ bảng tổng hợp này theo các tiêu thức đã định ra trong đó. Dưới đây là danh sách một số các biểu tổng hợp có thể lấy thông tin ra từ bảng này. Cấp tổng hợp có thể theo toàn quốc hoặc theo từng tỉnh, thành phố khác nhau. Cho phép người dùng lựa chọn theo các yêu cầu khác nhau. Tuy nhiên, dữ liệu theo các biểu tổng hợp này là cứng nhắc. Tức là dữ liệu đưa ra cố định theo đầu biểu đã được thiết kế. Không thay đổi được theo yêu cầu nào đó.

Tìm kiếm thông tin:

Tìm kiếm thông tin các cơ sở đăng ký kinh doanh hộ cá thể được hiểu như là việc đưa vào điều kiện cần tìm nào đó, chương trình sẽ thông báo kết quả tìm kiếm. Nếu giá trị tìm kiếm không thoả mãn điều kiện tìm thì thông báo kết quả không tìm thấy. Ngược lại, nếu thấy những giá trị thoả mãn điều kiện tìm kiếm do người dùng đưa vào thì phải thông báo và đưa ra các giá trị thoả mãn đó.



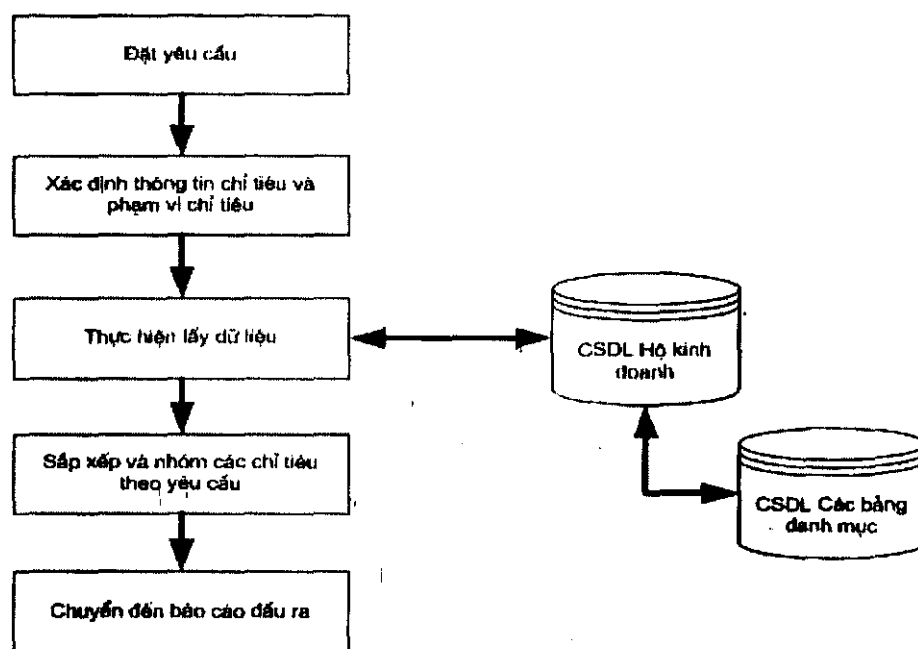
Hình 2.6b: Mô tả quá trình tìm kiếm thông tin

Khối thông tin đầu vào có thể là các tiêu thức như: Mã số thuế hộ kinh doanh cá thể, hoặc tên đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ, hoặc mã số định danh của hộ...Khối các thủ tục thực hiện tìm kiếm là đoạn chương trình thực hiện tác động trực tiếp đến cơ sở dữ liệu. Môđun này thường được xây dựng dựa trên các điều kiện *giống (like)* hoặc điều kiện *bằng (equal)*. Tuy nhiên dựa vào khối thông tin đầu vào để xác định loại tiêu thức mà có những phép toán phù hợp. Ví dụ, với điều kiện tìm là mã số thuế của hộ kinh doanh cá thể thì điều kiện tìm ở đây là *bằng*. Đối với tên đăng ký kinh doanh thì điều kiện tìm kiếm có thể là *giống*, bởi lẽ đôi khi các giá trị dạng text không trùng nhau về giá trị tính toán mà có thể trùng nhau về giá trị ý nghĩa. Ví dụ, một người viết **Tp Hà Nội** (dạng viết tắt) hoàn toàn giống nhau về mặt ý nghĩa với cụm từ **Thành phố Hà Nội** (dạng viết đầy đủ).

Khối đầu ra: Đây là phần kết quả mong đợi của quá trình tìm kiếm về khía cạnh người dùng. Bởi lẽ người dùng chương trình đâu có quan tâm nhiều đến giải pháp hay cách thực hiện các thủ tục trong khối tìm kiếm như thế nào. Kết quả đầu ra có thể là các thông báo, có thể là các tập giá trị thoả mãn điều kiện tìm hoặc cũng có thể là việc kiết xuất ra máy in.

2.7 Xây dựng chương trình báo cáo đầu ra, lập danh sách

Chương trình này thực hiện tổng hợp các báo cáo đầu ra cũng như cho phép người dùng thực hiện chọn các thông tin cần lấy ra để lập danh sách các đơn vị kinh doanh cá thể, đồng thời phân tổ theo đơn vị hành chính hoặc theo nhóm các chỉ tiêu đã được định nghĩa; quy trình thực hiện việc lập danh sách như sau:



Hình 2.7a: Quy trình thực hiện lập danh sách

Khởi đặt yêu cầu: Đây là phần yêu cầu của người dùng tin, xác định yêu cầu, lập kế hoạch cũng như các thủ tục hành chính. Ví dụ, người dùng tin yêu cầu lập danh sách các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Thành phố Hà Nội có đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2003. Đồng thời nhóm dữ liệu theo các quận huyện và quy mô nguồn vốn.

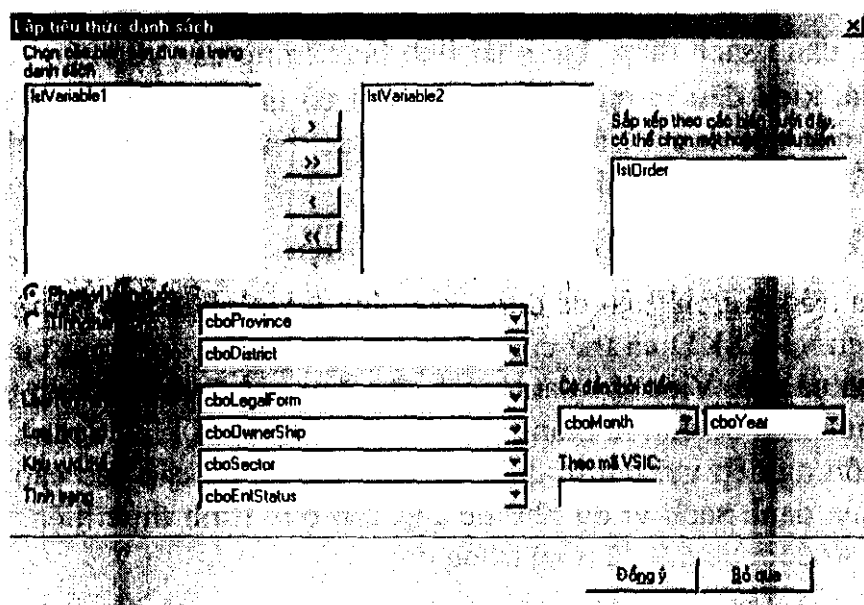
Xác định thông tin chỉ tiêu và phạm vi chỉ tiêu: Cán bộ nghiệp vụ sẽ dựa trên các yêu cầu của người dùng tin để xác định các chỉ tiêu đưa ra, đồng thời xác định phạm vi và quy mô của dữ liệu. Ví dụ, danh sách đưa ra gồm các chỉ tiêu định danh như: Tên hộ kinh doanh; Địa chỉ; Số điện thoại, và các thông tin dữ liệu như: Số lao động; Vốn đăng ký.

Thực hiện lấy dữ liệu: Đây là công đoạn kỹ thuật, chúng ta sẽ đưa các yêu cầu đầu vào cho chương trình ứng dụng. Các thủ tục thực hiện đọc và xử lý dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ra. Đồng thời, xác định các yêu cầu đó để thực hiện đúng theo yêu cầu đầu ra. Chuyển đổi các bộ mã cũng như các chỉ tiêu dữ liệu liên quan đến đầu ra.

Sắp xếp và nhóm các chỉ tiêu: Sau khi đọc được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu, chương trình ứng dụng sẽ thực hiện sắp xếp thông tin, nhóm các chỉ tiêu với nhau. Ví dụ, nhóm các đơn vị kinh doanh cá thể theo quy mô lao động vào với nhau.

Chuyển đến các báo cáo đầu ra: Khởi này sẽ thực hiện đưa các danh sách kết quả theo yêu cầu ban đầu ra các dạng đầu ra. Các dạng đầu ra ở đây có thể là file, có thể là màn hình, có thể máy in...

Trong việc lập danh sách các đơn vị kinh doanh cá thể, người dùng có thể thay đổi được các biến (tiêu thức) cần lập danh sách, đồng thời trong danh sách còn có thể đưa ra theo phạm vi dữ liệu khác nhau. Dưới đây là hình ảnh minh họa việc chọn các tiêu thức và phạm vi dữ liệu:



Hình 2.7b: Hình ảnh minh họa việc lập danh sách

Đối với cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể thì các tiêu thức như: Loại hình pháp nhân; Loại hình sở hữu và Khu vực thể chế thì chúng ta không phân loại theo các tiêu thức này. Điều này khác so với cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vì do đặc thù đây là cơ sở dữ liệu chỉ có phần đơn vị hộ kinh doanh cá thể.

Phạm vi mã VSIC (mã ngành kinh tế quốc dân) cho phép chúng ta có thể lấy danh sách ra theo mã ngành kinh tế quốc dân. Mã ngành ở đây được thể hiện theo hai cấp đó là cấp 2 và cấp 4. Nếu cần lập danh sách mã ngành cấp 2 thì chúng ta đưa mã ngành cấp 2 cần lấy và tương tự cho mã ngành cấp 4.

Phần thời điểm đưa ra dữ liệu là thời điểm mà chúng ta có được số lượng các đơn vị hộ kinh doanh cá thể có được. Thời điểm này sẽ được so sánh với thời điểm mà đơn vị hộ kinh doanh cá thể thành lập. Tuy nhiên, đối với những hộ kinh doanh cá thể bị khuyết thiếu giá trị ngày tháng thành lập thì chúng ta sẽ đối chiếu với ngày tháng đơn vị đăng ký với cơ quan Thuế.

III. Ứng dụng lập danh sách các hộ kinh doanh cá thể

Việc lập danh sách các hộ kinh doanh cá thể mang nhiều ý nghĩa và mục đích khác nhau. Nó đánh giá về mặt số liệu thực tế, đồng thời làm cơ sở cho các phân tích cũng như phục vụ cho các công việc sau này.

Tất cả các cuộc điều tra chọn mẫu đều phải dựa trên danh sách các đơn vị kinh doanh cá thể theo mỗi địa bàn, từ đó đưa ra các quyết định chọn mẫu cũng như quy mô của mẫu.

Các danh sách được lập phải linh hoạt trong các yêu cầu của người dùng tin. Tức là, kiểu đầu ra của mỗi danh sách có thể khác nhau về mặt hình thức cũng như mặt nội dung. Cách phân nhóm các tiêu thức chính và thông tin cơ sở của các đối tượng là hộ kinh doanh cá thể.

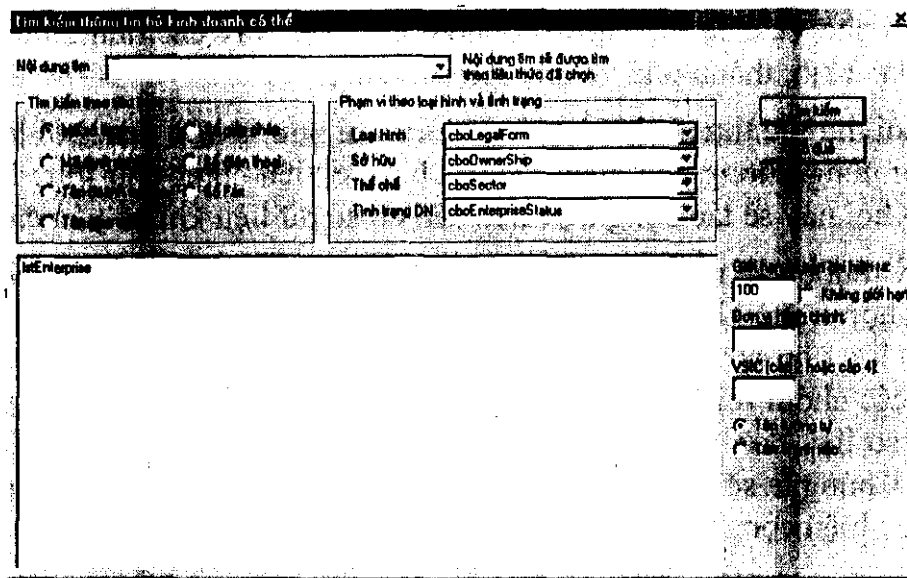
3.1 Xác định chỉ tiêu và qui trình thực hiện

Dựa trên các chỉ tiêu đã được xác định trong phần thứ hai mục 5.2/V Khai thác dữ liệu về CSKD cá thể của Tổng cục Thống kê có trong cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể. Việc lập danh sách các đơn vị hộ kinh doanh cá thể sẽ chọn các tiêu thức trên để đưa ra thông tin dữ liệu các đơn vị kinh doanh cá thể. Xét về chuyên môn nghiệp vụ, người dùng tin mỗi lúc lại có các yêu cầu khác nhau về cấu trúc của danh sách ví dụ như đề cập đến quy trình thực hiện việc lập danh sách (như sơ đồ mục 6.9 đã nêu) trong đó:

Khởi đặt yêu cầu: Đây là phần yêu cầu của người dùng tin, xác định yêu cầu, lập kế hoạch cũng như các thủ tục hành chính. Ví dụ, người dùng tin yêu cầu lập danh sách các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Thành phố Hà Nội có đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2003. Đồng thời nhóm dữ liệu theo các quận huyện và quy mô nguồn vốn.

Xác định thông tin chỉ tiêu và phạm vi chỉ tiêu: Cán bộ nghiệp vụ sẽ dựa trên các yêu cầu của người dùng tin để xác định các chỉ tiêu đưa ra, đồng thời xác định phạm vi và quy mô của dữ liệu. Ví dụ, danh sách đưa ra gồm các chỉ tiêu định danh như: Tên hộ kinh doanh; Địa chỉ; Số điện thoại, và các thông tin dữ liệu như: Số lao động; Vốn đăng ký.

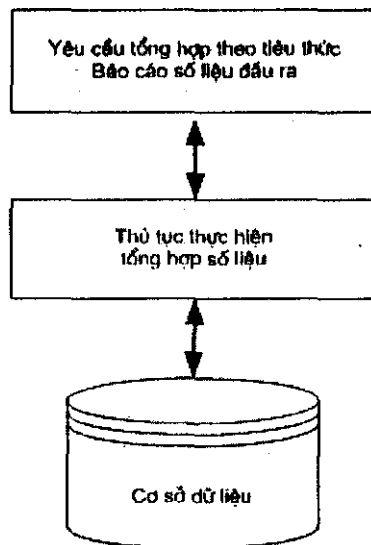
Thực hiện lấy dữ liệu: Đây là công đoạn kỹ thuật, chúng ta sẽ đưa các yêu cầu đầu vào cho chương trình ứng dụng. Các thủ tục thực hiện đọc và xử lý dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ra. Đồng thời, xác định các yêu cầu đó để thực hiện đúng theo yêu cầu đầu ra. Chuyển đổi các bộ mã cũng như các chỉ tiêu dữ liệu liên quan đến đầu ra.



Hình 3.1: Cửa sổ giao tiếp người dùng

3.2 Chương trình tổng hợp số liệu

Phần này sẽ đưa ra các cách thực hiện tổng hợp số liệu từ cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.



Hình 3.2: Mô hình thực hiện tổng hợp số liệu từ cơ sở dữ liệu

Khối yêu cầu tổng hợp theo tiêu thức cũng như báo cáo số liệu tổng hợp đầu ra sẽ là nơi giao tiếp người – máy. Người dùng sẽ thực hiện các thao tác ở phần này. Phần yêu cầu tổng hợp có thể theo một hoặc nhiều tiêu thức khác nhau. Ví dụ, chúng ta cần tổng hợp số lượng các đơn vị kinh doanh cá thể chia theo

tỉnh, thành phố và chia theo quy mô lao động. Như vậy các tiêu thức ở đây được xác định là: Tỉnh, thành phố và quy mô lao động.

Khối thủ tục thực hiện tổng hợp được coi như là hộp đen, bởi lẽ trong khối này người dùng không cần quan tâm cách thực hiện cũng như thực hiện nó như thế nào. Khối này sẽ tác động trực tiếp đến cơ sở dữ liệu khi có yêu cầu tổng hợp.

Tuỳ thuộc vào số lượng và phạm vi dữ liệu cần tổng hợp mà thời gian thực hiện tổng hợp trong khối này có thể nhanh hay chậm. Giải pháp đưa ra cho các cơ sở dữ liệu lớn như hộ kinh doanh cá thể là: Chúng ta có thể chia vùng phạm vi dữ liệu theo các nhóm rồi thực hiện cộng dồn số liệu của các nhóm này lại. Ví dụ, để tổng hợp số liệu đơn vị kinh doanh cá thể trong toàn quốc có chia theo quy mô lao động. Chúng ta sẽ thực hiện tổng hợp dữ liệu cho một nhóm các tỉnh trước rồi sau đó thực hiện cộng dồn các tỉnh lại với nhau thì sẽ được số liệu toàn quốc.

3.3 Truy vấn dữ liệu

Dưới đây, chúng ta mô phỏng hoá một thủ tục tổng hợp số liệu theo ngôn ngữ truy vấn (SQL):

```
Select <tỉnh, thành phố>, <quy mô lao động>, <đếm số bản ghi>
From Hộ_kinh_doanh_cá_thể
Group By <tỉnh, thành phố>, <quy mô lao động>
```

Dữ liệu đưa ra theo dạng kết quả sau:

tỉnh, thành phố	quy mô lao động	số hộ kinh doanh
101	01	xxxxx
101	02	xxxxx
101	03	xxxxx
103	01	xxxxx
103	02	xxxxx
103	03	xxxxx
105	01	xxxxx
105	02	xxxxx
105....	03	xxxxx

Ngoài việc thực hiện các truy vấn ra, chúng ta còn có rất nhiều các công cụ khác nhau để thực hiện tổng hợp số liệu, đồng thời các công cụ này còn rất linh hoạt trong quá trình thực hiện, cho phép chúng ta có thể xoay chiều chỉ tiêu báo cáo khác nhau theo nhiều lựa chọn. Cụ thể có thể kể đến một ứng dụng rất quen thuộc đó là Microsoft Excel 2000. Đây là một ứng dụng trong bộ MicrosoftOffice 2000.

Chúng ta có cửa sổ PivotTable với danh sách các tiêu thức và cửa sổ nhận kết quả theo các chiều khác nhau.

	00	01	02	03	04	
101			1029	417	1010	1069
103			104	314	312	122
104			51	53	168	317
105			168	189	248	256
106			37	219	137	297
107			60	209	197	297
109			46	66	110	175
111			64	27	44	204
113			132	167	191	372
115			111	139	205	335
117			67	37	310	91
201		1	30	61	99	14E
203			53	15	100	4E
205			52	74	162	27

Hình 3.3: Ví dụ của một biểu dữ liệu

Đây là một dạng phân tích số liệu báo cáo tổng hợp khá linh hoạt. Hiện nay chúng ta có một số phần mềm phân tích thống kê khác như SPSS. SPSS cũng cho phép chúng ta kết nối đến cơ sở dữ liệu qua giao tiếp kết nối ODBC của hệ điều hành.

Nhưng đối với cơ sở dữ liệu đơn vị kinh doanh hộ cá thể này thì giải pháp đưa ra là: Chúng ta sẽ thực hiện tổng hợp số liệu theo thời điểm hàng tháng. chúng ta sẽ xây dựng một bảng lưu thông tin dữ liệu đã được tổng hợp theo tất cả các chỉ tiêu vào trong bảng này. Người dùng sẽ thực hiện việc đọc dữ liệu trong bảng này theo các chỉ tiêu báo cáo thì hoàn toàn dễ dàng và thời gian thực hiện cũng như thao tác rất nhanh.

Trong cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể, chúng ta có các chỉ tiêu sau đây có thể nhóm lại để lấy số lượng các đơn vị kinh doanh cá thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Mô tả</i>
1	Capital_Resource_Class	Quy mô nguồn vốn
2	Employees_Class	Quy mô lao động
3	Enterprise_Status	Tình trạng hoạt động
4	Legal_Form	Mã loại hình
5	Ownership	Mã sở hữu
6	Sector	Mã khu vực thể chế
7	Turnover_Class	Quy mô doanh thu
8	Province	Mã tỉnh thành phố
9	District	Mã quận huyện
10	Commune	Mã xã phường
11	VSIC	Mã ngành kinh doanh

Dưới đây là đoạn chương trình thực hiện tổng hợp dữ liệu theo các tiêu thức trên và theo hàng tháng. Chương trình được viết trên ngôn ngữ lập trình Visual Basic 6.0

Dữ liệu sẽ đưa ra theo dạng sau:

tỉnh, thành phố	cộng giá trị theo số lượng
101	XXXX
103	XXXX
105	XXXX
107	XXXX
...	

Đồng thời từ bảng kết quả tổng hợp này, chúng ta có thể xây dựng các chương trình khai thác số liệu báo cáo tổng hợp một cách dễ dàng hơn.

IV. Xây dựng trang thông tin điện tử về cơ sở kinh doanh cá thể

Nghiên cứu xây dựng trang thông tin điện tử về cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể dựa trên CSDL đã có (Database của CSDL CSKD cá thể tại Tổng cục Thống kê), nguồn dữ liệu được thu thập từ Tổng cục Thuế và nguồn dữ liệu từ các cuộc điều tra cơ sở kinh doanh cá thể theo năm của Tổng cục Thống kê sẽ

lựa chọn được giải pháp phải đáp ứng theo một qui trình thống nhất và gắn kết với nhau.

4.1 Quản lý thông tin

Mục tiêu: cung cấp thông tin của các Cơ sở kinh doanh cá thể đã đăng ký theo hệ thống quản lý của các cơ quan chức năng. Người quản trị hệ thống dễ dàng quản lý, tìm kiếm, chọn lọc dữ liệu của thông tin CSKD cá thể.

Yêu cầu chức năng: cho phép người sử dụng thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể tìm kiếm thông tin CSKD cá thể, đồng thời người tác nghiệp, quản lý thông tin sẽ quản lý CSDL này. Các tính năng chi tiết cần phải có là:

Đối với người sử dụng:

- *Xem danh sách CSKD cá thể*
- *Xuất /In danh sách theo địa bàn*
- *Cập nhật thông tin*

Đối với người quản trị:

Toàn quyền Truy cập, thêm, sửa, xóa dữ liệu

Quản lý phân loại

Thông báo bằng thư điện tử

Thay đổi giao diện

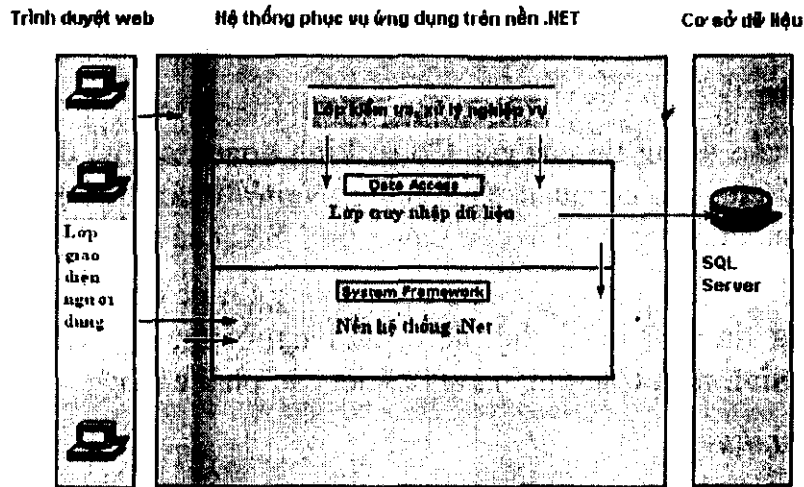
Chấp nhận thông tin và thông báo qua thư điện tử

Phân quyền có thể xem danh sách

4.2 Mô hình kiến trúc ứng dụng và truyền thông

4.2.1 Sơ đồ mô hình kiến trúc

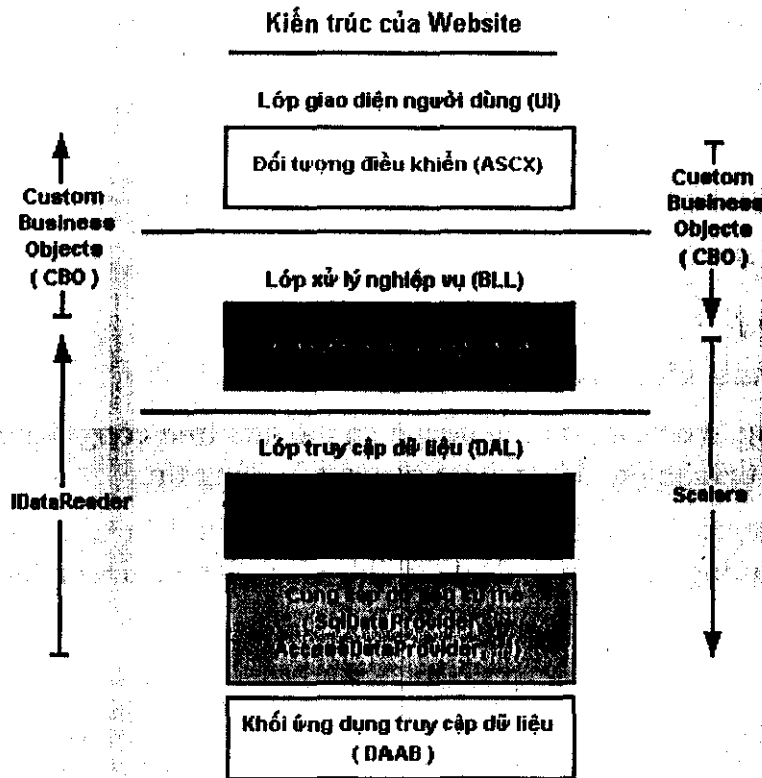
- Xây dựng trang Web Cơ sở kinh doanh cá thể dựa trên công nghệ Web page mới giao diện thân thiện, dễ sử dụng cho người dùng tin..
- Hệ thống sử dụng một kiến trúc mở, 3 lớp, module hóa các chức năng, sử dụng lập trình hướng đối tượng, dễ dàng cho việc triển khai và nâng cấp.



Hình 4.2.1: Sơ đồ mô hình kiến trúc.

4.2.2 Thiết kế hệ thống

Hệ thống được thiết kế theo kiến trúc 3 lớp do vậy dễ dàng triển khai theo một trong hai mô hình sau tùy theo nhu cầu của từng cấp sử dụng:



Hình 4.2.2: Mô hình thiết kế hệ thống

- *Mô hình ứng dụng dựa trên Internet*: Dữ liệu và giao dịch do một máy quản lý. Lớp Client chính là web browser chỉ là giao diện với người dùng.
- *Mô hình 3 lớp*: Dữ liệu do Server cơ sở dữ liệu quản lý (Database Server) còn giao dịch do Server ứng dụng quản lý (Application Server). Với mô hình này hệ thống sẽ được tăng cường khả năng xử lý giao dịch, số lượng người dùng được phục vụ trên cùng một hệ thống có thể tăng lên.
- Do được thiết kế theo theo mô hình 3 lớp hướng đối tượng nên hệ thống hoàn toàn độc lập với hệ Quản trị CSDL.
- Với phương pháp này hệ thống được chia thành nhiều lớp đối tượng để dễ dàng cho việc bảo trì, nâng cấp và quản lý.

4.2.3 Tổ chức và lưu trữ thông tin

- Thông tin dữ liệu được thiết kế và lưu trữ trên hệ cơ sở dữ liệu quan hệ MS SQLServer. Các bảng dữ liệu được thiết kế với các liên kết và ràng buộc đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu..
- Việc truy xuất dữ liệu có thể thực hiện trực tiếp trên các bảng hoặc thông qua các View (ghép nối dữ liệu từ nhiều bảng) để tăng tính linh hoạt của hệ thống.
- Cập nhật bổ sung dữ liệu được thực hiện thông qua các thủ tục bên trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Stored Procedures) thuận tiện cho việc bảo trì nâng cấp. Các thủ tục đều sử dụng giao dịch (Transactions) để cập nhật số liệu đảm bảo sự toàn vẹn dữ liệu. Các giao dịch bị ngắt giữa chừng dữ liệu có thể được khôi phục lại trạng thái ban đầu.
- Các bản ghi trong các bảng được lập chỉ mục (Index) để tăng khả năng truy nhập.

4.2.4 Xử lý và tìm kiếm thông tin

- Hệ thống website gồm nhiều module thực hiện dựa trên các quy trình thống nhất, được chuẩn hóa. Người dùng chỉ cần nhập số liệu đầu vào một lần, các dữ liệu sẽ được hệ thống xử lý và đưa ra các kết quả báo cáo, danh sách dàn mẫu.
- Đối với các dữ liệu nhập vào hệ thống từ các file sẽ được kiểm tra lỗi và tính hợp lệ trước khi ghi vào CSDL. Các lỗi này sẽ được ghi ra các log file và thông báo cho người quản trị hệ thống để có phương án xử lý.
- Các biểu mẫu nhập được thiết kế dựa trên các mẫu đã được khảo sát kỹ lưỡng, số liệu được lưu trữ và truy xuất nhanh chóng và chính xác.

- Các module được kết hợp với nhau dựa trên nền tảng vững chắc có kiến trúc tiên tiến nhất và mới nhất theo công nghệ của Microsoft. Cơ chế tìm kiếm thông tin nhanh chóng do kiến trúc được thiết kế tốt hỗ trợ.

4.2.5 An toàn hệ thống và bảo mật thông tin

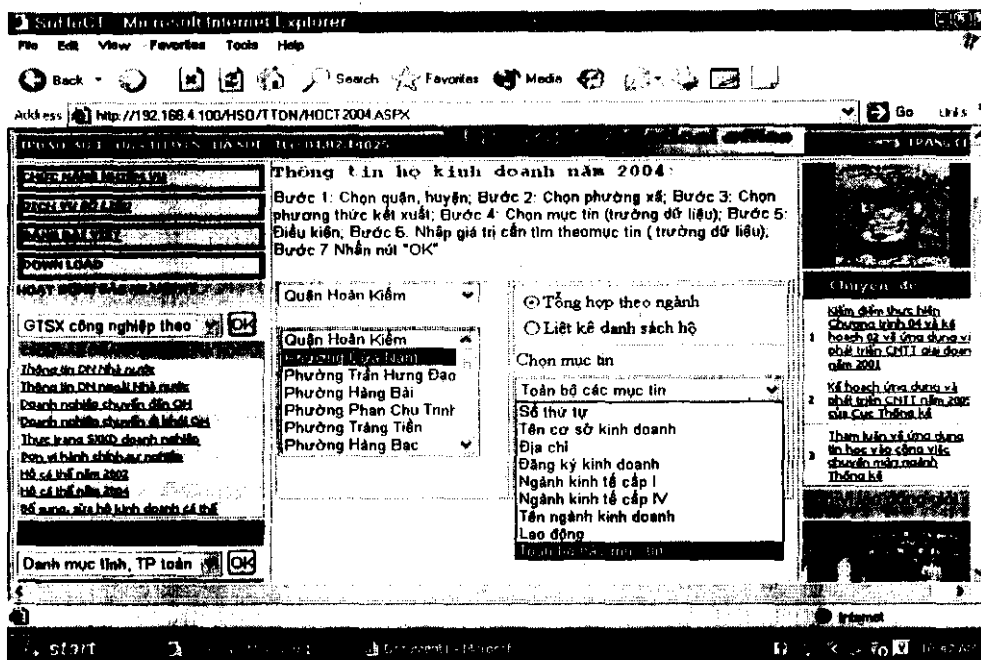
- Hệ thống có khả năng bảo mật cao, đáp ứng đúng yêu cầu đặt ra, tính bảo mật được xét đến ngay từ quá trình phân tích và thiết kế, xây dựng hệ thống đến khi vận hành hệ thống. Bảo mật hệ thống có khả năng đảm bảo nhiều mức: Hệ điều hành, Cơ sở dữ liệu, ứng dụng.
- Mỗi module ứng dụng được xác lập danh sách quyền truy cập riêng. Mỗi người sử dụng sẽ được phân quyền với chức năng nhiệm vụ của họ đối với từng module, đảm bảo không bị xung đột và chồng chéo công việc.
- Các chức năng chương trình sẽ được phân quyền đến từng thao tác như đọc, ghi, xoá, sửa. Tất cả các giao dịch sẽ được ghi kèm theo mã người dùng để tiện theo dõi và phát hiện những truy nhập bất hợp pháp.
- Hệ thống dựa vào khả năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQLServer cho phép backup tự động theo lịch định kỳ và khôi phục lại khi cần. Chiến lược và biện pháp Backup và Recover sẽ được thiết kế và miêu tả thành một quy trình đầy đủ, đơn giản đảm bảo an toàn cho hệ thống.

4.2.6 Truyền thông

Dựa trên mạng toàn cầu Internet, cho phép truy cập qua nhiều phương tiện khác nhau và bằng nhiều đường kết nối khác nhau (leased line, ADSL, Dial-up...).

4.3 Phân tích các module chức năng trang chủ

Mục tiêu: Tại trang chủ sẽ có danh sách các tiểu mục và liên kết tới các trang chứa nội dung của chúng, sẽ đề cập tới dưới đây



Ngoài ra, có thể đặt thêm các Logo và đường Link liên kết tới các website bạn bè khác. Trang chủ là thành phần đầu tiên của Website khi người dùng bước vào nên phải đảm bảo tính thẩm mỹ, thuận tiện, dễ dùng, đơn giản nhưng vẫn phải thể hiện là một Website có nội dung phong phú đầy đủ, tiện lợi và dễ tra cứu.

* Bảo mật hệ thống

Hệ thống website được bảo mật theo nhiều cấp đảm bảo an toàn tối đa cho mọi hoạt động nghiệp vụ. Các mức bảo mật được mô tả như sau:

- Bảo mật mức vật lý: An toàn cho máy chủ khỏi sự can thiệp bởi người không có phận sự.
- Bảo mật mức hệ điều hành: Dựa trên cơ chế bảo mật của Windows 2003 Advance Server
- Bảo mật mức mạng: Chống tin tặc truy cập bất hợp pháp.
- Bảo mật theo định danh: Bảo mật theo tên và mật khẩu đã đăng ký
- Bảo mật mức ứng dụng: Phân quyền theo nhiều cấp đối với từng modules chức năng căn cứ vào hệ thống phân quyền cho người sử dụng theo vai trò và theo nhóm.

* Hệ thống mã hóa

Hệ thống mã hóa thống nhất được sinh bởi chương trình gồm 2 phần:

- Phần tĩnh: được người quản trị thiết lập để có tính gợi nhớ cao.

- Phản động: được sinh bởi chương trình của ứng dụng, đảm bảo tính duy nhất, và nhất quán trong cách đặt tên

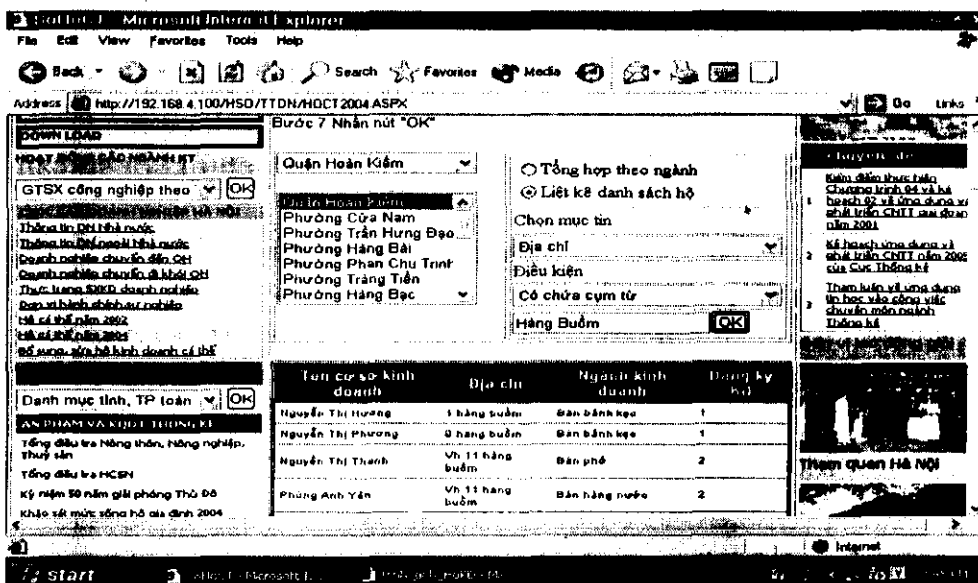
Mã đầy đủ được ghép từ phần tĩnh và phản động để xác lập nên mã chuẩn.

*** Yêu cầu chuẩn tiếng Việt (TCVN 6909)**

- Giao diện của chương trình sẽ được thể hiện bằng tiếng Việt theo TCVN mới nhất, tương thích hoàn toàn với chuẩn Unicode (hiện tại là TCVN 6909). Đây là điểm mạnh vì được dựa trên hệ điều hành và hệ quản trị cơ sở dữ liệu mới của Microsoft.
- Bộ gõ tiếng Việt đề xuất là UniKey 3.6 (hoặc mới hơn) hoặc VietKey 2000 (hoặc mới hơn)

*** Hệ thống trợ giúp và hướng dẫn sử dụng trực tuyến**

- Hệ thống trợ giúp và hướng dẫn trực tuyến được chú trọng và được phát triển riêng thành một module của hệ thống website. Do vậy, hệ thống sẽ có đầy đủ trợ giúp và hướng dẫn sử dụng, có sự liên kết móc nối trong các khái niệm thuật ngữ trong toàn hệ thống Website.
- Bất kỳ lúc nào và đang thao tác ở mục module nào, nếu cần người sử dụng cũng sẽ truy cập được ngay vào phần trợ giúp hoặc được trợ giúp trực tuyến bởi tooltips. Điều này đảm bảo tính thuận tiện về trợ giúp.



* Lựa chọn hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Việc lựa chọn đúng hệ quản trị cơ sở dữ liệu là cực kỳ quan trọng để ứng dụng chạy ổn định, an toàn và đảm bảo tốc độ truy cập dữ liệu tốc độ cao.

• MS SQLServer là hệ quản trị CSDL tiên tiến nhất hiện nay, cho phép làm việc một cách chính xác và hiệu quả như người dùng đã khai báo trên nền tảng phần cứng và hệ điều hành. Ưu điểm này cho phép chính và chuẩn hoá CSDL trên nền tảng phần cứng và hệ điều hành Cụ thể:

- Lưu trữ và tổ chức chặt chẽ dữ liệu với các ràng buộc ở mức CSDL
- Hỗ trợ truy xuất nhanh và xử lý song song
- Đảm bảo tính an toàn, bảo mật và tính toàn vẹn dữ liệu
- Dễ dàng Backup/recovery (tự động, lên lịch hoặc theo yêu cầu)
- Khai thác tối đa khả năng của phần cứng
- Quản trị đơn giản với công cụ MS SQLServer Enterprise Manager
- Ngoài ra, MS SQLServer có khả năng thực hiện như cơ sở dữ liệu di động, hỗ trợ việc mềm dẻo trong quản lý và hệ điều hành (Unix, Windows, Linux), có thể kết nối cơ sở dữ liệu từ xa, không dây. Hơn thế nữa MS SQL Server còn có khả năng làm một nơi lưu dữ liệu hỗ trợ tính toán 03 lớp hay nhiều lớp, tận dụng những lợi thế về internet cũng như tính mở của CSDL.

• Lựa chọn cơ sở dữ liệu phù hợp nhất như sau:

- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu tại máy chủ dịch vụ Web là **Microsoft SQL Server 2000** (hoặc mới hơn).
- Tại các trung tâm quản lý dữ liệu (địa phương) sử dụng **Microsoft SQL Server 2000** (hoặc mới hơn).

* Sử dụng công cụ phát triển phù hợp

Hệ thống Website được xây dựng trên môi trường phát triển ứng dụng nhanh (RAD) là Microsoft Visual Studio .NET. Điều này cho phép các module xây dựng được gắn kết với nhau và được quản lý trong cùng một môi trường phát triển. Thuận tiện cho việc thử nghiệm, kiểm tra và sửa chữa lỗi của chương trình. Ngôn ngữ lập trình C# cũng được lựa chọn trong môi trường này.

* Tính mở của hệ thống ứng dụng

- **Tính mở trong xây dựng chức năng nghiệp vụ:**

Hệ thống sẽ được thiết kế mở, cho phép định nghĩa thêm các module, các chỉ tiêu quản lý, dễ dàng thêm bớt thông tin. Nâng cấp dễ dàng chương trình khi có thay đổi về nghiệp vụ hoặc thêm mới các modules.

- **Tính mở trong thiết kế:**

Hệ thống được thiết kế theo hướng mở, sử dụng CSDL MS SQLServer chuẩn SQL và thiết kế hướng đối tượng do đó có khả năng nâng cấp và sửa đổi dễ dàng. Tầng xử lý thông tin (Business Data object) được thiết kế tương đối độc lập, do vậy các ứng dụng phía Client sẽ truy xuất CSDL thông qua lớp này. Việc nâng cấp và thay đổi thiết kế CSDL không ảnh hưởng đến các ứng dụng phía Client.

- **Tính mở của công nghệ:**

Hệ thống được xây dựng trên CSDL MS SQLServer, ngôn ngữ C# trên nền phát triển ứng dụng MS Visual Studio .Net. Đây là công nghệ hỗ trợ phát triển hướng đối tượng, giúp cho việc dễ dàng nâng cấp và sửa đổi các thành phần của hệ thống. Sử dụng CSDL MS SQLServer, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến nhất trong việc quản trị CSDL như quản lý giao dịch, sao lưu dự phòng và khôi phục, quản lý tiến trình, tự động tối ưu dữ liệu.

- **Tính mở trong sử dụng:**

Người sử dụng có thể thay đổi font chữ, cách thức bố trí các thông tin trên màn hình như hiển thị hoặc dấu, bỏ các grid, tích hợp biểu đồ thể hiện các kết quả phân tích, kết xuất báo cáo ra excel, dbf, XML, HTML ...

- **Tính mở trong triển khai:**

Hệ thống linh hoạt dễ dàng triển khai cho nhiều cấp ứng dụng khác nhau, không phụ thuộc vào CSDL nên chỉ cần viết ứng dụng một lần là có thể triển khai trên các hệ quản trị CSDL khác nhau (MS SQLServer, Access), giảm thiểu thời gian phát triển, thống nhất trong tổ chức dữ liệu thuận tiện cho việc nâng cấp và bảo trì. Mặt khác, hệ thống có thể triển khai theo mô hình Client/Server hoặc 03 lớp, tách Server ứng dụng và Server CSDL.

*** Tính độc lập của các module ứng dụng**

- Hệ thống Website được xây dựng dựa trên công nghệ công thông tin (Portal) hoàn toàn đáp ứng được tính mở và động của các module chức năng.
- Tính độc lập của các module ứng dụng cũng chính là một ưu điểm lớn của công thông tin. Các module được xây dựng **độc lập nhau**, có thể chạy độc lập nhau và giao tiếp với hạ tầng kiến trúc thông tin của công thông tin.

*** Phương pháp sao lưu và phục hồi dữ liệu**

Sao lưu dữ liệu sử dụng công cụ cung cấp của hệ quản trị cơ sở dữ liệu là **phương án tối ưu**. Với công cụ quản trị CSDL là MS SQLServer Enterprise Manager cho phép quản trị rất đơn giản.

- Định kỳ (hàng tuần/ hàng tháng...) vào một ngày cuối tuần, người sử dụng thực hiện sao lưu dữ liệu hoặc đặt lịch sao lưu dữ liệu ra tệp dữ liệu dự phòng.
- Kiểm tra sự toàn vẹn của tệp dữ liệu dự phòng.
- Lấy tệp dữ liệu dự phòng về máy quản lý.
- Tiến hành khôi phục lại dữ liệu lên một website nội bộ do mình quản lý để đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu dự phòng.
- Dữ liệu dự phòng được lưu lại theo lịch sử tùy theo nhu cầu của lưu trữ

Khôi phục dữ liệu sử dụng công cụ cung cấp của hệ quản trị cơ sở dữ liệu là **phương án tối ưu**. Với công cụ quản trị tiên tiến và dễ sử dụng, người quản trị có thể tiến hành phục hồi toàn bộ dữ liệu dựa trên các tệp dữ liệu dự phòng.

- Từ các tệp dữ liệu sao lưu dự phòng, người quản trị chọn ra dữ liệu sao lưu gần nhất theo ngày.
- Dùng công cụ quản trị phục hồi dữ liệu, người quản trị chỉ ra tệp dữ liệu sao lưu đó.
- Xác định tên và vị trí cơ sở dữ liệu cần khôi phục lại
- Xác định kiểu khôi phục lại dữ liệu, toàn phần, một phần hay cấu trúc cơ sở dữ liệu
- Xác nhận lại việc khôi phục dữ liệu.

Vậy việc sao lưu và phục hồi dữ liệu đều được thực hiện bằng công cụ của hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Điều đó đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu được sao lưu, tính nhất quán trong các ràng buộc dữ liệu và đảm bảo tốc độ sao lưu và phục hồi dữ liệu.

*** Phương pháp chuyển đổi dữ liệu tối ưu**

Để chuyển đổi dữ liệu từ các hệ thống cũ sang hệ thống mới là công việc rất phức tạp. Cần phải có cân nhắc khoa học để chọn phương án chuyển đổi dữ liệu tối ưu:

- 1 Sao lưu dữ liệu cần chuyển đổi
- 2 Xác định cấu trúc tất cả các bảng dữ liệu của hệ thống cũ
- 3 Xác định cấu trúc tất cả các bảng dữ liệu mới
- 4 Xây dựng bản đồ chuyển đổi dữ liệu giữa các bảng của hệ thống cũ sang các bảng của hệ thống mới.

- 5 Duyệt từng trường dữ liệu trong từng bảng dữ liệu của hệ thống mới để xác định được dữ liệu được lấy từ các bảng dữ liệu cũ như thế nào.
- 6 Viết mã lệnh để chuyển đổi dữ liệu dựa trên bản đồ chuyển đổi dữ liệu đã xác định ở trên.
- 7 Thực hiện lệnh chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới.
- 8 Kiểm tra và hoàn thành việc chuyển đổi dữ liệu.

Độ phức tạp của việc chuyển đổi phụ thuộc vào sự khác nhau về cấu trúc cơ sở dữ liệu giữa hệ thống cũ và hệ thống mới.

Phương pháp chuyển đổi trên đảm bảo tính đầy đủ của dữ liệu cần chuyển đổi từ hệ thống cũ sang hệ thống mới.

V. Phát triển ứng dụng thí điểm tại Cục Thống kê Hà Nội

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, nhóm nghiên cứu đã phối hợp với bộ phận tin học của Cục Thống kê Hà Nội nhằm thử nghiệm các giải pháp đã nghiên cứu, đồng thời tận dụng các kết quả mà Cục Thống kê Hà Nội đã tiến hành áp dụng trong quá trình thu thập, cập nhật về danh mục các cơ sở kinh doanh cá thể phục vụ theo yêu cầu điều tra của Tổng cục Thống kê. Quá trình nghiên cứu và kết hợp thử nghiệm được tiến hành trong phạm vi các nội dung sau:

5.1 Thực trạng cơ sở kinh doanh cá thể Thành phố Hà Nội

Theo số liệu tổng điều tra cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp năm 2002 là 97.267 hộ, chỉ tăng có 4% về số cơ sở so với kỳ tổng điều tra năm 1995; Số liệu gần đây nhất thu được từ kết quả rà soát hộ cá thể năm 2004, tổng số hộ là 97.984 hộ, tăng không đáng kể. Nguyên nhân, do chính sách mở về luật doanh nghiệp, nhiều hộ chỉ cần sau một thời gian mở rộng sản xuất, tích tụ vốn đã có đủ điều kiện để thành lập công ty, góp phần vào sự ra đời hàng loạt các công ty trên địa bàn và đó là nguyên nhân cho thấy số lượng hộ sản xuất kinh doanh trong các năm qua ổn định.

Lĩnh vực tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ rất đa dạng, có mặt hầu hết trong các ngành kinh tế. Nhưng tập trung nhiều vào các ngành thương mại và dịch vụ chiếm tới 83% số hộ, điều đó cũng không có gì lạ vì Hà Nội là thành phố đông dân, sức tiêu thụ lớn, có nhiều chợ là đầu mối buôn bán về các tỉnh. Lực lượng này đã góp phần không nhỏ vào quá trình lưu thông hàng hoá và dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bảng số liệu sau phản ánh phân công lao động của các hộ kinh doanh cá thể theo lĩnh vực ngành kinh tế.

Một thực trạng nữa cho thấy, qua kết quả điều tra năm 2002, chỉ có 39.033 hộ có đăng ký kinh doanh chiếm 40%, 43.754 hộ có đóng thuế chiếm 45% tổng số hộ, điều đó nói lên ý thức chấp hành pháp luật của các hộ còn thấp, đây là những khó khăn, thách thức đặt ra đối với các cơ quan chức năng, các nhà quản lý, trong đó có ngành thống kê. Do vậy cần có biện pháp thiết thực khắc phục tình trạng trên.

Số cơ sở kinh doanh cá thể chia theo ngành kinh tế

(Theo số liệu rà soát hộ kinh doanh năm 2004):

Tên ngành kinh tế cấp I	Số lượng hộ
Tổng số	97984
<i>Chia ra:</i>	
Công nghiệp khai thác mỏ	79
Công nghiệp chế biến	15138
Sản xuất và phân phối điện	13
Xây dựng	219
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	59305
Khách sạn và nhà hàng	15251
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	4818
Tài chính tín dụng	41
Giáo dục và đào tạo	141
Y tế và hoạt động cứu trợ	503
Hoạt động văn hoá và thể thao	1105
Phục vụ cá nhân và cộng đồng	2920
Ngành khác	

Hiện nay, công tác thống kê thu thập thông tin vẫn theo hình thức và nếp cũ, chưa có gì cải tiến đáng kể, với khu vực kinh tế cá thể cứ khoảng 5-7 năm mới thực hiện tổng điều tra cơ sở kinh tế một lần. Cụ thể năm 1995 tiến hành Tổng điều tra các cơ sở kinh tế và HCSN, thì đến năm 2002 mới thực hiện tổng điều tra lần II. Những năm không tổ chức điều tra, số liệu thống kê hộ kinh doanh chủ yếu dựa vào kết quả suy rộng của điều tra mẫu. Về phương pháp luận là hợp lý, nhằm giảm nhẹ khối lượng công việc, nhưng ngược lại, thiếu nguồn thông tin chi tiết, cụ thể từng hộ.

Một vấn đề mà ngành Thống kê chưa thực sự quan tâm, đó là khai thác, sử dụng kết quả của các cuộc tổng điều tra. Có thể nói đây là hệ thống thông tin đầy đủ, chi tiết, tốn nhiều công sức, tiền bạc để thu thập, nhưng chưa được khai thác, phổ biến rộng rãi. Nếu sử dụng để làm cơ sở dữ liệu ban đầu, tiếp tục cập nhật, bổ sung các biến động, thì đã có một cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh đầy đủ, động, phục vụ chính bản thân trong ngành và nhiều ngành. Việc xây dựng CSDL nói chung và CSDL hộ đăng ký kinh doanh nói riêng là hết sức cần thiết, đã đến lúc ngành Thống kê cần chuyển hướng thu thập thông tin theo phương pháp điều tra thống kê sang hình thức xây dựng cơ sở dữ liệu. Trên thực tế đã có nhiều cơ quan, ngành tuy không chuyên làm số liệu nhưng đã có CSDL, Thống kê làm số liệu nhưng vẫn thiếu vắng CSDL động. Vì vậy cần phải có sự đổi mới một cách toàn diện về phương pháp và cách thức làm việc; Hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu đủ để tính toán sao cho phù hợp với năng lực hiện tại. Tăng cường ứng dụng Tin học vào trong công tác chuyên môn, xây dựng cơ sở dữ liệu. Coi đây là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao uy tín của ngành, sự phát triển của ngành, và sự tin cậy của số liệu thống kê.

Cục Thống kê Hà Nội, trong 2 năm gần đây, bộ phận tin học đã chủ động làm những công việc thấy thực sự cần thiết. Hầu hết thông tin thu thập từ kết quả các cuộc điều tra được tích hợp vào cơ sở dữ liệu: Điều tra doanh nghiệp từ năm 2001-2003; Cơ sở đơn vị hành chính và sự nghiệp; Thông tin nhanh KTXH hàng tháng; Niên giám thống kê Hà Nội và hộ kinh doanh cá thể ... Tuy chưa được cập nhật, bổ sung, nhưng trước mắt tạo điều kiện cho phép người dùng có thể truy nhập thông tin qua mạng LAN, mạng diện rộng. Năm 2005, kết hợp giữa ý tưởng nghiên cứu của vụ PPCĐ Tổng cục Thống kê với thực tế Hà Nội đang làm, Cục Thống kê Hà Nội xây dựng mô hình thử nghiệm cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn thành phố, là cơ sở để từ đó rút kinh nghiệm, đề xuất hướng chuẩn hoá cấu trúc dữ liệu nguồn phục vụ ngành. Mô hình này được thiết kế trên môi trường WEB, cho phép cập nhật, sửa đổi, bổ sung trực tiếp trên WEB, đáp ứng yêu cầu quản lý của ngành và các cấp chính quyền địa phương.

5.2 Mục tiêu ứng dụng

Mục tiêu ứng dụng xây dựng Cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cơ sở kinh doanh cá thể nhằm đạt được những mục đích sau:

- Quản lý số lượng hộ kinh doanh theo các địa bàn hành chính và ngành kinh tế
- Thống nhất về danh mục, số lượng, mã cơ sở hộ kinh doanh giữa các đơn vị quản lý trên các địa bàn của Thành phố
- Nắm được tình trạng chấp hành pháp luật Nhà nước của các hộ kinh doanh về chính sách thuế, thủ tục đăng ký kinh doanh

- Xây dựng hệ thống danh mục chuẩn, là dàn mẫu để thực hiện chọn mẫu điều tra thống kê

5.3 Mô hình cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể

a. Cấu trúc dữ liệu

Cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh phải đạt được yêu cầu, quản lý của nhiều ngành. Như phân trên đã đề cập, tham gia quản lý hộ kinh doanh về mặt nhà nước có một số ngành: Ngành thuế, quản lý thị trường và cơ quan Thống kê... Do đó cấu trúc dữ liệu phải có sự thống nhất và tiếng nói chung của các ngành. Quan điểm khi xây dựng mô hình thử nghiệm cơ sở dữ liệu hộ đăng ký kinh doanh, cấu trúc dữ liệu phải có điểm chung của các ngành. Tuy nhiên không nhất thiết phải đáp ứng mọi yêu cầu quản lý của từng ngành riêng biệt. Mỗi ngành có thể có cơ sở dữ liệu riêng, nhưng phải thống nhất về danh mục và mã hệ, nhằm đảm bảo tính đồng bộ và trao đổi, kết nối dữ liệu giữa các ngành với nhau khi cần thiết.

Cấu trúc bảng số liệu gồm các chỉ tiêu như sau:

Tên trường	Tên mô tả trường
ID	Mã hộ
STT	Số thứ tự
TENCS	Tên cơ sở kinh doanh
HUYEN	Mã quận, huyện
XA	Mã phường, xã
DCHI	Địa chỉ
DTHOAI	Số điện thoại
MATHUE	Mã số thuế
SODKKD	Số đăng ký kinh doanh
TEN_NGANH	Tên ngành nghề kinh doanh
MA_NGANH	Mã ngành kinh tế
LAODONG	Số lao động
VONDKKD	Vốn kinh doanh
DTHUTHUE	Doanh thu tính thuế
DKKD	Tình trạng đăng ký kinh doanh
TTNOPTHUE	Tình trạng nộp thuế

NAMKD	Năm hoạt động SXKD
HI ENTRANG	Tình trạng hiện tại của hộ
NG AYT SOP	Thời gian ngừng SXKD
DC WEB	Địa chỉ Website
MAIL	Địa chỉ hộp thư điện tử
TENCHUKD	Họ tên chủ kinh doanh
GIOITINH	Giới tính
NGAYSINH	Ngày sinh
CMND	Số chứng minh nhân dân
DKHOKHAU	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
NOIOHIENNAY	Nơi ở hiện nay

b. Môi trường ứng dụng

Như trên đã đề cập, Studio.net là bộ ngôn ngữ có khả năng lập trình ứng dụng rất mạnh. Hai phương pháp thường được sử dụng nhiều nhất là:

+ Trình ứng dụng chỉ cần cài đặt trên máy chủ và không cần cài đặt ứng dụng trên máy khách

+ Thực hiện được nhiều chức năng: Cập nhật, tổng hợp, tìm kiếm, sửa đổi thuận tiện. Ưu điểm này thích hợp cho triển khai ứng dụng trên phạm vi rộng: LAN, Intranet, Internet.

Với những khả năng và ưu điểm của từng phương pháp, điều kiện về tổ chức, con người và cơ sở kỹ thuật hạ tầng, chúng tôi lựa chọn kết hợp cả hai phương pháp nói trên phù hợp với từng công đoạn triển khai ứng dụng.

5.4 Tổ chức triển khai ứng dụng

a. Thu thập thông tin

Thực hiện ở cấp phường xã; đây là công đoạn khó khăn nhất của toàn bộ quá trình, nếu tổ chức thực hiện tốt ở cấp này, thì các công việc giai đoạn sau sẽ thuận lợi. Công việc thu thập thông tin; ngay từ đầu đòi hỏi phải có sự tham gia phối hợp của một số cơ quan, ngành: đơn vị cấp thủ tục đăng ký, ngành Thuế, Quản lý thị trường và Thống kê, từng cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin theo chức năng quản lý.

- Quy trình thu thập thông tin như sau:

* *Những hộ mới tham gia kinh doanh:*

+ Những hộ có đăng ký kinh doanh, căn cứ vào danh sách đơn vị cấp duyệt thủ tục đăng ký kinh doanh để thu thập

+ Những hộ kinh doanh tự do không có đăng ký: Dựa vào lực lượng quản lý thị trường qua kiểm tra, theo dõi trên thực tế và lập danh sách.

b. Cập nhật số liệu

Ứng dụng được thiết kế trên hai môi trường Web và application, do đó có hai khả năng thực hiện:

- Những xã, phường có đủ các điều kiện cho phép: Hệ thống máy tính, người sử dụng, đường kết nối Internet có thể cập nhật tại đơn vị xã phường mỗi khi có bổ sung, hoặc thay đổi hộ kinh doanh trên địa bàn phường.

- Xã phường không có đủ điều kiện cập nhật trực tiếp, lập danh sách theo mẫu biến động hộ kinh doanh và gửi lên đơn vị cấp trên để thực hiện cập nhật thông tin vào hệ thống. Dữ liệu tích hợp tại trung tâm máy chủ của Cục Thống kê Hà Nội. Những đối tượng này cần qui định cụ thể thời gian và biểu mẫu báo cáo thống nhất để thực hiện.

c. Khai thác dữ liệu:

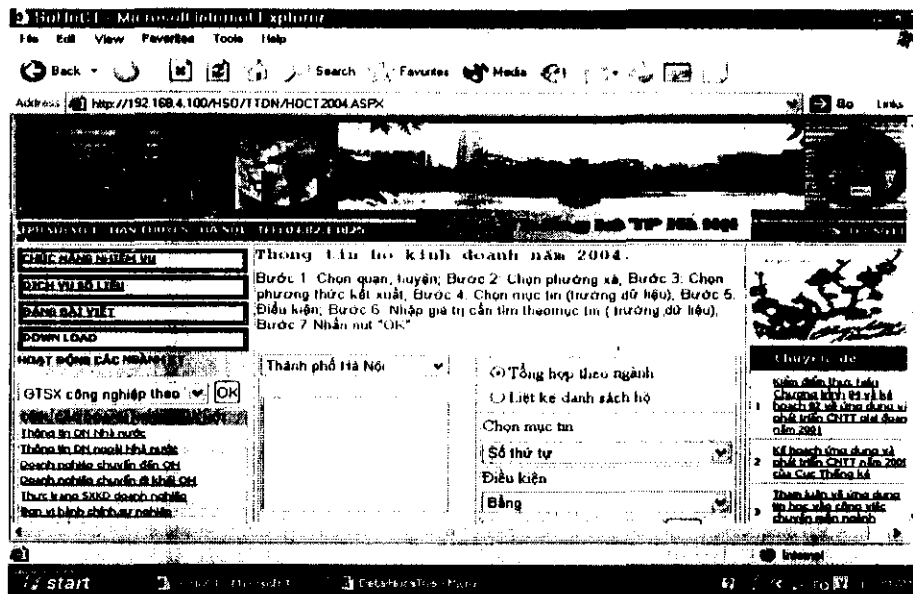
- *Công cụ:* Mô hình ứng dụng thiết kế trên Web, nếu đơn vị đã có đường nối Internet và trình duyệt Web có thể khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi cho phép, phục vụ yêu cầu quản lý cho cả 3 cấp: Thành phố, quận, huyện và phường xã.

- *Khả năng:* Thực hiện tổng hợp, tìm kiếm các mục tin lựa chọn tùy theo các điều kiện đặt ra: Mã cơ sở, mã số thuế, tên cơ sở, địa chỉ kinh doanh, ngành hàng, doanh thu tính thuế, tình trạng ĐKKD

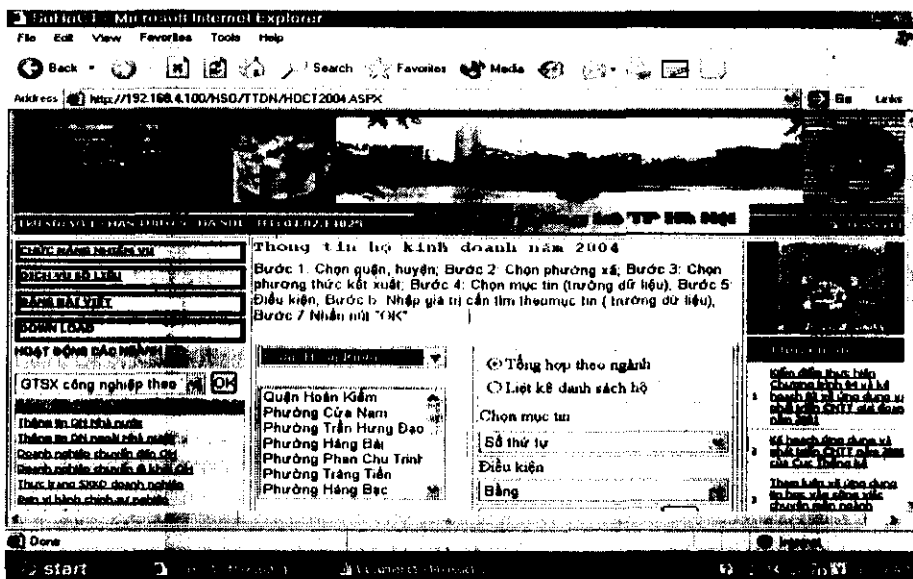
- *Giao diện thuận tiện, dễ sử dụng:* Theo các bước chỉ dẫn và thực hiện thao tác kích chuột là có kết quả ngay (phần khai thác, tham khảo các ví dụ minh họa trong mục những chức năng cơ bản của ứng dụng)

5.5 Giới thiệu chức năng cơ bản của ứng dụng

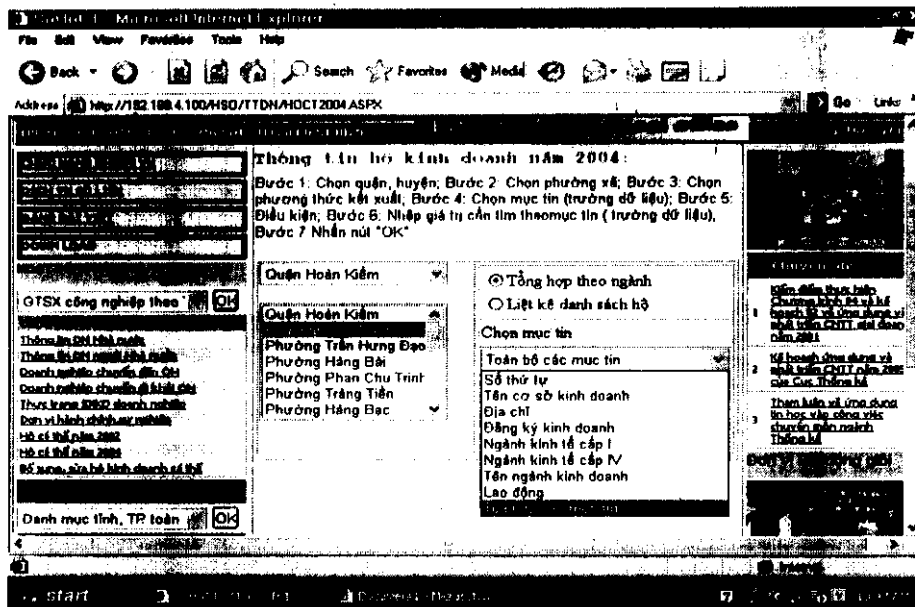
Hình 5.5a: Màn hình chính khi truy cập vào Cơ sở dữ liệu Hộ kinh doanh cá thể:



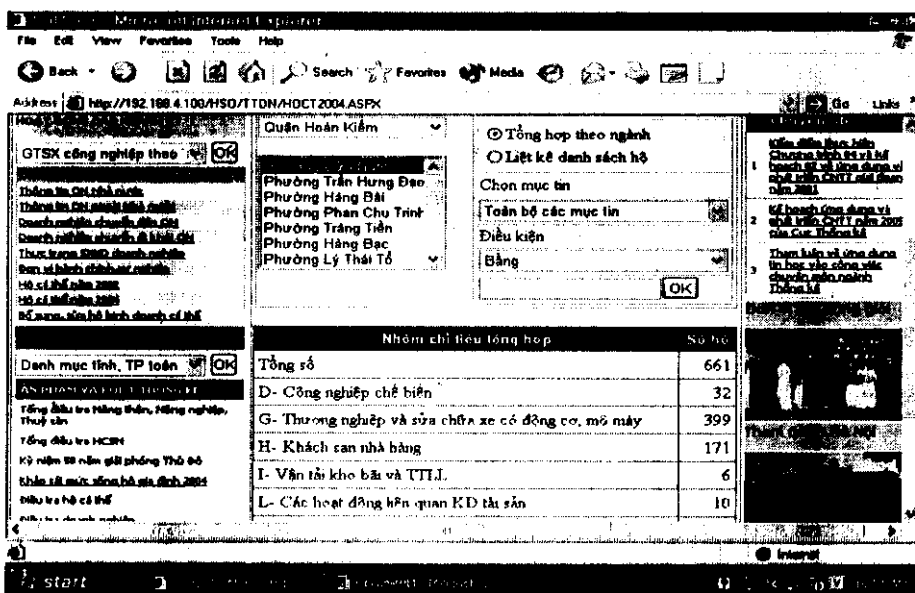
Hình 5.5b: Màn hình khi chọn đơn vị quận huyện, ví dụ quận Hoàn Kiếm thì các đơn vị phường của quận được kích hoạt:



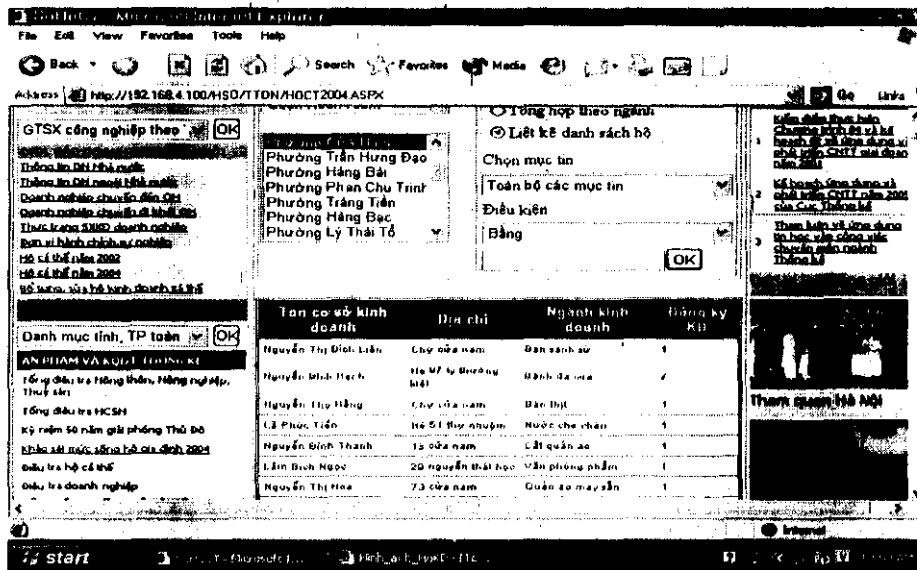
Hình 5.5c: Giả sử muốn xem phường Cửa Nam có bao nhiêu hộ kinh doanh, chọn Mục tìm và nhấp chuột vào Toàn bộ các mục tin



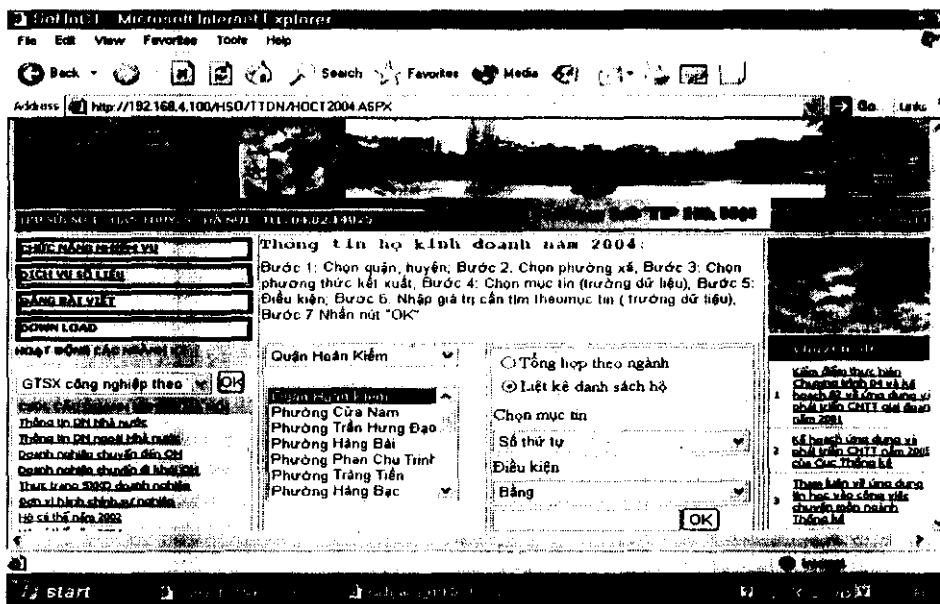
Hình 5.5d: Nếu chọn chức năng *Tổng hợp theo ngành* thì kết quả thu được là biểu tổng hợp hộ kinh doanh chia theo ngành kinh tế. Nhấn nút OK



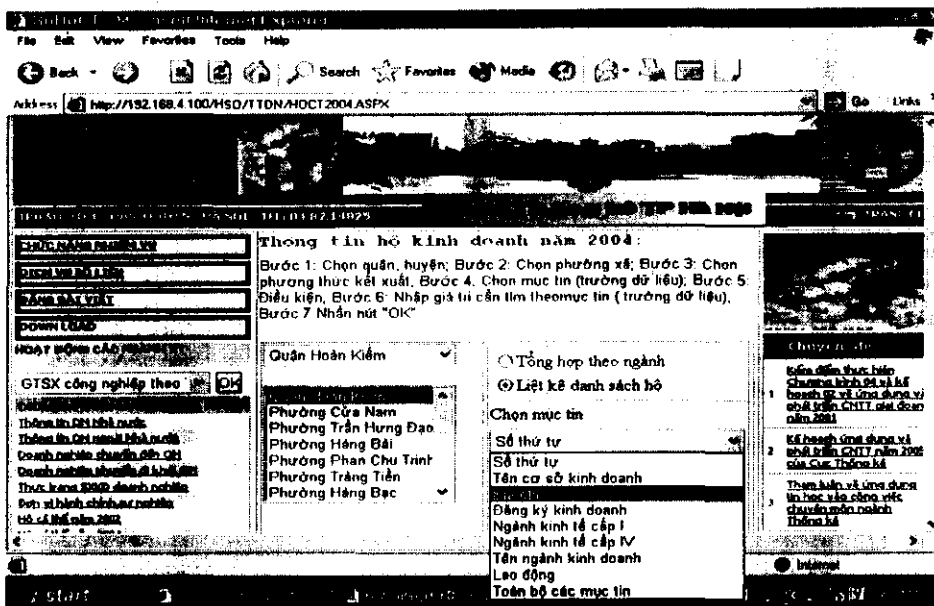
Hình 5.5e: Trường hợp muốn xem toàn bộ danh sách hộ của phường Cửa Nam, chọn *Liệt kê danh sách hộ* và nhấn OK:



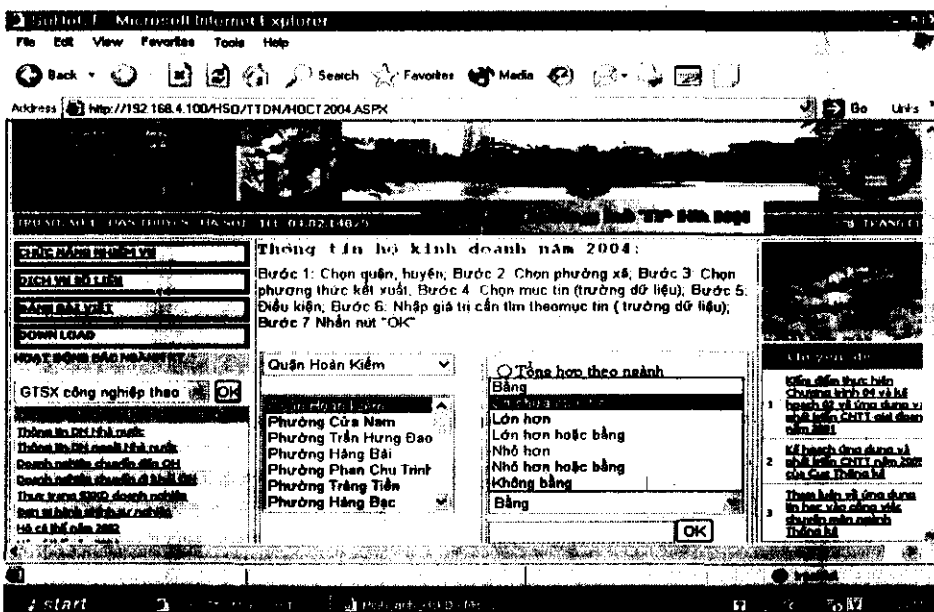
• Trường hợp muốn tìm kiếm hộ theo đường phố thực hiện như sau:
 Hình 5.5f: Chọn quận, huyện có đường phố cần tìm kiếm



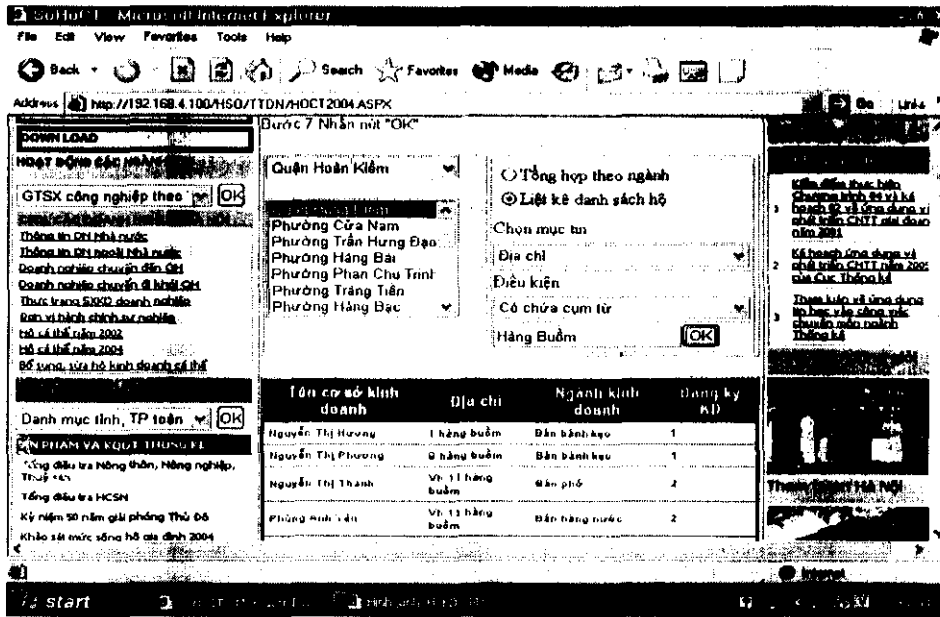
Hình 5.5g: Chọn chức năng *Liệt kê danh sách hộ* và nhấn vào chức năng chọn mục tin và chọn *a chỉ*.



Hình 5.5h: Giả sử muốn liệt kê danh sách hộ phố Hàng Buồm, ở hộp điều kiện, mục Có chứa cụm từ.



Hình 5.5k: Nhập vào ô giá trị cần tìm kiếm cụm từ: Hàng Buồm (không phân biệt chữ hoa, chữ thường), và nhấn OK.

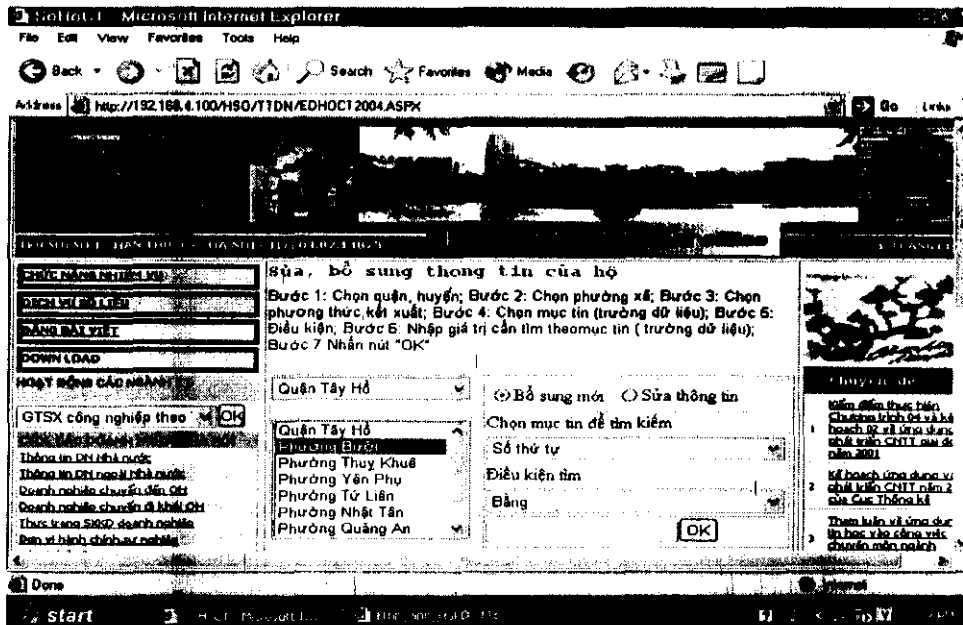


Nếu muốn biết số hộ kinh doanh trên phố Hàng Buồm, chỉ cần chọn *Tổng hợp theo ngành* và nhấn OK.

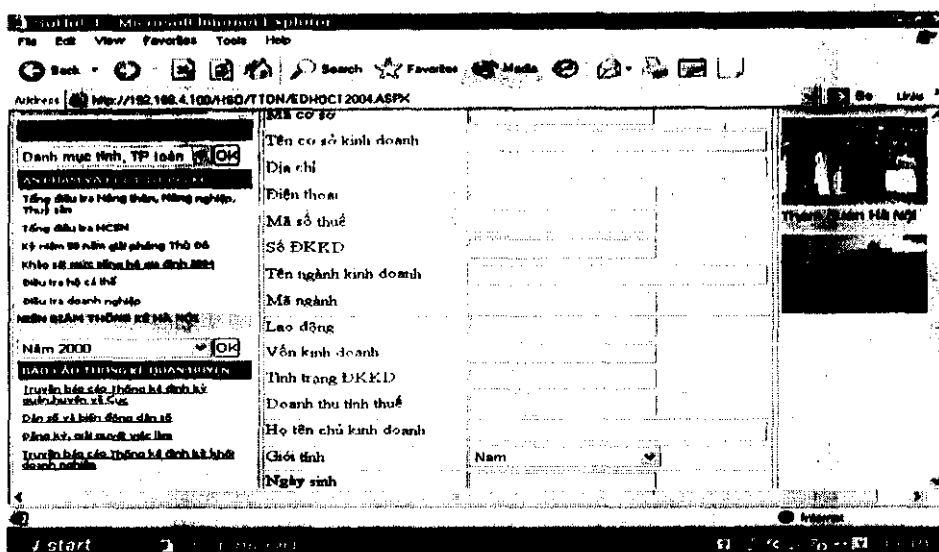
* Chức năng cập nhật thông tin:

- Chọn đơn vị quận, huyện
- Chọn Phường, xã bổ sung hộ kinh doanh
- Chọn chức năng Bổ sung mới và nhấn OK

Hình 5.5i: Chọn đơn vị bổ sung hộ kinh doanh mới



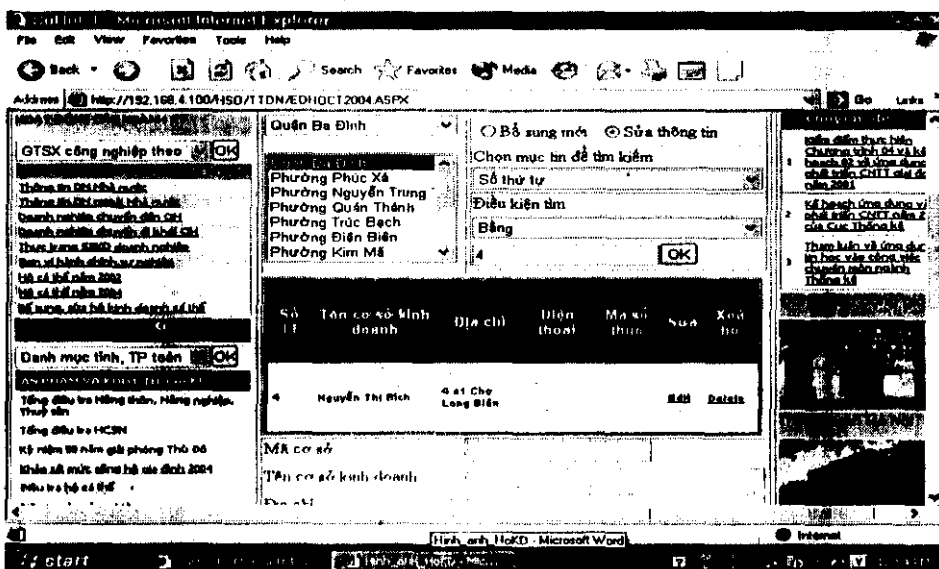
Hình 5.5j: Màn hình nhập sau khi nhấn OK



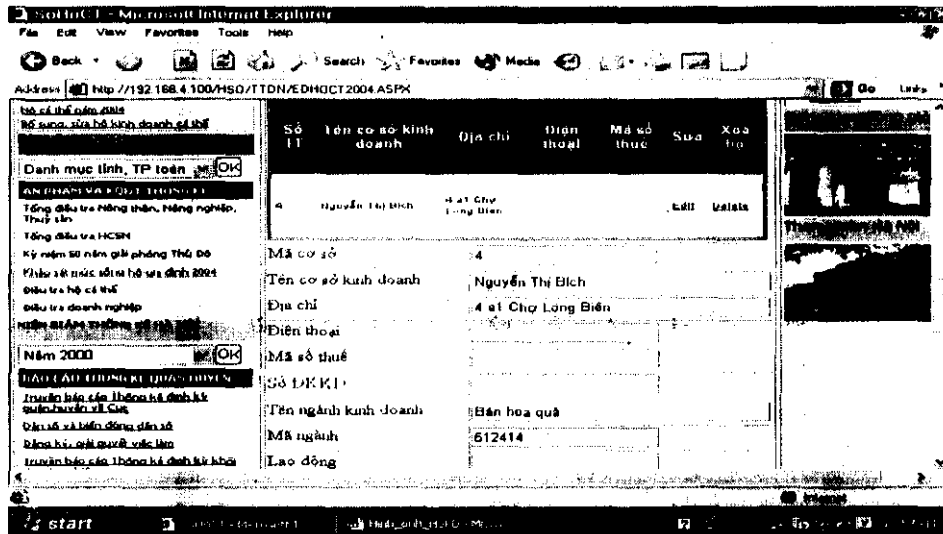
Nhập các giá trị vào các ô tương ứng, cuối cùng nhấn nút Add để lưu vào CSDL.

- Chức năng sửa, xoá thông tin
- Chọn quận, huyện sửa thông tin
- Tìm hộ cần sửa
- Nhấn OK

Hình 5.5s: Giả sử cần sửa hộ có mã số 4 quận Ba Đình: chọn quận Ba Đình, chọn chức năng sửa thông tin, điều kiện Bằng nhấn OK như màn hình sau:



Hình 5.5x: Thực hiện sửa dữ liệu: ở cột Sửa nhấn Edit cho màn hình sau:

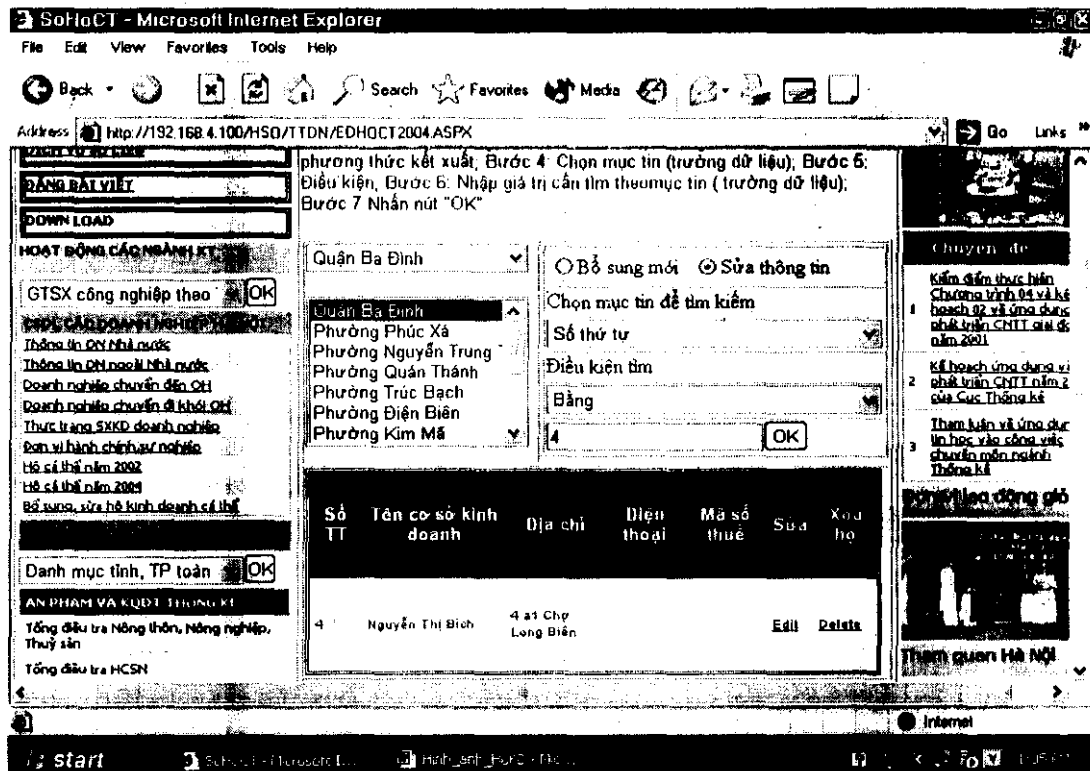


Thực hiện thao tác sửa vào giá trị các ô nhập liệu và nhấn **Add**

- **Xoá dữ liệu:** Các bước thực hiện giống như **Sửa**

Ví dụ để thực hiện xoá hộ mã số 4 như ở phần trên, sau khi tìm được hộ số 4, nhấn **Delete** ở cột xoá hộ:

Hình 5.5z: Thực hiện xoá 1 hộ



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất kinh doanh cá thể là thực sự cần thiết đối với công tác thống kê, trong năm qua việc nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cho các doanh nghiệp trong đó có cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể đã được lãnh đạo Tổng cục quan tâm, thành lập tổ nghiên cứu và được chuyên gia Thụy Điển giúp đỡ, kết hợp với Tổng cục Thuế bước đầu đã có những kết quả tốt. Tuy nhiên việc xây dựng cơ sở dữ liệu, việc cập nhật, việc khai thác, sử dụng với qui mô, mức độ chi tiết và tần suất cập nhật đến mức độ nào cho phù hợp thì vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu và giải quyết.

Kết luận:

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, một số nhận định mang tính kết luận được rút ra dưới đây nhằm làm cơ sở cho việc xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể tại Tổng cục Thống kê.

1. Sự phát triển và biến động lớn qua các năm của khu vực kinh doanh cá thể.

Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và sự khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần theo pháp luật, khu vực kinh tế cá thể phát triển ngày càng nhanh trong những năm gần đây về số lượng cơ sở và đa dạng về ngành nghề kinh doanh. Ngoài sự tăng nhanh về số lượng, việc biến động về địa điểm kinh doanh, ngành nghề, cũng ngày càng đa dạng và phong phú. Do vậy việc xây dựng cơ sở dữ liệu về cập nhật cơ sở kinh doanh cá thể phải đối mặt với những khó khăn và phức tạp trong khâu thu thập và xử lý thông tin theo những khái niệm thống nhất và những chuẩn mực nhất định về phân ngành. Trên thực tế còn chưa có sự thống nhất về khái niệm, phân loại, phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu giữa các ngành có thu thập thông tin về khu vực kinh doanh cá thể. Mặt khác, mặc dù tăng nhanh về số lượng cơ sở kinh doanh cá thể qua các năm, nhưng tỷ trọng đóng góp vào GDP của khu vực này còn ở mức độ khiêm tốn.

2. Những thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể dựa trên nền tảng pháp lý cho phép cần được tận dụng triệt để.

Cho đến nay các cơ quan quản lý nhà nước đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chưa có được cơ sở dữ liệu ban đầu một cách đầy đủ, mang tính hệ thống và được cập nhật thường xuyên. Hiện tại thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, được thu thập qua các yêu cầu báo cáo chỉ phục vụ cho một số mục đích mang tính nhất thời, không có tính kế thừa. Chưa có cơ quan nào quản lý đầy đủ các thông tin cơ bản về đăng ký kinh doanh và hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Đến nay chỉ có Tổng cục Thuế là có cơ sở dữ liệu về

quản lý mã số thuế đối với các đối tượng nộp thuế trong đó có cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Mã số thuế được sử dụng để nhận diện đối tượng nộp thuế. Mỗi một đối tượng nộp thuế chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động. Mã số thuế đã được cấp sẽ không được sử dụng lại để cấp cho đối tượng nộp thuế khác. Các đối tượng nộp thuế phải thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký thuế để được cấp mã số. Đối tượng nộp thuế nào không thực hiện đúng các quy định về kê khai, đăng ký thuế và sử dụng mã số tùy thuộc theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo pháp luật.

3. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh không phải là nguồn vào duy nhất của cơ sở dữ liệu cá thể.

Hệ thống thông tin thuế của cơ quan thuế có nhiều ưu điểm, như thông tin đủ mức độ chi tiết của từng cơ sở; cập nhật thường xuyên; tổ chức dưới dạng cơ sở dữ liệu, và sẵn có tại cơ quan thuế các cấp. Đặc biệt, hiện nay, hàng tháng đã được chuyên sáng Tổng cục Thống kê toàn bộ dữ liệu cơ sở cá thể cùng với các đối tượng nộp thuế khác. Tuy nhiên, phạm vi bao gồm trong dữ liệu thuế mới chỉ được hơn 1/2 số đối tượng cần quản lý. Hơn nữa, dữ liệu về các đối tượng nộp thuế là cá nhân và nhóm người sản xuất có mức độ thay đổi khá lớn. Liệu Cơ quan Thống kê có đủ nguồn lực để cập nhật được sự biến đổi này không? Điều quan trọng là có cần thiết phải cập nhật đối tượng này không, trong khi khối doanh nghiệp, chúng ta cần quan tâm, cập nhật thường xuyên, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thiện và chưa sử dụng được kết quả như mục tiêu mong muốn.

4. Những thông tin về danh mục cơ sở kinh doanh cá thể thu được qua hệ thống thống kê.

Tổng cục Thống kê hiện nay nắm được số lượng hộ cá thể thông qua các cuộc điều tra chuyên ngành như cuộc tổng điều tra cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp 2002; Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản 5 năm tiến hành một lần để nắm toàn bộ hộ kinh doanh cá thể có hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản; điều tra thống kê cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm để thu thập thông tin về số cơ sở, số lao động sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trên phạm vi cả nước phục vụ công tác thống kê cập nhật số lượng cơ sở kinh tế, số lao động xã hội và làm dàn mẫu cho các cuộc điều tra mẫu định kỳ).

Hệ thống thông tin điều tra thống kê về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Hệ thống thông tin này có nhiều ưu điểm là đảm bảo được mức độ chi tiết của thông tin theo từng cơ sở; phạm vi bao hàm được toàn bộ số cơ sở đang hoạt động (khoảng 2,8 triệu). Hệ thống thông tin điều tra thống kê là nguồn số liệu đầy

đủ nhất, qui mô nhất về các cơ sở kinh doanh cá thể. Tuy nhiên, nguồn dữ liệu này chỉ được cập nhật khi tiến hành điều tra toàn bộ.

Đối với các cuộc điều tra toàn bộ, mặc dù theo phương án qui định phải liệt kê được danh mục cơ sở kinh doanh trước thời điểm điều tra, nhưng kết quả thu được sau khi xử lý, tổng hợp do khối lượng xử lý lớn nên không cho phép kiểm tra được tính chính xác của các thông tin thu được. Do vậy việc cập nhật thường xuyên hàng năm cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể là rất khó khăn và quá tốn kém nếu so với giá trị gia tăng mà khu vực này tạo ra hàng năm.

5. Giải pháp kỹ thuật lựa chọn và cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có của Tổng cục Thống kê.

Với những giải pháp kỹ thuật lựa chọn trong việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể thì điều kiện trang thiết bị hiện có của Tổng cục Thống kê hoàn toàn có thể đáp ứng được, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Nguồn thông tin ra từ cơ sở dữ liệu sẽ được thiết kế theo 4 hướng: Thứ nhất, tạo lập dàn mẫu; thứ 2, các chỉ tiêu tổng hợp (theo 4 cấp) được trình bày theo các bảng biểu định sẵn; thứ 3, cung cấp các công cụ cho người sử dụng khai thác trực tiếp từ cơ sở dữ liệu; và thứ 4, người sử dụng dùng các sản phẩm phần mềm khác để khai thác sử dụng nguồn cơ sở dữ liệu này.

- Với điều kiện và môi trường làm việc của các đối tượng dùng tin, đặc biệt là các cán bộ nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê đề tài này sẽ phát triển theo hướng truy xuất vào CSDL cơ sở kinh doanh thông qua giao diện Web vì có môi trường thân thiện dễ sử dụng.

Kiến nghị:

Căn cứ kết quả nghiên cứu của đề tài và những kết luận được rút ra, cùng với việc tiến hành làm thử tại Cục Thống kê Hà Nội, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Nguồn dữ liệu lấy từ CSDL của Tổng cục Thuế về cơ sở kinh doanh cá thể là những thông tin cập nhật mới nhất về sự biến động đã được tập hợp trên cơ sở pháp lý cho phép và đáng tin cậy. Mặc dù về số lượng chỉ chiếm khoảng một phần ba số cơ sở hiện có nhưng đó là nguồn số liệu đáng tin cậy và đã được cơ quan thuế xác lập trên cơ sở thực tế. Những dữ liệu này là thông tin có giá trị cho công tác thống kê từ khâu lập dàn mẫu điều tra đến khâu phân tích tổng hợp. Có nghĩa là ngoài việc dùng để lập dàn mẫu hay cập nhật vào cơ sở dữ liệu danh mục, còn có thể sử dụng chúng như những tài liệu đầu vào cho việc tính toán một số chỉ tiêu thống kê ước tính

2. Nguồn dữ liệu từ CSDL Tổng cục Thuế sau khi lập dàn mẫu điều tra và đã được Tổng cục Thống kê xác thực lại khi có kết quả điều tra thì tại thời điểm điều tra được coi là dữ liệu “đã xác minh” dữ liệu chuẩn và được coi là cơ sở dữ liệu gốc trong cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể.

3. Hàng năm, tùy điều kiện cho phép, sau khi có xác thực từ kết quả điều tra trên cơ sở dữ liệu ban đầu của cơ quan Thuế, Tổng cục cần chốt lại danh mục cơ sở kinh doanh cá thể đã được xác minh vào thời điểm 30 tháng 6 hoặc 31/12 hàng năm. Sau 5 năm, khi tiến hành điều tra toàn bộ hoặc tổng điều tra cơ sở kinh tế sự nghiệp mới tiến hành hòa nhập nguồn dữ liệu tổng điều tra vào cơ sở dữ liệu này. Với cách tiếp cận như vậy nguồn dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể sẽ được cập nhật định kỳ theo chu kỳ: dữ liệu hàng tháng của CSDL Tổng cục Thuế - CSDL Tổng điều tra Kinh tế sự nghiệp 1/10; 5 năm /lần sẽ cho chúng ta một cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc lập danh sách dàn mẫu điều tra.

Phát triển, khai thác ứng dụng công nghệ phải có sự nỗ lực của các cán bộ nghiệp vụ thống kê đồng thời với các chuyên gia phát triển công cụ phần mềm của các Trung tâm tin học Thống kê – Tổng cục Thống kê. Và đặc biệt phải có sự phối hợp, trao đổi thông tin với Trung tâm tin học Thống kê – Tổng cục Thuế và CSDL đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là những đơn vị có CSDL có nguồn thông tin tham chiếu lẫn nhau để so sánh.

Muốn làm tốt việc đó đòi hỏi phải có sự hợp tác, đầu tư, phối hợp trao đổi chuẩn thông tin, cũng như môi trường làm việc thống nhất của 3 đơn vị liên quan đến CSDL này.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Cơ sở dữ liệu thuế của Tổng cục Thuế
2. Đăng ký kinh doanh cơ sở cá thể của Thụy Điển
3. Đăng ký doanh nghiệp của Newzealand
4. Đăng ký doanh nghiệp của Australia
5. Đăng ký doanh nghiệp của Hà Lan
6. Danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và đầu tư
7. Tạp chí Update_Directions (Microsoft)
8. Microsoft SQL Server 2000 Anlalysis Services
9. Visual Studio 2005
10. Netasia Magazine
11. Oracle Magazine
12. Microsoft Readiness Kit
13. MSDN tool kit 2005

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỀ TÀI CẤP TỔNG CỤC

**Đề tài: “NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CẬP NHẬT
CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÁ THỂ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ CÔNG TÁC THỐNG KÊ”**

Đơn vị chủ trì: Vụ Phương pháp chế độ Thống kê

Chủ nhiệm: Đỗ Trọng Khanh

Thư ký : Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, năm 2005

6167-IT

30/10/06

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN MỞ ĐẦU	5
PHẦN THỨ NHẤT	9
I. Khái niệm về cơ sở kinh doanh cá thể.....	9
II. Quản lý cơ sở kinh doanh cá thể.....	11
III. Những bài học kinh nghiệm quốc tế về xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể	12
IV. Phân tích đánh giá số liệu Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế.....	15
V. Triển vọng ứng dụng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể ở Việt Nam.....	15
PHẦN THỨ HAI	17
THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THU THẬP, CẬP NHẬT SỐ LIỆU	17
CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ CỦA NGÀNH THUẾ, NGÀNH THỐNG KÊ VÀ CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	17
I. Tình hình thu thập lưu giữ và cập nhật số liệu cơ sở kinh doanh cá thể ở Trung ương và địa phương của ngành Thuế.....	17
II. Tình hình thu thập lưu giữ và cập nhật số liệu và cơ sở kinh doanh cá thể ở Trung ương và địa phương của ngành Thống kê.....	17
III. Thực hiện đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh	19
IV. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh cơ sở kinh doanh cá thể	20
4.1 Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh các cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan đăng ký kinh doanh.....	20
V. Khai thác dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể	22
VI. Các thông tin hiện có về CSKD cá thể trong cơ sở dữ liệu.....	23
PHẦN THỨ BA.....	26
ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	26
I. Mục đích, đối tượng phạm vi xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể.....	26
1.3 Phương pháp thu thập thông tin.....	26
II. Các giải pháp xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ nguồn dữ liệu của Tổng Cục Thuế và Tổng điều tra cơ sở kinh tế.....	26
III. Giải pháp kỹ thuật.....	30
3.1 Thông tin chung.....	30
3.2 Chức năng nhập thông tin đầu vào.....	30
3.3 Chức năng tổng hợp, phân tích số liệu và in báo cáo	31
3.4 Chức năng kết xuất số liệu ra file (Export).....	31
3.5 Chức năng quản trị hệ thống.....	31
IV. Quy mô hệ thống	31
Phần thứ tư.....	33
ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP	33
I. GIẢI PHÁP LỰA CHỌN PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM CẬP NHẬT CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÁ THỂ.....	33
1.1 Yêu cầu về hệ thống mở, giao diện, khả năng sử dụng dễ dàng.....	33
1.2 Yêu cầu xử lý và phân tích thông tin	33
1.3 Yêu cầu về bảo mật và an toàn hệ thống thông tin.....	33
1.4 Yêu cầu về phần mềm hệ thống.....	34
1.5 Phần cứng.....	34

II. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÁ THỂ.....	34
2.1 Nhận số liệu thuế hàng tháng	34
2.2 Chuyển dữ liệu từ file vào cơ sở dữ liệu	35
2.3 Xử lý số liệu thuế hàng tháng	35
2.4 Thực hiện kiểm tra lỗi logic.....	35
2.5 Chuyển dữ liệu sang cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.....	35
2.6 Xây dựng chương trình tổng hợp, tìm kiếm thông tin	35
2.7 Xây dựng chương trình báo cáo đầu ra, lập danh sách	35
III. ỨNG DỤNG LẬP DANH SÁCH CÁC HỘ KINH DOANH CÁ THỂ.....	36
3.1 Xác định chỉ tiêu và qui trình thực hiện.....	36
3.2 Chương trình tổng hợp số liệu.....	36
3.3 Truy vấn dữ liệu	36
IV. XÂY DỰNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ..	37
4.1 Quản lý thông tin.....	37
4.2 Mô hình kiến trúc ứng dụng và truyền thông.....	37
4.2.1 Sơ đồ mô hình kiến trúc	37
4.2.2 Thiết kế hệ thống	37
4.2.3 Tổ chức và lưu trữ thông tin.....	37
4.2.4 Xử lý và tìm kiếm thông tin	37
4.2.5 An toàn hệ thống và bảo mật thông tin.....	38
4.2.6 Truyền thông.....	38
V. PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THÍ ĐIỂM TẠI CỤC THỐNG KÊ HÀ NỘI.....	38
5.1 Thực trạng cơ sở kinh doanh cá thể Thành phố Hà Nội.....	38
5.2 Mục tiêu ứng dụng.....	38
5.3 Mô hình cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể.....	38
5.4 Tổ chức triển khai ứng dụng	39
5.5 Giới thiệu chức năng cơ bản của ứng dụng.....	39
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	40
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	44

GIẢI THÍCH CHỮ VIẾT TẮT

TÊN VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
ABS	Thống kê Doanh nghiệp Úc
ABN	Mã doanh nghiệp Úc
BDS	Hệ thống dữ liệu Doanh nghiệp (Tổng cục Thống kê)
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSKD	Cơ sở kinh doanh
CNTT	Công nghệ thông tin
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
TCT	Tổng cục Thuế
TCTK	Tổng cục Thống kê
TĐT	Tổng điều tra
UBND	Ủy ban nhân dân
GSONet	Mạng máy tính Tổng cục Thống kê
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XNK	Xuất nhập khẩu
KD	Kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
NSNN	Ngân sách nhà nước
GIS	Hệ thống thông tin địa lý

PHẦN MỞ ĐẦU

Cùng với các doanh nghiệp, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh cá thể tham gia sản xuất kinh doanh đã đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Với số lượng lớn, kinh doanh với qui mô nhỏ nhưng đã thực sự giải quyết công ăn việc làm cho rất nhiều lao động xã hội. Trong khi đó, các cơ quan quản lý nhà nước còn rất thiếu thông tin và thiếu cơ sở pháp lý để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các đối tượng thuộc nhóm này.

Theo Nghị định số 66-HĐBT (nay là Chính phủ) ngày 02 tháng 3 năm 1992, Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể (thay thế Nghị định 66-HĐBT) thì khu vực kinh tế cá thể có hạn chế nhiều mặt. Ví dụ như về chiến lược phát triển, đầu tư, đào tạo và tiếp cận các nguồn lực của xã hội (ngân hàng, cơ sở hạ tầng, thông tin, dịch vụ công...). Trong lĩnh vực thống kê, những thông tin về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể cũng rất nghèo nàn, thiếu tính hệ thống, chồng chéo và không nhất quán. Có thể nói, khu vực sản xuất kinh doanh cá thể, mặc dù là một bộ phận cấu thành khá quan trọng của các cơ sở kinh tế ở nước ta, nhưng bị thua thiệt nhiều mặt so với khu vực doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Mặc dù, có nhiều cơ quan quản lý Nhà nước quản lý nhóm đối tượng này như cơ quan cấp đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Tổng cục Thuế nhưng thông tin thống kê cũng không được đầy đủ.

Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thống kê thực hiện các cuộc điều tra chọn mẫu, tổng điều tra kinh tế, điều tra doanh nghiệp, điều tra tư thương, hộ cá thể, bước đầu đã có được số liệu về thực trạng hoạt động kinh doanh của các đơn vị và cá thể kinh doanh trên các tỉnh, thành phố (64 tỉnh). Nhưng do các nguồn dữ liệu chưa được cập nhật thường xuyên và do các cơ sở dữ liệu tại các đơn vị có liên quan với nhau không đồng bộ và khác thời điểm do vậy thông tin hộ kinh doanh cá thể không được đầy đủ.

Cơ quan Thuế là một trong cơ quan quản lý nguồn thu cho ngân sách Nhà nước mà đối tượng lớn nhất là các hộ gia đình cá nhân sản xuất kinh doanh (cơ sở kinh doanh cá thể) bao gồm hơn 1 triệu năm trăm ngàn số CSKD cá thể (số liệu đăng ký thuế). Cơ sở dữ liệu về các đơn vị kinh doanh đã được Trung tâm tin học Thống kê triển khai bước đầu có được nguồn dữ liệu tin cậy.

Năm 2002, Tổng cục Thống kê bước đầu đã tổ chức lại các cuộc điều tra các cơ sở cá thể hàng năm của các vụ chuyên ngành thành một cuộc điều tra thống kê các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể do Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả chủ trì. Cụ thể, năm 2002 điều tra các cơ sở cá thể được ghép vào Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp vào thời điểm 1/7/2002.

Năm 2003, tiến hành điều tra mẫu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể vào thời điểm 1/10.

Năm 2004, tổ chức điều tra toàn bộ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể vào thời điểm 1/7/2004. Từ chỗ, mỗi Vụ tiến hành điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể theo chuyên ngành (đã có nhiều điểm khác nhau, như thời điểm, chỉ tiêu, phân loại...) đến thống nhất vào một cuộc điều tra nên đã khắc phục được những hạn chế trên. Tuy nhiên, vẫn không giải quyết được vấn đề tồn tại, như không có được danh sách các cơ sở kinh doanh cá thể được cập nhật mới nhất làm dần mẫu cho các cuộc điều tra, không nắm được số cơ sở kinh doanh tăng mới, đóng cửa... Để cập nhật danh sách cơ sở kinh doanh cá thể, Tổng cục Thống kê tiến hành triển khai đề tài nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể do Vụ Phương pháp chế độ Thống kê là Vụ chủ trì thực hiện.

Đề tài được tổ chức nghiên cứu trong 2 năm 2004-2005, nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu cập nhật cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế, cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mục tiêu của đề tài:

- Cung cấp danh sách các cơ sở kinh doanh cá thể được cập nhật hàng tháng với các nhóm thông tin cơ bản, như thông tin định danh, liên hệ, quy mô;
- Lập được một số báo cáo tổng hợp về số lượng cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Theo dõi được sự biến động của cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nâng cao được hiệu quả và chất lượng thông tin thống kê.

Nội dung nghiên cứu:

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu các đối tượng nộp thuế thuộc Tổng cục Thuế, cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở cá thể của Tổng cục Thống kê;
- Nghiên cứu kinh nghiệm thiết kế, xây dựng và vận hành một số cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cá thể của nước ngoài;
- Nghiên cứu, thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu và xác định nội dung thông tin trong cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu và xác định nguồn thông tin cập nhật vào cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu, thiết kế các phần mềm ứng dụng trong cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;

- Thiết kế các dạng triết xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu và đề xuất tổ chức vận hành, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể;
- Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể thuộc Tổng cục Thống kê.

Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp luận, nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể có liên quan của một số nước.
- Tổ chức hội thảo, tư vấn chuyên gia.
- Nghiên cứu, khảo sát cơ sở dữ liệu có liên quan của một số cơ quan.
- Phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu.

Sản phẩm đạt được:

1. Báo cáo nghiên cứu các khái niệm được sử dụng trong cơ sở kinh doanh cá thể, định nghĩa về đơn vị địa bàn, đề xuất ứng dụng vào cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể.
2. Báo cáo nghiên cứu cấu trúc nội dung thông tin thu thập, lưu giữ và cập nhật cơ sở kinh doanh cá thể trong cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế.
3. Báo cáo kinh nghiệm thu thập số liệu về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục thuế và điều tra cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê.
4. Báo cáo kinh nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của một số nước và khả năng sử dụng vào Việt Nam.
5. Xây dựng dữ liệu từ các nguồn cơ sở dữ liệu của Tổng cục thuế và Tổng điều tra cơ sở kinh doanh cá thể năm 2002 của Tổng cục Thống kê.
6. Báo cáo xây dựng phần mềm ứng dụng quản trị cơ sở kinh doanh cá thể.
7. Nghiên cứu xây dựng phần mềm phát triển trên môi trường Web tiến tới xây dựng trang thông tin cơ sở kinh doanh cá thể trên mạng INTRANET của Tổng cục Thống kê.
8. Nghiên cứu phần mềm lập danh sách cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể phục vụ điều tra mẫu cho địa phương.
9. Nghiên cứu nguồn cập nhật cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
10. Ứng dụng thử nghiệm cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể tại Cục Thống kê Hà Nội từ đó đề xuất hướng chuẩn hoá cấu trúc dữ liệu từ các nguồn.

Các thành viên tham gia nghiên cứu:

1. Thạc sỹ Đỗ Trọng Khanh, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Chủ nhiệm đề tài
2. Kỹ Sư Nguyễn Gia Luyện, Phó vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Phó Chủ nhiệm đề tài
3. Cử nhân Trần Tuấn Hưng, chuyên viên chính, Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Phó Chủ nhiệm đề tài
4. Cử nhân Nguyễn Thị Hà, chuyên viên Chính, Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, thư ký đề tài
5. Thạc sĩ Nguyễn Văn Đoàn, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả,
6. Kỹ sư Phạm Việt Hà, Trung tâm tin học Thống kê
7. Kỹ sư Lê Tuấn Giang, Trung tâm tin học - Cục Thống kê Hà Nội
8. Cử nhân Nguyễn Thị Thuận, Phó giám đốc Trung tâm tin học Thống kê - Tổng cục Thuế
9. Cử nhân Nguyễn Huy Minh, chuyên viên Vụ Phương pháp chế độ Thống kê
10. Cử nhân Tạ Minh Hiền, Chuyên viên Vụ Phương pháp chế độ Thống kê
11. Cử nhân Lê Thủy Tiên, Chuyên viên Vụ Phương pháp chế độ Thống kê

Phần thứ nhất

TỔNG QUAN

I. Khái niệm về cơ sở kinh doanh cá thể

+ Đối với Cộng đồng Châu Âu, cơ sở kinh doanh cá thể là một doanh nghiệp, sự kết hợp nhỏ nhất của các đơn vị pháp nhân là một tổ chức kinh tế sản xuất hàng hoá, dịch vụ và thu nhận lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh của mình. Một doanh nghiệp có thể là một đơn vị pháp nhân, một thực thể kinh tế có thể là một người hoặc nhóm các đơn vị pháp nhân.

+ Đối với Việt Nam, cơ sở kinh doanh cá thể được hiểu và thực hiện ở 2 lĩnh vực kinh tế như sau:

1.1 Tổng cục Thống kê

Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là cơ sở kinh tế thuộc sở hữu tư nhân, chưa đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Cơ sở kinh tế nơi diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên có địa điểm xác định và có ít nhất 1 lao động chuyên nghiệp thực hiện hoạt động kinh tế tại địa điểm đó. Như vậy Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Cơ sở sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh: là những cơ sở đã được cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Thường là phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện, quận cấp).

- Cơ sở sản xuất kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh: là những cơ sở được miễn đăng ký kinh doanh theo qui định (Theo Khoản 2, Điều 24, Chương IV, Nghị định 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2004 của Chính phủ qui định Hộ gia đình sản xuất Nông, Lâm, Ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh...).

- Cơ sở SXKD chưa đăng ký kinh doanh là những cơ sở không thuộc đối tượng miễn đăng ký kinh doanh, nhưng chưa có giấy đăng ký kinh doanh.

1.2 Tổng cục Thuế

Một số yếu tố để xác định CSKD cá thể khi cấp mã số thuế:

- CSKD cá thể có thể là hộ gia đình có hoạt động SXKD, có thể chỉ là 1 cá nhân hoặc 1 nhóm cá nhân có hoạt động SXKD.
- Một CSKD cá thể có thể có nhiều địa điểm kinh doanh hoặc kinh doanh nhiều ngành nghề.

- Một CSKD cá thể có thể hoạt động SXKD hoặc ngừng hoạt động SXKD tùy theo nhu cầu của CSKD đó.

Qui định về cấp mã số thuế đối với CSKD cá thể:

Từ năm 1998, cùng với việc triển khai các Luật thuế mới như Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, ngành Thuế đã thực hiện công tác cấp mã số thuế đối với tất cả các đối tượng nộp thuế là các cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm: doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế có hoạt động SXKD, các cá nhân, hộ gia đình có hoạt động SXKD, trừ các đối tượng là cá nhân và hộ gia đình thuộc diện nộp thuế Nhà đất và thuế Nông nghiệp.

Như vậy, tất cả các CSKD cá thể phải thực hiện đăng ký thuế với cơ quan Thuế để được cấp một mã số thuế duy nhất cho chủ cơ sở kinh doanh cá thể đó và mã số thuế này có giá trị trong suốt cuộc đời của cá nhân. Mã số thuế này vừa sử dụng để nộp các loại thuế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, vừa được sử dụng để nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế thu nhập cá nhân sau này và tuân thủ theo qui định:

- Mỗi một CSKD cá thể được cấp 1 mã số thuế duy nhất cho cá nhân là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh đó.
- Nếu CSKD cá thể là hộ gia đình hoặc một nhóm cá nhân cùng tham gia sản xuất kinh doanh thì CSKD đó có thể chọn một cá nhân đại diện là chủ cơ sở kinh doanh để đăng ký cấp mã số thuế. Tuy nhiên, cá nhân này phải được pháp luật thừa nhận có đủ điều kiện chịu trách nhiệm về hành vi dân sự của mình (là người không bị coi như là mất năng lực hành vi dân sự như người đang thụ án, người bị mất trí, người có đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi)...).
- Nếu CSKD có địa điểm kinh doanh tại nhiều nơi thì CSKD được cấp 1 mã số thuế độc lập duy nhất (mã số thuế 10 số), các địa điểm còn lại sẽ được cấp mã số thuế trực thuộc (mã số thuế 13 số).
- Nếu CSKD đó ngừng hoạt động SXKD thì mã số thuế đã cấp cho chủ CSKD sẽ được coi như tạm ngừng hoạt động. Nếu sau một thời gian chủ cơ sở CSKD cá thể đó quay trở lại hoạt động SXKD (kể cả tại một địa điểm khác, ngành nghề kinh doanh khác) thì mã số thuế đã cấp vẫn có giá trị sử dụng...
- Nếu cá nhân là chủ CSKD đó chết, mất tích thì mã số thuế đã cấp cho chủ CSKD đó sẽ không còn giá trị sử dụng.
- Khi CSKD cá thể bắt đầu hoạt động SXKD, trước khi đăng ký thuế, CSKD đó phải hoàn thành các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa bàn quận/huyện nơi CSKD có hoạt động SXKD.

II. Quản lý cơ sở kinh doanh cá thể

2.1 Đối với Tổng cục Thuế

Tổng cục Thuế là một cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý nguồn thu cho ngân sách nhà nước và qua đó thực hiện vai trò quản lý của nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó đối tượng quản lý với số lượng lớn nhất của cơ quan thuế là các hộ gia đình và cá nhân sản xuất kinh doanh (gọi tắt là cơ sở kinh doanh cá thể).

Hiện tại, ngành Thuế đang quản lý hơn 1 triệu năm trăm ngàn số CSKD cá thể (theo số liệu đăng ký thuế). Đây là một trong những nhiệm vụ rất nặng nề của ngành vì số đối tượng quản lý lớn và phức tạp được phân bố dàn trải trên tất cả các địa bàn từ thành phố, thị xã đến các vùng sâu, vùng xa và thường xuyên, liên tục biến động.

Nếu tính hiệu quả hoạt động thì đây là một bài toán tỷ lệ nghịch vì số đối tượng mà ngành Thuế phải quản lý là CSKD cá thể chiếm tỷ lệ rất lớn và chiếm nguồn lực chủ yếu của toàn ngành thuế nhưng số thuế thu được cho ngân sách nhà nước lại chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ. Điều này luôn đặt ngành Thuế trước một bài toán tính hiệu quả để từ đó có những giải pháp đúng đắn trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước.

2.2 Đối với Tổng cục Thống kê

Nhằm cung cấp những thông tin đa dạng, có tính hệ thống và đảm bảo tính nhất quán về khu vực kinh tế cá thể phục vụ công tác thống kê để tính toán các chỉ số kinh tế và mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo của khu vực kinh tế cá thể; đồng thời phục vụ các cơ quan quản lý của nhà nước, các tổ chức quốc tế, khu vực, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các đối tượng sử dụng thông tin khác, cần phải thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể một cách ổn định, nhất quán và thường xuyên, để từ đó đưa ra các kiến nghị cho việc xây dựng hệ thống thông tin trong cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể.

2.3 Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Qui trình đăng ký kinh doanh của cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện như sau: đăng ký kinh doanh của Cơ sở kinh doanh cá thể được tiến hành ở cấp Quận/Huyện, số liệu thu được phải qua báo cáo của Quận/Huyện lên Sở kế hoạch và Đầu tư, từ đó Sở kế hoạch và Đầu tư báo cáo lên Bộ. Để có số liệu Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, cần phải kết hợp với Chi cục thuế, phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện để nắm lại danh sách các cơ sở kinh doanh cá thể ở

các Chi cục thuế đang quản lý và thu thuế. Do vậy số liệu về cơ sở kinh doanh cá thể phụ thuộc vào hệ thống báo cáo từ cơ sở.

Khu vực sản xuất kinh doanh cá thể được hình thành ở nước ta từ rất lâu và nó là bộ phận rất quan trọng trong nền kinh tế tiểu nông, tiểu chủ trước đây. Trong nền kinh tế kế hoạch tập trung, khu vực kinh tế cá thể vẫn là một bộ phận trong kế hoạch phát triển nền kinh tế nói chung. Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước vẫn khẳng định khu vực sản xuất kinh doanh cá thể là một trong 6 thành phần kinh tế ở nước ta. Như vậy về quá khứ lịch sử cũng như hiện tại, khu vực sản xuất kinh tế cá thể vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc gia. Chúng ta hãy xem xét các khía cạnh dưới đây để một lần nữa khẳng định vai trò, tầm quan trọng của khu vực này.

III. Những bài học kinh nghiệm quốc tế về xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể

3.1 Đăng ký doanh nghiệp của Australia

a. Quan hệ với cơ quan Thuế

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 1936 qui định Tổng cục Thuế cung cấp cho Tổng cục Thống kê những thông tin cụ thể về những nhà kinh doanh để sử dụng cho mục đích của Luật Thống kê và tổng điều tra năm 1905;
- Luật Thuế năm 1953 cho phép cơ quan thuế cung cấp cho cơ thống kê bất kỳ những thông tin được thu thập theo luật thuế gián thu.

b. Cơ cấu tổ chức của đơn vị đăng ký kinh doanh

Nước Úc được chia thành 6 vùng, 2 Bang, dưới cấp Vùng/Bang là cấp thành phố, như vậy về mặt chính quyền có 3 cấp (cấp liên bang, cấp vùng, cấp thành phố). Nhưng đối với ngành Thống kê, chỉ tổ chức theo 2 cấp: cấp quốc gia, cấp vùng (không có thống kê cấp thành phố). Thống kê vùng trực thuộc cơ quan Thống kê trung ương Úc, ngoài chức năng thống kê theo vùng, một số nghiệp vụ thực hiện theo chức năng thống kê quốc gia.

c. Nguồn số liệu cập nhật

Trong cấu trúc đăng ký doanh nghiệp (gồm các cơ sở kinh doanh cá thể) sử dụng 3 loại đơn vị: Nhóm doanh nghiệp (Enterprise Group-EG); Doanh nghiệp (Enterprise-EN); đơn vị ngành hoạt động (Type of activity Unit- TAU). Dữ liệu trong CSDL doanh nghiệp quan hệ với dữ liệu trong CSDL thuế bằng hệ thống mã ABN (ABN tương tự như Tax code).

d. Sản phẩm của đơn vị đăng ký doanh nghiệp

Đơn vị đăng ký cập nhật cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin những sản phẩm chủ yếu sau:

- Dàn mẫu đã được cập nhật mới nhất cho các cuộc điều tra thống kê;
- Theo dõi, cập nhật được sự biến động của cơ sở kinh doanh (sinh, chết, thay đổi);
- Cung cấp sự phân cơ sở kinh doanh theo địa bàn địa lý (by geography), theo ngành kinh tế (by activity), theo loại hình pháp nhân (by legal form), theo loại hình sở hữu (by ownership)...;
- Hệ thống các tài liệu về các bảng phân loại, các khái niệm, định nghĩa và mô tả thống kê (CC-DB).
- Lưu trữ lịch sử của các cuộc điều tra thống kê (sử dụng dàn mẫu từ đăng ký doanh nghiệp).

e. Dàn mẫu cho điều tra thống kê

Như trên đã đề cập, cung cấp dàn mẫu đã được cập nhật mới nhất cho các cuộc điều tra thống kê là một sản phẩm đầu ra của đơn vị đăng ký doanh nghiệp. Từ cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, rút ra được danh sách doanh nghiệp (BR). Từ danh sách doanh nghiệp đó thiết kế được dàn chung (CF); dàn mẫu chung này bao gồm tất cả các ngành hoạt động.

g. Công nghệ thông tin dùng cho xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật cơ sở kinh doanh

Cơ quan Thống kê Úc được trang bị kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin khá hiện đại cho việc cập nhật danh mục cơ sở kinh doanh. Tất cả các máy tính cá nhân đều được làm việc trên hệ thống mạng. Việc cập nhật danh mục cơ sở kinh doanh được thực hiện đồng thời ở TP Melbourne và ở một số khu vực khác cũng đều được thể hiện trong cùng một cơ sở dữ liệu thống nhất. Do đó, cơ quan đăng ký kinh doanh của Thống kê Úc được đặt chủ yếu ở TP Melbourne, ngoài ra, còn có bộ phận cập nhật đặt ở NewSouth Wales (cập nhật những DN lớn) và Tasmania (cập nhật DN nông nghiệp). Các đối tượng sử dụng (được quyền truy cập) ở Canberra có thể truy cập một cách dễ dàng CSDL doanh nghiệp được đặt ở TP Melbourne.

3. 2 Đăng ký doanh nghiệp của Newzealand

a. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của cơ quan Thống kê Newzealand cũng gần giống với Úc. Cơ quan đầu não thống kê đóng ở Thủ đô Wellington, dưới nó là thống kê

cấp vùng. Thống kê cấp vùng, ngoài chức năng theo vùng, một số nghiệp vụ còn thực hiện theo chức năng thống kê quốc gia. Cơ quan đăng ký kinh doanh được đặt duy nhất ở Thống kê vùng, nhưng thực hiện theo phạm vi quốc gia.

b. Nguồn dữ liệu và cập nhật CSDL

Nguồn dữ liệu chủ yếu từ Tổng cục Thuế, ngoài ra còn có các nguồn số liệu khác như điều tra cập nhật, phản hồi từ các cuộc điều tra chuyên ngành, các phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp xuống doanh nghiệp để nắm tình hình....

Đối với nguồn số liệu từ Tổng cục Thuế: Cứ vào ngày chủ nhật, tuần thứ 3 hàng tháng, nhóm làm việc với thuế (2 người) có nhiệm vụ nhận dữ liệu (bằng băng từ) từ Tổng cục Thuế tài sản và CSDL doanh nghiệp với khoảng 800000 cơ sở kinh doanh (tại thời điểm nghiên cứu). Sau đó so sánh với CSDL của tháng trước để tìm những thông tin thay đổi (sinh, chết, chuyển đổi....)

c. Các bảng phân loại sử dụng trong CSDL

Ngoài những bảng phân loại, như ngành hoạt động, khu vực thể chế, loại hình doanh nghiệp ... CSDL doanh nghiệp của Newzealand còn sử dụng bảng phân loại khu vực địa lý được gọi là mesh block code. Mesh block code là mã địa bàn điều tra; mỗi mesh block có khoảng 100 người dân sinh sống tại đó. Với bảng phân loại này, CSDL doanh nghiệp thực sự như là hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System – GIS).

3. 3 Đăng ký kinh doanh ở Hà Lan

Phòng đăng ký kinh doanh trung ương Hà Lan là một bộ phận của Vụ Điều phối Thống kê Kinh tế. Nó là một trong những công cụ mạnh nhất để thực hiện sự dính kết các hoạt động thống kê kinh tế. Hàng năm có khoảng 1,2 triệu phiếu điều tra được gửi đi cho khoảng 200 cuộc điều tra từ phòng này.

Khi một Vụ Thống kê chuyên ngành nào đó muốn tổ chức một cuộc điều tra kinh tế, họ sẽ tham khảo Vụ điều phối và xác định rõ tổng thể mong muốn cho cuộc điều tra của mình. Vụ Điều phối kiểm tra xem liệu các yêu cầu đó có đáp ứng được những chỉ dẫn điều phối liên quan tới đơn vị thống kê, các bảng danh mục, các khái niệm định nghĩa hay không với mục đích đảm bảo kết quả thống kê thu thập có thể so sánh được.

Tiếp theo Vụ Điều phối Thống kê Kinh tế sẽ tiến hành thiết kế mẫu cho cuộc điều tra. Sau đó mẫu sẽ được rút ra từ cơ sở đăng ký kinh doanh của Vụ Điều phối với nội dung danh sách các đơn vị thống kê.

Một ứng dụng rất đặc biệt và trực tiếp của đăng ký kinh doanh Trung ương là sử dụng các thông tin của nó cho các thống kê như thống kê nhân khẩu

học kinh tế ở dạng đơn giản nhất, những thống kê này có đặc điểm về phân bố tần suất của tổng thể toàn bộ doanh nghiệp được chia ra tùy theo các đặc tính như mã phân ngành kinh tế, quy mô và khu vực.

IV. Phân tích đánh giá số liệu Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế

Với mục đích thu thập khác nhau: Đối với Tổng cục Thuế là đối tượng nộp thuế, còn với Tổng cục Thống kê là tất cả các cơ sở có hoạt động được pháp luật thừa nhận và có tính khả thi trong việc thực hiện thu thập số liệu, do vậy việc sử dụng số liệu của nhau phải biết tận dụng những điểm chung và đồng thời cũng phải biết những điểm khác biệt, cụ thể như sau:

- Do mục đích là quản lý và thu thuế nên tất cả các hoạt động có phát sinh thuế theo luật đều được quản lý và thu thuế, Do vậy về cơ bản điều này phù hợp với việc quan sát và phân tích thống kê trên giác độ là các đơn vị cơ sở hoạt động, tuy nhiên về tính thực tế và khả thi trong việc thu thập, phản ánh số liệu chính xác thì cần phải xem xét vì 2 vấn đề sau:

+ Đơn vị hạch toán là cấp doanh nghiệp hoặc cao hơn, do vậy nhiều khi số liệu của các cơ sở chưa đảm bảo độ chính xác.

+ Về bản chất, các đơn vị kinh doanh có xu hướng không muốn nộp thuế hoặc nộp càng ít càng tốt, do vậy số liệu không phản ánh chính xác.

- Do yêu cầu quản lý và thu thuế nên xét trên giác độ hoạt động theo địa bàn số liệu thuế không phản ánh chính xác hoạt động trên địa bàn đó (thu hộ thuế...)

- Đối với Thống kê không những chỉ phản ánh các đơn vị hoạt động mà có thu thuế, mà còn phản ánh các đơn vị bắt đầu đăng ký kinh doanh, mà chưa đăng ký thuế, và ngay cả các trường hợp đã hoạt động mà trốn thuế, và cả các trường hợp mà có khi theo số liệu thuế là còn nhưng đã ngừng hoạt động (là trường hợp còn nợ thuế), chuyển đi nơi khác...

- Do đối tượng khác nhau nên khi sử dụng số liệu cần có sự nghiên cứu để chuyển đổi thống nhất với mục đích sử dụng

V. Triển vọng ứng dụng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể ở Việt Nam

Với nền tảng là cơ sở dữ liệu doanh nghiệp đã được xây dựng và ứng dụng bước đầu có hiệu quả tại cơ quan thống kê Việt Nam, việc xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật cơ sở kinh doanh cá thể là hoàn toàn có cơ sở và sẽ làm tăng thêm hiệu quả cho hoạt động điều tra thống kê kinh tế của cơ quan thống kê.

Thuận lợi đầu tiên là các kinh nghiệm đã thu thập được cả từ phía các nước bạn và cả từ thực tiễn khi xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp. Những kinh nghiệm này cho phép các nhà xây dựng cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể có được một sản phẩm hoàn thiện hơn cả về mặt ứng dụng lẫn mặt kỹ thuật.

Thuận lợi thứ hai là sự cộng tác chặt chẽ giữa cơ quan thuế và cơ quan thống kê về mặt cung cấp dữ liệu đảm bảo sự cập nhật liên tục thông tin với chu kỳ hàng tháng đối với cơ quan thống kê. Tất nhiên mối quan hệ này cũng phải tuân thủ một nguyên tắc chặt chẽ và nghiêm ngặt về tính bí mật, nghĩa là cơ quan thống kê không được cung cấp bất kỳ một thông tin cá nhân của cơ sở kinh doanh cá thể nào trong cơ sở dữ liệu cho bất kỳ ai.

Thuận lợi thứ 3 là bên cạnh cơ quan thuế - cơ quan nắm giữ gần như đầy đủ thông tin về các đối tượng nộp thuế còn có cơ quan cấp giấy đăng ký kinh doanh cho mọi đối tượng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) sẵn sàng cung cấp cho cơ quan thống kê thông tin về đăng ký kinh doanh. Từ nguồn thông tin này cơ quan thống kê có thể nắm bắt được số lượng đối tượng kinh doanh mới trong thời gian nhất định (cụ thể là hàng tháng).

Thuận lợi nữa là nguồn thông tin từ chính các cuộc điều tra kinh tế do cơ quan thống kê tiến hành. Ngoài các cuộc Tổng điều tra cơ sở kinh tế tiến hành 5 năm một lần, cơ quan Thống kê còn có các cuộc điều tra mẫu hàng năm về hộ kinh doanh cá thể.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THU THẬP, CẬP NHẬT SỐ LIỆU CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ CỦA NGÀNH THUẾ, NGÀNH THỐNG KÊ VÀ CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

I. Tình hình thu thập lưu giữ và cập nhật số liệu cơ sở kinh doanh cá thể ở Trung ương và địa phương của ngành Thuế

1.1 Đối tượng

Đối với ngành thuế, việc thu thập số liệu doanh nghiệp và cơ sở kinh tế cá thể được áp dụng đối với các đơn vị có đăng ký nộp thuế. Các đối tượng này được gọi chung là đối tượng nộp thuế. Đối tượng này bao gồm 2 loại: Loại có mã số thuế 10 số và loại mã số thuế 13 số,

1.2 Tình hình thu thập, lưu giữ và cập nhật thông tin ngành Thuế

Loại thông tin thu thập đối với ngành thuế bao gồm:

- + Các thông tin định danh về CSKD cá thể
- + Các thông tin liên quan đến công tác xác định tính các loại thuế phải nộp của CSKD cá thể
- + Các thông tin quản lý khác

Đánh giá công tác thu thập thông tin của ngành Thuế:

Việc thu thập thông tin quản lý về các CSKD cá thể trong ngành Thuế được tổ chức thành mạng lưới rất rộng thông qua công tác quản lý thuế của ngành và được cập nhật thường xuyên liên tục. Hiện tại, ngành thuế có khoảng 650 chi cục thuế với gần 3.000 tổ, đội thuế trực tiếp quản lý các CSKD cá thể và một số cơ quan chính quyền phường xã tham gia quản lý với số lượng hơn 1,5 triệu CSKD cá thể. Do số đầu mối thu thập thông tin rất lớn đòi hỏi công tác chỉ đạo triển khai phải được thống nhất và có sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ.

II. Tình hình thu thập lưu giữ và cập nhật số liệu và cơ sở kinh doanh cá thể ở Trung ương và địa phương của ngành Thống kê

Ngành Thống kê thu thập thông tin về cơ sở doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện bằng các hình thức: báo cáo và điều tra thống kê, về đối tượng thực hiện được chia thành 2 loại: thực hiện chế độ báo cáo và điều tra; cụ thể như sau:

Việc lưu giữ thông tin về doanh nghiệp được thực hiện bằng máy tính và các phương tiện hiện đại khác, các thông tin này được cập nhật hàng tháng, quý, năm thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo và điều tra chuyên môn. Hiện nay Tổng cục Thống kê đang xây dựng CSDL Doanh nghiệp, nhằm lưu giữ và trên cơ sở cập nhật sẽ làm dần mẫu tốt cho các cuộc điều tra (điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu). Thông tin lưu giữ tại CSDL được kết hợp giữa 2 nguồn: Nguồn số liệu từ Tổng cục Thuế và nguồn số liệu thu được qua chế độ báo cáo và các cuộc điều tra thống kê.

Việc thu thập thông tin về các cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện chủ yếu qua điều tra thống kê và kết hợp với việc lấy thông tin từ ngành thuế. Đối với mỗi cuộc điều tra, thông thường Tổng cục Thống kê đều yêu cầu các Cục Thống kê cập nhật danh sách các đơn vị điều tra vào thời điểm gần nhất để điều tra và dùng làm dần mẫu để lựa chọn mẫu điều tra thống kê.

Đối tượng cơ sở kinh doanh cá thể bao gồm:

- Các cá nhân sản xuất kinh doanh
- Các hộ sản xuất kinh doanh
- Nhóm người sản xuất kinh doanh

Đặc điểm cơ bản về các cơ sở trên là bao gồm cả có đăng ký và không đăng ký kinh doanh (mã số thuế và đang hoạt động).

Các thông tin cơ sở kinh doanh cá thể được lưu giữ trong CSDL Tổng điều tra cơ sở kinh tế gồm:

- Tên cơ sở;
- Mã số thuế
- Địa chỉ ;
- Thông tin về chủ sở hữu;
- Năm bắt đầu hoạt động;
- Đăng ký kinh doanh;
- Tình trạng nộp thuế, lệ phí ;
- Ngành nghề kinh doanh chính;
- Doanh thu;
- Số tháng dự kiến sản xuất kinh doanh trong năm;
- Lao động;

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin.

Tổng cục Thống kê có cơ sở dữ liệu quản lý các thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: các thông tin được lưu trữ trong CSDL chung về kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp và cơ sở kinh tế cá thể.

III. Thực hiện đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh

Các cơ sở kinh doanh cá thể tiến hành đăng ký kinh doanh thực hiện theo Luật doanh nghiệp (Khoản 02 Điều 114: Quản lý của nhà nước đối với công tác đăng ký kinh doanh; khoản 02, Điều 115, 116: Quy định quyền hạn và trách nhiệm của Cơ quan đăng ký kinh doanh);

+ Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 của Chính phủ về Đăng ký kinh doanh;.

+ Thông tư liên tịch số 07/2001/TT-BKH và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành nghề kinh doanh sử dụng trong Đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 03/2004/TT- BKH ngày 29/6/2004 về việc Hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh đối với hộ cá thể.

- Cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình khi nộp đơn đăng ký kinh doanh phải xuất trình bản chính hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đứng tên đăng ký kinh doanh.

Trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề, thì kèm theo đơn phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình.

- Khi tiếp nhận đơn đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải ghi Giấy biên nhận theo mẫu MTB-20 và trao cho người nộp đơn.

- Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận đơn, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể theo mẫu MG-6, nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP.

+ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể theo quy định như sau:

- Mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 2 ký tự
- Mã quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1 ký tự
- Mã loại hình: 1 ký tự, 8= hộ kinh doanh cá thể
- Số thứ tự hộ kinh doanh cá thể : 6 ký tự, từ 000001 đến 999999.

IV. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh cơ sở kinh doanh cá thể

Qua khảo sát cho thấy, hiện nay có 3 hệ thống thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. đó là:

1. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh;
2. Hệ thống thông tin thuế;
3. Hệ thống thông tin thống kê.

4.1 Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh các cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan đăng ký kinh doanh

Các cơ sở kinh doanh cá thể, trước khi tham gia vào thị trường phải tiến hành đăng ký kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền của nhà nước. Trước đây, Nghị định số 66-HĐBT (nay là Chính phủ) ngày 02 tháng 3 năm 1992 về đăng ký kinh doanh đối với cá nhân, nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định qui định trong Nghị định số 221-HĐBT ngày 23/7/1991.

4.2 Hệ thống thông tin thuế về cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan Thuế

Hiện nay Tổng cục Thuế đang quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu các đối tượng nộp thuế, trong đó có các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có nộp thuế. Theo khảo sát, trong cơ sở dữ liệu quản lý các đối tượng nộp thuế có khoảng 1,7 triệu cơ sở loại này. Tìm hiểu sâu thêm về hệ thống thông tin thuế, cho thấy những điểm sau:

- Đăng ký mã số thuế: Những văn bản pháp lý liên quan đến thông tin thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là: Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1998 của Thủ tướng chính phủ qui định về mã số đối tượng nộp thuế. Theo đó, *đối tượng được cấp mã số thuế* là tất cả tổ chức, cá nhân thuộc diện phải kê khai đăng ký thuế, kê khai các khoản về thuế, phí, lệ phí theo qui định trong Luật thuế, phí, lệ phí Việt nam, trừ các đối tượng chỉ phải nộp thuế thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp và cá nhân nộp phí, lệ phí. *Nơi đăng ký thuế* để được cấp mã số thuế là Chi cục thuế tiếp nhận hồ

sơ đăng ký thuế của cá nhân, hộ, nhóm cá nhân kinh doanh. **Thời hạn đăng ký thuế**, tất cả các đối tượng khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ phải đăng ký thuế để được cấp mã số thuế chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4.3 Hệ thống thông tin thống kê về cơ sở kinh doanh cá thể của cơ quan Thống kê

Trước năm 2002, thông tin thống kê về cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện theo từng chuyên ngành. Mỗi chuyên ngành tổ chức thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin này rất khác nhau. Chẳng hạn, các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể lĩnh vực công nghiệp, thực hiện theo QĐ số 146; các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể lĩnh vực xây dựng vận tải thực hiện theo QĐ số 44; các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể lĩnh vực thương mại, dịch vụ thực hiện theo QĐ số 219; Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thuộc lĩnh vực khác (kinh doanh tài sản, tư vấn, trung gian tài chính...) không có đơn vị nào tổ chức và thu thập thông tin. Do cách tổ chức thông tin như trên, nên không có được hệ thống thông tin của toàn bộ khu vực này ở cấp tỉnh, thành phố cũng như ở cấp tổng hợp, không có những thông tin chi tiết của từng cơ sở sản xuất kinh doanh.

Năm 2003, khu vực kinh doanh cá thể đã được thực hiện thống nhất theo một hệ thống thông tin do 1 đơn vị chủ trì. Với việc đổi mới tổ chức thu thập thông tin của khu vực kinh tế cá thể như năm 2003 đã khắc phục được sự khác nhau (khái niệm, định nghĩa, thời điểm, chỉ tiêu, phương pháp...) như trước đây. Hiện nay, tại cấp Cục Thống kê, cấp Tổng cục có sẵn thông tin về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể nhưng cũng chỉ là những thông tin tổng hợp (do tiến hành điều tra mẫu).

Năm 2004, hệ thống thông tin thống kê về khu vực sản xuất kinh doanh cá thể Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ & Giá cả đã tổ chức hệ thống thống kê của khu vực này như sau:

Điều tra toàn bộ số lượng cơ sở kinh doanh cá thể vào thời điểm 1/10/2004 theo phương án 625. Nội dung chủ yếu của phương án này; Một là, chuẩn hoá khái niệm, định nghĩa, phạm vi, đặc biệt đã đưa ra các trường hợp đặc biệt để nhận dạng cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Hai là, kê khai toàn bộ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn các xã phường theo những thông tin rất cơ bản; Ba là, nhập toàn bộ thông tin đó vào máy tính theo chương trình thống nhất trên phạm vi toàn quốc; Bốn là, truyền toàn bộ những thông tin cơ bản của từng cơ sở lên Tổng cục Thống kê. Tất cả những nội dung này đã, đang thực hiện theo đúng kế hoạch đặt ra. Thời hạn cuối

cùng, toàn bộ dữ liệu điều tra sẽ được truyền về Tổng cục trước ngày 15/1/2005.

V. Khai thác dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể

5.1 Dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của ngành Thuế

Ngành Thuế hiện tại có 64 Cục Thuế và 659 Chi cục Thuế trực tiếp tham gia quản lý thu thuế với tổng số cán bộ nhân viên toàn ngành từ Trung ương đến địa phương là gần 40.000 người. Với chức năng nhiệm vụ được phân công quản lý thu thuế tất cả các khoản thu nội địa, tổng số thu do ngành Thuế quản lý và đóng góp hàng năm cho NSNN chiếm tỷ trọng từ 21 đến 22% tổng sản phẩm quốc nội. Đối tượng quản lý của ngành Thuế hiện khoảng 1,6 triệu cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế là 100.000; số đối tượng còn lại là các CSKD cá thể có hoạt động SXKD khoảng 1,5 triệu đối tượng; 400.000 cá nhân nộp thuế thu nhập cao; 12 triệu hộ gia đình thuộc diện nộp thuế nhà đất; 10 triệu hộ gia đình thuộc diện nộp thuế nông nghiệp và còn rất nhiều các đối tượng thuộc diện chịu các loại thuế khác như Phí, lệ phí, chuyển quyền sử dụng đất....

5.2 Khai thác dữ liệu về cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê

Hiện nay việc quản lý và khai thác CSDL cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê từ các nguồn CSDL của Tổng cục Thuế và nguồn dữ liệu từ các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê. Nguồn dữ liệu hiện nay chủ yếu vẫn là nguồn từ Tổng cục Thuế, tất cả các hộ kinh doanh cá thể khi đăng ký kinh doanh từ cơ quan cấp đăng ký kinh doanh đều chuyển sang cơ quan Thuế để đăng ký cấp mã số thuế. Do đó nguồn dữ liệu chủ yếu nhận thấy cơ quan Thuế là tương đối đầy đủ. Mặt khác đối với hệ thống đăng ký mã số thuế của cơ quan Thuế được xây dựng một cách có hệ thống từ cấp Quận huyện lên cấp Tỉnh thành phố và cấp Trung ương mà Tổng cục Thuế là cơ quan đầu mối cho tất cả các Tỉnh thành trong toàn quốc. Việc khai thác cơ sở dữ liệu điều tra toàn bộ năm 1/10/2004 còn phụ thuộc vào việc xử lý, tổng hợp kết quả điều tra.

Đối với nguồn số liệu từ Thuế là rất phong phú và đầy đủ. Tuy nhiên, một bất cập ở hệ thống đăng ký thuế đó là việc cập nhật các hộ kinh doanh cá thể đóng cửa, giải thể là không đầy đủ. Có nhiều hộ kinh doanh cá thể khi đóng cửa, giải thể không báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Thuế nên việc cập nhật tình trạng các hộ kinh doanh là không đầy đủ.

VI. Các thông tin hiện có về CSKD cá thể trong cơ sở dữ liệu

6.1 Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính cấp Tổng cục thuế

Các thông tin lưu trữ tại cơ sở dữ liệu ngành Thuế được phân chia theo từng cấp, theo mức độ chi tiết hay tổng hợp và theo các loại thông tin đăng ký thuế: Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính cấp Chi cục Thuế - là đơn vị trực tiếp quản lý thu thuế các CSKD cá thể, thì chỉ lưu trữ một số thông tin cơ bản có liên quan chặt chẽ đến tính thuế thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý thuế tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính do Chi cục Thuế quản lý.

Việc lưu trữ thông tin đăng ký thuế trên hệ thống máy tính của ngành Thuế đối với cơ sở dữ liệu đăng ký thuế cấp Chi cục Thuế bao gồm cả các thông tin lịch sử qua các lần thay đổi và được lưu trữ an toàn qua công tác an ninh bảo mật, sao lưu dữ liệu thường xuyên và chặt chẽ của ngành.

Cơ sở dữ liệu cấp Tổng cục này có khả năng phục hồi sự cố cho Chi cục Thuế có vấn đề sự cố lớn tuy nhiên không khôi phục được các thông tin mang tính lịch sử thay đổi của các đối tượng nộp thuế trong đó có các CSKD cá thể.

Hiện tại, trên cơ sở dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống máy tính cấp Tổng cục Thuế bao gồm thông tin đăng ký thuế chi tiết của tất cả các CSKD cá thể đã được cơ quan thuế cấp mã số thuế, bao gồm hơn 1,5 triệu đối tượng hiện đang hoạt động SXKD trên địa bàn toàn quốc. Các thông tin đăng ký thuế của từng CSKD cá thể bao gồm:

- Tên CSKD
- Địa chỉ kinh doanh
- Tên chủ CSKD
- Địa chỉ nơi ở của chủ cơ sở kinh doanh
- Số chứng minh thư nhân dân của chủ CSKD, ngày cấp.
- Số giấy phép đăng ký kinh doanh và ngày cấp, nơi cấp.
- Ngày bắt đầu hoạt động SXKD
- Số lao động trong CSKD
- Vốn kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh
- Phương pháp tính thuế
- Có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hay không?
- Các loại thuế phải nộp

Ngoài ra, tại cấp Tổng cục Thuế còn có các thông tin báo cáo tổng hợp về tình hình thu nộp thuế của các CSKD cá thể chi tiết theo địa bàn hành chính đến cấp tỉnh/ thành phố và ngành nghề kinh doanh (không chi tiết đến từng CSKD cá thể) bao gồm:

- Số đối tượng nộp thuế là các CSKD cá thể đang hoạt động phân loại theo qui mô, ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo thống kê thuế môn bài.
- Doanh thu bán Hàng hoá dịch vụ của các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo thống kê thuế GTGT và TNDN
- Thu nhập từ hoạt động SXKD của các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh căn cứ trên báo cáo Thống kê thuế GTGT và TNDN
- Doanh số và sản lượng một số mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các CSKD cá thể
- Giá trị tài nguyên và sản lượng tài nguyên khai thác đối với các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh.
- Nghĩa vụ phải đóng góp với ngân sách nhà nước của các CSKD cá thể theo từng sắc thuế phân loại theo ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo thống kê thuế môn bài, GTGT, TNDN TTĐB tài nguyên.
- Số thuế đã nộp cho ngân sách nhà nước của các CSKD cá thể theo từng ngành nghề kinh doanh căn cứ trên các báo cáo kế toán thu ngân sách nhà nước.

6.2 Tại cơ sở dữ liệu trên hệ thống máy tính Tổng cục thống kê

Một trong những vấn đề quan trọng trong xây dựng CSDL về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là phải có nguồn thông tin ban đầu đầy đủ và được cập nhật qua thời gian.

CSDL về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phục vụ công tác quản lý và công tác thống kê (BDS) được xây dựng trên cơ sở dự định về nguồn thông tin từ các nguồn chủ yếu sau:

- Nguồn thông tin từ bản thân ngành Thống kê từ các cuộc tổng điều tra và điều tra có liên quan đến doanh nghiệp cơ sở sản xuất kinh cá thể ;
- Nguồn thông tin từ cơ quan Thuế;
- Nguồn thông tin từ cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

a. Nguồn thông tin từ ngành Thống kê

Nguồn này có được là dựa trên các cuộc điều tra sau:

- Điều tra hàng năm về cơ sở kinh doanh cá thể
- Đối với đơn vị địa bàn có các chỉ tiêu về: tên, địa chỉ, mã số thuế, hoạt động SXKD, lao động có đến cuối năm
- Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp.

Đối với các đơn vị địa bàn có các chỉ tiêu về: tên, địa chỉ, thông tin về người phụ trách, năm hoạt động, thuộc loại hình tổ chức, ngành nghề kinh doanh chính, doanh thu, lao động, ứng dụng công nghệ thông tin.

b. Nguồn thông tin từ các cơ quan Thuế

Đây là nguồn thông tin có được trên cơ sở cập nhật hàng ngày của Tổng cục thuế và hàng tháng được truyền sang Tổng cục Thống kê. Từ nguồn này có thể có được những thông tin sau:

Đối với các đơn vị địa bàn: Mã số thuế (bran_tin), mã số đơn vị mẹ (tin), tình trạng hoạt động (status), tên (Norm_name), địa chỉ giao dịch (tran_addr), mã quận, huyện (tran_dist), số điện thoại (tran_tel), số fax (tran_fax), mã đơn vị mẹ cũ (old_tin), ngày bắt đầu hoạt động (start_date), số lao động (empl_quan), ngày thay đổi (chan_date), ngành SXKD....

- Đối với các đơn vị chi nhánh tổng công ty: Danh sách các đơn vị trực thuộc (gồm cả đơn vị hạch toán độc lập, và đơn vị phụ thuộc) : tên, địa chỉ
- Đối với cơ sở kinh doanh cá thể : Danh sách hộ đã được thu nhập qua tờ khai đăng ký và có đầy đủ thông tin như địa chỉ, lao động ...
- Cũng do mục đích là quản lý mã số thuế, nên nhiều khi vì những lý do nhất định (chẳng hạn như liên quan đến quyết toán thuế) mà nhiều trường hợp đơn vị đã đóng cửa nhưng trong cơ sở dữ liệu thuế vẫn còn tồn tại, hay nhiều trường hợp đơn vị vẫn nộp thuế, nhưng không thể tìm được trụ sở của đơn vị...

c. Nguồn thông tin từ Bộ kế hoạch và Đầu tư

Đây cũng là nguồn thông tin quan trọng, qua đó có thể có được tình hình đăng ký kinh doanh, tình hình chuyển đổi loại hình, vốn, ...Tuy nhiên do hiện nay Bộ Kế hoạch và đầu tư đang nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, việc cập nhật các cơ sở kinh doanh cá thể được thực hiện ở cấp xã và huyện nhưng chưa được tổng hợp chính thống về Bộ Kế hoạch, vì vậy trong thời gian trước mắt chưa thể có được nguồn thông tin này.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

I. Mục đích, đối tượng phạm vi xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể

1.1 Mục đích

- Nắm được danh sách, địa chỉ, hiện trạng, loại hình, ngành kinh tế, tình hình biến động, đặc trưng cơ bản và số lượng các đơn vị địa bàn của từng cơ sở kinh tế cá thể
- Làm căn cứ để thực hiện các cuộc điều tra, tổng điều tra và chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp.
- Làm căn cứ lập dàn khung cho chọn mẫu điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và đơn vị địa bàn.

1.2 Đối tượng, phạm vi

- Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể
- Đơn vị địa bàn hành chính
- Phạm vi lập cơ sở dữ liệu Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

1.3 Phương pháp thu thập thông tin

- Nhập trực tiếp các báo cáo gửi từ các Cục Thống kê qua hệ thống truyền file hay hệ thống Email đã thiết kế theo form.
- Lấy số liệu trong các tệp dữ liệu từ hệ thống CSDL của Tổng cục Thuế.
- Dữ liệu từ các cuộc điều tra trong hệ thống CSDL mạng GSONet của Tổng cục Thống kê.

II. Các giải pháp xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ nguồn dữ liệu của Tổng Cục Thuế và Tổng điều tra cơ sở kinh tế

2.1 Xác định đơn vị cơ sở kinh doanh cá thể trong CSDL

a. Mục tiêu

- Xác định đơn vị kinh doanh cá thể thích hợp vừa đảm bảo cho công tác thống kê, đồng thời phải đảm bảo tính tính khả thi trong việc cập nhật và thu thập.

- Đảm bảo tận dụng các nguồn có sẵn
- Đảm bảo có thể hoà các đơn vị ở các CSDL khác nhau vào cùng một nguồn và có thể sử dụng được.

b. Nội dung

Cơ sở kinh doanh cá thể được xác định trong CSDL lần này có một số đặc điểm như sau:

- Là cá nhân, hộ gia đình, nhóm người sản xuất kinh doanh độc lập.
- Các cá nhân, hộ kinh doanh theo cách nhận khoán, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình và nộp thuế trực tiếp với cơ quan Thuế.

c. Sự khác biệt giữa các nguồn dữ liệu

Xét về nội dung và phạm vi của 2 nguồn dữ liệu: Tổng cục Thuế và Tổng điều tra Cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê:

- Về đối tượng và phạm vi:

+ Đối tượng: Cơ sở dữ liệu thuế chỉ bao gồm các cá nhân, hộ SXKD có đăng ký thuế, trong khi đó dữ liệu Tổng điều tra bao gồm tất cả các cơ sở kinh doanh cá thể (bao gồm cả đăng ký thuế và không đăng ký nộp thuế)

+ Về phạm vi: Dữ liệu gồm các cơ sở nộp thuế trực tiếp cho ngành Thuế trong khi đó rất nhiều cơ sở kinh doanh có thể kê khai thuế nhưng đơn vị khác nộp thay.

- Về các chỉ tiêu: Dữ liệu về cơ bản được hình thành khi cơ sở kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh hoặc/và xin cấp mã số thuế. Hơn nữa khả năng cập nhật số liệu là rất thấp và không đảm bảo chính xác, vì phần lớn các cơ sở kinh doanh cá thể không khai báo khi có sự thay đổi như lao động, kết quả sản xuất kinh doanh... Dữ liệu trong Tổng điều tra về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thu được ở thời điểm 1/7/2002 bao gồm các dữ liệu về cơ sở mới nhất ở thời điểm điều tra.

2.2 Xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ dữ liệu của Tổng cục Thuế

Việc tiếp nhận dữ liệu từ TCT về cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê về cơ bản được thực hiện giống như đối với tiếp nhận dữ liệu doanh nghiệp. Nhưng trên thực tế các nguồn dữ liệu đầu vào của Tổng cục Thuế và nguồn dữ liệu điều tra của Tổng cục Thống kê còn có nhiều bất cập mà chúng ta cần phải từng bước cải thiện. Hiện tại nguồn dữ liệu tại cơ sở dữ liệu BDS của Tổng cục Thống kê tiếp nhận thường xuyên dữ liệu trong đó có dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể đã được đăng ký mã số thuế từ CSDL của Tổng

cục Thuế. Quy trình thực hiện được tiến hành theo các công đoạn và duy trì thường xuyên:

a. Nội dung tiếp nhận

Để có thể tiếp nhận dữ liệu từ TCT về TCTK việc xây dựng CSDL trung gian là cần thiết để đồ các dữ liệu và xử lý các dữ liệu trước khi đưa các dữ liệu này vào CSDL cơ sở kinh doanh cá thể. Mặt khác để có được các dữ liệu này cần thiết phải xây dựng và tìm hiểu các đặc điểm các dữ liệu cần thu thập trong cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể của Tổng cục Thống kê, đồng thời xây dựng bảng chuyển đổi các dữ liệu từ Tổng cục Thuế sang CSDL trung gian nhằm đảm bảo đúng nội dung cần tìm hiểu. Sau đây là một số đặc tính của các dữ liệu cần tìm hiểu trong CSDL của TCTK và bảng chuyển đổi dự kiến dữ liệu từ Tổng cục Thuế sang TCTK

b. Cơ sở và các bảng chuyển đổi cần thiết để chuyển dữ liệu

Các bảng loại hình pháp nhân và loại hình sở hữu trong cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh cá thể được trình bày chi tiết trong Báo cáo tổng hợp.

2.3 Xây dựng CSDL cơ sở kinh doanh cá thể từ dữ liệu của Tổng điều tra cơ sở kinh tế

a. Nội dung cập nhật

Tổng điều tra các cơ sở kinh tế cá thể của Tổng cục Thống kê tiến hành 5 năm một lần, vì vậy có thể coi đây là nguồn số liệu để cập nhật cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể, đặc biệt đối với một số chỉ tiêu có độ chính xác cao hơn so với dữ liệu lấy từ Tổng cục Thuế như: các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh. Như vậy về cơ bản, các dữ liệu được xác định từ cơ sở dữ liệu thuế chuyển sang nếu so với các chỉ tiêu của Tổng điều tra thì cần cập nhật các chỉ tiêu sau:

STT	Các chỉ tiêu từ dữ liệu Tổng cục Thuế	Các chỉ tiêu TCTK	Chỉ tiêu cần cập nhật, bổ sung
	- Tên cơ sở kinh doanh;	- Tên cơ sở; mã số thuế	X
	- Địa chỉ kinh doanh;	- Địa chỉ ;	X
	- Thông tin về chủ cơ sở kinh doanh;	- Thông tin về chủ sở hữu;	X
	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh	- Năm bắt đầu hoạt động;	

doanh; - Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu; - Ngành nghề kinh doanh chính; - Vốn kinh doanh; - Tổng số lao động; - Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh; - Đăng ký mã số xuất nhập khẩu; - Tài khoản ngân hàng, kho bạc; - Các loại thuế phải nộp ; - Tình trạng đăng ký thuế.	- Đăng ký kinh doanh;	X
	- Ngành nghề kinh doanh chính;	X
	- Lao động;	
	- Số tháng dự kiến SXKD trong năm 2002;	X
	- Tình trạng nộp thuế, lệ phí	X
	- ứng dụng công nghệ thông tin.	X
	- Doanh thu tháng 6 năm 2002;	X

b. Bảng ưu tiên khi hoà dữ liệu từ Tổng điều tra vào cơ sở dữ liệu của cơ sở kinh doanh cá thể

Để đảm bảo ưu thế của từng chỉ tiêu từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau vào một cơ sở dữ liệu chung, cần xác định độ ưu tiên từng chỉ tiêu của từng nguồn dữ liệu thông qua bảng ưu tiên có thể xây dựng như sau:

Tên chỉ tiêu	Độ ưu tiên của từng chỉ tiêu theo nguồn dữ liệu			Ghi chú
	Tổng cục Thuế	Tổng điều tra	Nguồn khác	
- Tên cơ sở kinh doanh;	2	1	3	Đối với các trường hợp cơ
- Địa chỉ kinh doanh;	1	2	3	

- Thông tin về chủ CSKD;	2	1	3	sở mới kinh doanh cá thể thì lấy của Tổng cục Thuế làm cơ sở
- Giấy chứng nhận éKKD;	1	2	3	
- Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu;	1	2	3	
- Ngành nghề KD chính;	2	1	3	
- Vốn kinh doanh;	2	1	3	
- Tổng số lao động;	2	1	3	
- Ngày bắt đầu hoạt động KD;	1	2	3	
- Đăng ký mã số XNK;	1	2	3	
- Tài khoản ngân hàng, kho bạc;	1	2	3	
- Các loại thuế phải nộp ;	2	1	3	
- Tình trạng đăng ký thuế.	1	2	3	

Ghi chú: Độ ưu tiên cao nhất là 1 và thấp dần 2, 3, 4...

III. Giải pháp kỹ thuật

3.1 Thông tin chung

- Quản lý các danh mục hành chính.
- Quản lý danh mục mã ngành nghề kinh tế.
- Quản lý danh mục các chỉ tiêu, công thức và luật đánh giá hoạt động kinh doanh.
- Quản lý danh mục, khai báo mã và các thông tin chung về cơ sở kinh doanh
- Quản lý các danh mục khác.

3.2 Chức năng nhập thông tin đầu vào

Hệ thống cung cấp các chức năng nhập thông tin sau:

- Tình hình thay đổi
- Thông tin chi tiết cơ sở kinh doanh (có thể bổ sung)
- Tình hình vốn đăng ký
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước
- Tình hình nợ
- Tình hình tăng giảm nguồn vốn và sử dụng vốn
- Các thông tin hoạt động

- Các thông tin khác
- Nhập số liệu từ các file : Đọc số liệu từ file, kiểm tra sai sót của số liệu, kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu, nhập tự động vào Cơ sở dữ liệu.

3.3 Chức năng tổng hợp, phân tích số liệu và in báo cáo

- Tổng hợp số liệu với các chỉ tiêu quản lý
- Báo cáo tổng hợp theo các chỉ tiêu
- Báo cáo tổng hợp số liệu theo thời gian (Lựa chọn thời gian khoảng thời gian)
- Phân tích số liệu theo các chỉ tiêu động (+,-,*,/,)
- Lập báo cáo dạng biểu đồ, so sánh
- In kết quả biểu báo cáo, lập dàn mẫu

3.4 Chức năng kết xuất số liệu ra file (Export)

- Kết xuất số liệu ra file dưới các dạng Excel, text, XML, HTML .. để phục vụ công tác báo cáo và quản lý.
- Kết xuất số liệu ra dạng biểu động theo yêu cầu của các đơn vị trong Tổng cục phục vụ cho đối tượng được điều tra theo tỉnh, thành phố, vùng lãnh thổ theo dàn chọn mẫu.

3.5 Chức năng quản trị hệ thống

- Kiểm soát truy nhập (Login, logout)
- Quản lý người dùng
- Phân quyền sử dụng các thành phần ứng dụng.
- Nhật ký sử dụng, truy nhập và sửa đổi số liệu của người dùng
- Ghi viết các lỗi hệ thống hoặc dữ liệu.

IV. Quy mô hệ thống

4.1 Qui mô

Hệ thống phải có khả năng xử lý, lưu trữ, tổng hợp, phân tích số liệu trong các cơ sở dữ liệu quản lý kinh doanh cá thể trên 64 tỉnh thành phố và được cập nhật hàng tháng thông qua cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế. Đồng thời cập nhật các chỉ tiêu cần bổ sung chứng minh hoạt động của cơ sở kinh doanh cá thể từ các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê có trong CSDL của mạng GSONet.

4.2 Số lượng người sử dụng

- Số lượng người xây dựng hệ thống tại Vụ Phương pháp chế độ thống kê 4 người.
- Số lượng người thực hiện tại các đơn vị thuộc Tổng cục thống kê khoảng 20 người (sử dụng cho các cuộc điều tra).

- Lực lượng thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau tại địa phương và tại địa bàn của các Cục Thống kê
- Người truy nhập qua Website CSKD cá thể sau khi thông tin được xuất bản công bố (*bước tiếp theo của sản phẩm sau khi cân nhắc thông tin đưa lên Internet*).

4.3 Điều kiện thành công của phần mềm

Thành công của phần mềm phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố chuẩn bị đặt ra cho bài toán đăng ký kinh doanh cá thể. Một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự thành công của bài toán đó là sự ủng hộ và hỗ trợ của Lãnh đạo Tổng cục thống kê, các cán bộ có liên quan đến nghiệp vụ cung cấp các số liệu điều tra có liên quan đến cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể; cũng như cán bộ tin học của Vụ Phương pháp chế độ Thống kê, Trung tâm tin học Thống kê cùng phối hợp chặt chẽ với Trung tâm tin học Thống kê của Tổng cục Thuế.

Phần thứ tư

ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP

I. Giải pháp lựa chọn phát triển phần mềm cập nhật cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể

1.1 Yêu cầu về hệ thống mở, giao diện, khả năng sử dụng dễ dàng

- Hệ thống cho phép định nghĩa các chỉ tiêu cần phân tích theo đúng yêu cầu của người sử dụng.
- Đảm bảo yêu cầu người dùng về tốc độ truy nhập khai thác thông tin: Đối với các chỉ tiêu chi tiết không quá 5 phút, các báo cáo tổng hợp, thống kê không quá 10 phút (trong trường hợp truy nhập trực tiếp).
- Giao diện bằng tiếng Việt theo tiêu chuẩn Unicode (TCVN6909:2001)
- Sử dụng thuận tiện, các báo cáo tổng kết, phân tích có thể kết xuất được ra một số format: text, excel, xml,..
- Màn hình người dùng thân thiện thông qua trình duyệt web tại bất kỳ một máy trạm nối mạng nào nếu được quyền cập nhật, hay được phép xem thông tin cơ sở đăng ký kinh doanh cá thể.
- Xây dựng các công cụ thuận tiện cho việc quản trị CSDL: Cho phép đăng ký người sử dụng, phân quyền truy nhập khai thác thông tin và giám sát các hoạt động truy nhập CSDL.
- Hệ thống được thiết kế theo phương pháp luận hướng đối tượng, đảm bảo cho việc dễ dàng nâng cấp, bảo trì, và quản lý.
- Thông tin được tổ chức lưu trữ đảm bảo an toàn, chính xác, thuận lợi cho việc cập nhật bổ sung và khai thác thông tin chi tiết và thông tin tổng hợp.

1.2 Yêu cầu xử lý và phân tích thông tin

- Đảm bảo phân tích số liệu theo nhiều tiêu chí: tên, địa chỉ, điện thoại, FAX, loại hình kinh doanh theo từng năm, theo các chỉ tiêu

1.3 Yêu cầu về bảo mật và an toàn hệ thống thông tin

- Yêu cầu thực hiện đúng các qui chế an toàn và bảo mật hiện hành của Tổng cục Thống kê trong quá trình thiết kế, xây dựng hệ thống và khi hệ thống vận hành. Đảm bảo khả năng Backup tự động theo lịch, Recover. Xác định rõ chiến lược và biện pháp Backup và Recover một khi có sự cố bất khả kháng xảy ra vẫn có điều kiện phục hồi lại nhanh chóng.

1.4 Yêu cầu về phần mềm hệ thống

+ Máy chủ

- ❖ Hệ điều hành là Windows2000 Advanced Server
- ❖ Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là MS SQL 2000 trở lên.
- ❖ Công cụ quản trị cơ sở dữ liệu của MS SQL 2000

+ Máy trạm

- ❖ Hệ điều hành là Windows2000/ Windows XP.
- ❖ Cơ sở dữ liệu Access2000 hoặc Access XP.

1.5 Phần cứng

+ Máy chủ CSDL và máy chủ ứng dụng

- ❖ Tối thiểu là 512 MB RAM
- ❖ 2 CPU Xeon 2.4 GHz trở lên
- ❖ > 30GB đĩa cứng

+ Máy trạm

- ❖ Intel Pentium III 700 MHz trở lên
- ❖ 64 MB RAM trở lên
- ❖ Dung lượng ổ đĩa 4GB đĩa cứng dành cài đặt.

+ Mạng và đường truyền: Đối với các máy trạm cài đặt chương trình ứng dụng phải được kết mạng LAN.

II. Giải pháp xây dựng chương trình cập nhật cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cá thể

Trong phần này sẽ đề cập đến chức năng nhận số liệu Thuế hàng tháng, chức năng chỉnh sửa thông tin lỗi từ Thuế và cập nhật vào cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.

2.1 Nhận số liệu thuế hàng tháng

Số liệu thuế hàng tháng được chương trình đọc và chuyển dữ liệu từ cơ sở dữ liệu đăng ký thuế (Cơ sở dữ liệu đăng ký thuế được xây dựng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle) sang file dữ liệu và được phân loại

2.2 Chuyển dữ liệu từ file vào cơ sở dữ liệu

Để chuyển dữ liệu từ 4 file nhận được ở trên vào cơ sở dữ liệu, bạn sử dụng đến phần mềm ứng dụng để tiếp nhận dữ liệu. Phần mềm này được gọi là “Nhận và xử lý số liệu thuế hàng tháng”

2.3 Xử lý số liệu thuế hàng tháng

Sau khi nhận dữ liệu từ các file vào cơ sở dữ liệu GTD ở các bước trên, bạn tiếp tục thực hiện các bước xử lý và làm sạch cơ sở dữ liệu đó. Trong quá trình thực hiện các thủ tục xử lý dữ liệu, chương trình sẽ chủ yếu thực hiện việc chuyển đổi các hệ thống mã của Tổng cục Thuế sang hệ thống mã danh mục của Tổng cục Thống kê. Đồng thời một số thủ tục chuẩn hoá lại các biến định danh của doanh nghiệp như: tên, địa chỉ, điện thoại, số fax... Để thực hiện xử lý dữ liệu bạn chọn chức năng **Xử lý dữ liệu đã nhận được** trong menu **Nhận dữ liệu** để mở cửa sổ chức năng thực hiện xử lý.

2.4 Thực hiện kiểm tra lỗi logic

Chương trình sẽ thực hiện các thủ tục kiểm tra lỗi logic về mặt dữ liệu và đưa ra các thông báo lỗi. Việc kiểm tra lỗi logic này dựa vào ba nhóm loại thông tin dữ liệu nhận được hàng tháng đó là: Lỗi dữ liệu doanh nghiệp, lỗi dữ liệu chi nhánh và lỗi dữ liệu ngành nghề kinh doanh.

2.5 Chuyển dữ liệu sang cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể

Sau khi các bước trên hoàn tất, chúng ta sẽ chuyển phần dữ liệu hộ kinh doanh cá thể sang cơ sở dữ liệu Household (tên vật lý của cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể)

2.6 Xây dựng chương trình tổng hợp, tìm kiếm thông tin

2.7 Xây dựng chương trình báo cáo đầu ra, lập danh sách

Chương trình này thực hiện tổng hợp các báo cáo đầu ra cũng như cho phép người dùng thực hiện chọn các thông tin cần lấy ra để lập danh sách các đơn vị kinh doanh cá thể, đồng thời phân tổ theo đơn vị hành chính hoặc theo nhóm các chỉ tiêu đã được định nghĩa; quy trình thực hiện việc lập danh sách như sau:

III. Ứng dụng lập danh sách các hộ kinh doanh cá thể

Việc lập danh sách các hộ kinh doanh cá thể mang nhiều ý nghĩa và mục đích khác nhau. Nó đánh giá về mặt số liệu thực tế, đồng thời làm cơ sở cho các phân tích cũng như phục vụ cho các công việc sau này.

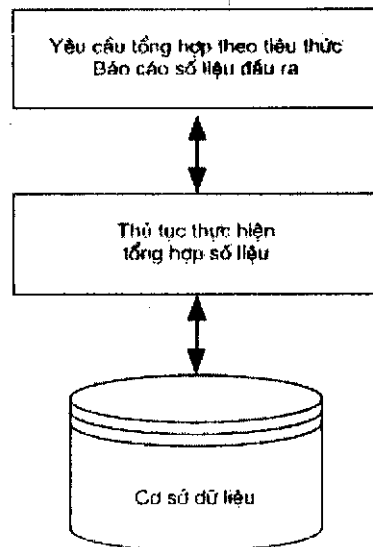
3.1 Xác định chỉ tiêu và qui trình thực hiện

Dựa trên các chỉ tiêu đã được xác định trong phần thứ hai mục 5.2/V Khai thác dữ liệu về CSKD cá thể của Tổng cục Thống kê có trong cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể. Việc lập danh sách các đơn vị hộ kinh doanh cá thể sẽ chọn các tiêu thức trên để đưa ra thông

tin dữ liệu các đơn vị kinh doanh cá thể. Xét về chuyên môn nghiệp vụ, người dùng tin mỗi lúc lại có các yêu cầu khác nhau về cấu trúc của danh sách ví dụ như đề cập đến quy trình thực hiện việc lập danh sách (như sơ đồ mục 6.9 đã nêu)

3.2 Chương trình tổng hợp số liệu

Phần này sẽ đưa ra các cách thực hiện tổng hợp số liệu từ cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể.



Hình 3.2: Mô hình thực hiện tổng hợp số liệu từ cơ sở dữ liệu

3.3 Truy vấn dữ liệu

Dưới đây, chúng ta mô phỏng hoá một thủ tục tổng hợp số liệu theo ngôn ngữ truy vấn (SQL):

```
Select < tỉnh, thành phố >, < quy mô lao động >, < đếm số bản ghi >
From Hộ_kinh_doanh_cá_thể
Group By < tỉnh, thành phố >, < quy mô lao động >
```

IV. Xây dựng trang thông tin điện tử về cơ sở kinh doanh cá thể

Nghiên cứu xây dựng trang thông tin điện tử về cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể dựa trên CSDL đã có (Database của CSDL CSKD cá thể tại Tổng cục Thống kê). Nguồn dữ liệu được thu thập từ Tổng cục Thuế và Tổng cục Thống kê từ các cuộc điều tra cơ sở kinh doanh cá thể theo năm. Việc lựa chọn giải pháp phải đáp ứng theo một qui trình thống nhất và gắn kết với nhau.

4.1 Quản lý thông tin

Mục tiêu: Cung cấp thông tin của các Cơ sở kinh doanh cá thể đã đăng ký theo hệ thống quản lý của các cơ quan chức năng. Người quản trị hệ thống dễ dàng quản lý, tìm kiếm, chọn lọc dữ liệu của thông tin CSKD cá thể.

4.2 Mô hình kiến trúc ứng dụng và truyền thông

4.2.1 Sơ đồ mô hình kiến trúc

- Xây dựng trang Web Cơ sở kinh doanh cá thể dựa trên công nghệ Web page mới giao diện thân thiện, dễ sử dụng cho người dùng tin..
- Hệ thống sử dụng một kiến trúc mở, 3 lớp, module hóa các chức năng, sử dụng lập trình hướng đối tượng, dễ dàng cho việc triển khai và nâng cấp.

4.2.2 Thiết kế hệ thống

Hệ thống được thiết kế theo kiến trúc 3 lớp do vậy dễ dàng triển khai theo một trong hai mô hình sau tùy theo nhu cầu của từng cấp sử dụng:

4.2.3 Tổ chức và lưu trữ thông tin

- Thông tin dữ liệu được thiết kế và lưu trữ trên hệ cơ sở dữ liệu quan hệ MS SQLServer. Các bảng dữ liệu được thiết kế với các liên kết và ràng buộc đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu..

4.2.4 Xử lý và tìm kiếm thông tin

- Hệ thống website gồm nhiều module thực hiện dựa trên các quy trình thống nhất, được chuẩn hóa. Người dùng chỉ cần nhập số liệu đầu vào một lần, các dữ liệu sẽ được hệ thống xử lý và đưa ra các kết quả báo cáo, danh sách dàn mẫu.

4.2.5 An toàn hệ thống và bảo mật thông tin

4.2.6 Truyền thông

V. Phát triển ứng dụng thí điểm tại Cục Thống kê Hà nội

5.1 Thực trạng cơ sở kinh doanh cá thể Thành phố Hà Nội

Theo số liệu tổng điều tra cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp năm 2002 là 97.267 hộ, chỉ tăng có 4% về số cơ sở so với kỳ tổng điều tra năm 1995; Số liệu gần đây nhất thu được từ kết quả rà soát hộ cá thể

năm 2004, tổng số hộ là 97.984 hộ, tăng không đáng kể. Nguyên nhân, do chính sách mở về luật doanh nghiệp, nhiều hộ chỉ cần sau một thời gian mở rộng sản xuất, tích tụ vốn đã có đủ điều kiện để thành lập công ty, góp phần vào sự ra đời hàng loạt các công ty trên địa bàn và đó là nguyên nhân cho thấy số lượng hộ sản xuất kinh doanh trong các năm qua ổn định.

5.2 Mục tiêu ứng dụng

Mục tiêu ứng dụng xây dựng Cơ sở dữ liệu cơ sở đăng ký kinh doanh cơ sở kinh doanh cá thể nhằm đạt được những mục đích sau:

- Quản lý số lượng hộ kinh doanh theo các địa bàn hành chính và ngành kinh tế
- Thống nhất về danh mục, số lượng, mã cơ sở hộ kinh doanh giữa các đơn vị quản lý trên các địa bàn của Thành phố
- Nắm được tình trạng chấp hành pháp luật Nhà nước của các hộ kinh doanh về chính sách thuế, thủ tục đăng ký kinh doanh
- Xây dựng hệ thống danh mục chuẩn, là dàn mẫu để thực hiện chọn mẫu điều tra thống kê

5.3 Mô hình cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể

a. Cấu trúc dữ liệu

Cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh phải đạt được yêu cầu, quản lý của nhiều ngành. Như phân trên đã đề cập, tham gia quản lý hộ kinh doanh về mặt nhà nước có một số ngành: Ngành thuế, quản lý thị trường và cơ quan Thống kê... Do đó cấu trúc dữ liệu phải có sự thống nhất và tiếng nói chung của các ngành. Quan điểm khi xây dựng mô hình thử nghiệm cơ sở dữ liệu hộ đăng ký kinh doanh, cấu trúc dữ liệu phải có điểm chung của các ngành. Tuy nhiên không nhất thiết phải đáp ứng mọi yêu cầu quản lý của từng ngành riêng biệt. Mỗi ngành có thể có cơ sở dữ liệu riêng, nhưng phải thống nhất về danh mục và mã hộ, nhằm đảm bảo tính đồng bộ và trao đổi, kết nối dữ liệu giữa các ngành với nhau khi cần thiết.

5.4 Tổ chức triển khai ứng dụng

a. Thu thập thông tin

Thực hiện ở cấp phường xã; đây là công đoạn khó khăn nhất của toàn bộ quá trình, nếu tổ chức thực hiện tốt ở cấp này, thì các công việc giai đoạn sau sẽ thuận lợi. Công việc thu thập thông tin, ngay từ đầu đòi hỏi phải có sự tham gia phối hợp của một số cơ quan, ngành: đơn vị cấp thủ tục đăng ký, ngành Thuế, Quản lý thị trường và Thống kê, từng cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin theo chức năng quản lý.

5.5 Giới thiệu chức năng cơ bản của ứng dụng

Giới thiệu màn hình chính khi truy cập vào Cơ sở dữ liệu Hộ kinh doanh cá thể được thể hiện trong phần báo cáo tổng hợp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất kinh doanh cá thể là thực sự cần thiết đối với công tác thống kê, trong năm qua việc nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cho các doanh nghiệp trong đó có cơ sở dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể đã được lãnh đạo Tổng cục quan tâm, thành lập tổ nghiên cứu và được chuyên gia Thụy Điển giúp đỡ, kết hợp với Tổng cục Thuế bước đầu đã có những kết quả tốt. Tuy nhiên việc xây dựng cơ sở dữ liệu, việc cập nhật, việc khai thác, sử dụng với qui mô, mức độ chi tiết và tần suất cập nhật đến mức độ nào cho phù hợp thì vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu và giải quyết.

Kết luận:

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, một số nhận định mang tính kết luận được rút ra dưới đây nhằm làm cơ sở cho việc xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể tại Tổng cục Thống kê.

1. Sự phát triển và biến động lớn qua các năm của khu vực kinh doanh cá thể.

Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và sự khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần theo pháp luật, khu vực kinh tế cá thể phát triển ngày càng nhanh trong những năm gần đây về số lượng cơ sở và đa dạng về ngành nghề kinh doanh. Ngoài sự tăng nhanh về số lượng, việc biến động về địa điểm kinh doanh, ngành nghề, cũng ngày càng đa dạng và phong phú. Do vậy việc xây dựng cơ sở dữ liệu về cập nhật cơ sở kinh doanh cá thể phải đối mặt với những khó khăn và phức tạp trong khâu thu thập và xử lý thông tin theo những khái niệm thống nhất và những chuẩn mực nhất định về phân ngành. Trên thực tế còn chưa có sự thống nhất về khái niệm, phân loại, phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu giữa các ngành có thu thập thông tin về khu vực kinh doanh cá thể. Mặt khác, mặc dù tăng nhanh về số lượng cơ sở kinh doanh cá thể qua các năm, nhưng tỷ trọng đóng góp vào GDP của khu vực này còn ở mức độ khiêm tốn.

2. Những thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể dựa trên nền tảng pháp lý cho phép cần được tận dụng triệt để.

Cho đến nay các cơ quan quản lý nhà nước đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chưa có được cơ sở dữ liệu ban đầu một cách đầy đủ, mang tính hệ thống và được cập nhật thường xuyên. Hiện tại thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, được thu thập qua các yêu cầu báo cáo chỉ phục vụ cho một số mục đích mang tính nhất thời, không có tính kế thừa. Chưa có cơ quan nào quản lý đầy đủ các thông tin cơ bản về đăng ký kinh doanh và hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Đến nay chỉ có Tổng cục Thuế là có cơ sở dữ liệu về

quản lý mã số thuế đối với các đối tượng nộp thuế trong đó có cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Mã số thuế được sử dụng để nhận diện đối tượng nộp thuế. Mỗi một đối tượng nộp thuế chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động. Mã số thuế đã được cấp sẽ không được sử dụng lại để cấp cho đối tượng nộp thuế khác. Các đối tượng nộp thuế phải thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký thuế để được cấp mã số. Đối tượng nộp thuế nào không thực hiện đúng các quy định về kê khai, đăng ký thuế và sử dụng mã số tùy thuộc theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo pháp luật.

3. Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh không phải là nguồn vào duy nhất của cơ sở dữ liệu cá thể.

Hệ thống thông tin thuế của cơ quan thuế có nhiều ưu điểm, như thông tin đủ mức độ chi tiết của từng cơ sở; cập nhật thường xuyên; tổ chức dưới dạng cơ sở dữ liệu, và sẵn có tại cơ quan thuế các cấp. Đặc biệt, hiện nay, hàng tháng đã được chuyển sang Tổng cục Thống kê toàn bộ dữ liệu cơ sở cá thể cùng với các đối tượng nộp thuế khác. Tuy nhiên, phạm vi bao gồm trong dữ liệu thuế mới chỉ được hơn 1/2 số đối tượng cần quản lý. Hơn nữa, dữ liệu về các đối tượng nộp thuế là cá nhân và nhóm người sản xuất có mức độ thay đổi khá lớn. Liệu Cơ quan Thống kê có đủ nguồn lực để cập nhật được sự biến đổi này không? Điều quan trọng là có cần thiết phải cập nhật đối tượng này không, trong khi khối doanh nghiệp, chúng ta cần quan tâm, cập nhật thường xuyên, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thiện và chưa sử dụng được kết quả như mục tiêu mong muốn.

4. Những thông tin về danh mục cơ sở kinh doanh cá thể thu được qua hệ thống thống kê.

Tổng cục Thống kê hiện nay nắm được số lượng hộ cá thể thông qua các cuộc điều tra chuyên ngành như cuộc tổng điều tra cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp 2002; Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản 5 năm tiến hành một lần để nắm toàn bộ hộ kinh doanh cá thể có hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản; điều tra thống kê cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm để thu thập thông tin về số cơ sở, số lao động sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trên phạm vi cả nước phục vụ công tác thống kê cập nhật số lượng cơ sở kinh tế, số lao động xã hội và làm đàn mẫu cho các cuộc điều tra mẫu định kỳ).

Hệ thống thông tin điều tra thống kê về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Hệ thống thông tin này có nhiều ưu điểm là đảm bảo được mức độ chi tiết của thông tin theo từng cơ sở; phạm vi bao hàm được toàn bộ số cơ sở đang hoạt động (khoảng 2,8 triệu). Hệ thống thông tin điều tra thống kê là nguồn số

liệu đầy đủ nhất, qui mô nhất về các cơ sở kinh doanh cá thể. Tuy nhiên, nguồn dữ liệu này chỉ được cập nhật khi tiến hành điều tra toàn bộ.

Đối với các cuộc điều tra toàn bộ, mặc dù theo phương án qui định phải liệt kê được danh mục cơ sở kinh doanh trước thời điểm điều tra, nhưng kết quả thu được sau khi xử lý, tổng hợp do khối lượng xử lý lớn nên không cho phép kiểm tra được tính chính xác của các thông tin thu được. Do vậy việc cập nhật thường xuyên hàng năm cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể là rất khó khăn và quá tốn kém nếu so với giá trị gia tăng mà khu vực này tạo ra hàng năm.

5. Giải pháp kỹ thuật lựa chọn và cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có của Tổng cục Thống kê.

Với những giải pháp kỹ thuật lựa chọn trong việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể thì điều kiện trang thiết bị hiện có của Tổng cục Thống kê hoàn toàn có thể đáp ứng được, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Nguồn thông tin ra từ cơ sở dữ liệu sẽ được thiết kế theo 4 hướng: Thứ nhất, tạo lập dàn mẫu; thứ 2, các chỉ tiêu tổng hợp (theo 4 cấp) được trình bày theo các bảng biểu định sẵn; thứ 3, cung cấp các công cụ cho người sử dụng khai thác trực tiếp từ cơ sở dữ liệu; và thứ 4, người sử dụng dùng các sản phẩm phần mềm khác để khai thác sử dụng nguồn cơ sở dữ liệu này.

- Với điều kiện và môi trường làm việc của các đối tượng dùng tin, đặc biệt là các cán bộ nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê đề tài này sẽ phát triển theo hướng truy xuất vào CSDL cơ sở kinh doanh thông qua giao diện Web vì có môi trường thân thiện dễ sử dụng.

Kiến nghị:

Căn cứ kết quả nghiên cứu của đề tài và những kết luận được rút ra, cùng với việc tiến hành làm thử tại Cục Thống kê Hà Nội, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Nguồn dữ liệu lấy từ CSDL của Tổng cục Thuế về cơ sở kinh doanh cá thể là những thông tin cập nhật mới nhất về sự biến động đã được tập hợp trên cơ sở pháp lý cho phép và đáng tin cậy. Mặc dù về số lượng chỉ chiếm khoảng một phần ba số cơ sở hiện có nhưng đó là nguồn số liệu đáng tin cậy và đã được cơ quan thuế xác lập trên cơ sở thực tế. Những dữ liệu này là thông tin có giá trị cho công tác thống kê từ khâu lập dàn mẫu điều tra đến khâu phân tích tổng hợp. Có nghĩa là ngoài việc dùng để lập dàn mẫu hay cập nhật vào cơ sở dữ liệu danh mục, còn có thể sử dụng chúng như những tài liệu đầu vào cho việc tính toán một số chỉ tiêu thống kê ước tính

2. Nguồn dữ liệu từ CSDL Tổng cục Thuế sau khi lập dàn mẫu điều tra và đã được Tổng cục Thống kê xác thực lại khi có kết quả điều tra thì tại thời điểm điều tra được coi là dữ liệu “đã xác minh” dữ liệu chuẩn và được coi là cơ sở dữ liệu gốc trong cơ sở dữ liệu kinh doanh cá thể.

3. Hàng năm, tùy điều kiện cho phép, sau khi có xác thực từ kết quả điều tra trên cơ sở dữ liệu ban đầu của cơ quan Thuế, Tổng cục cần chốt lại danh mục cơ sở kinh doanh cá thể đã được xác minh vào thời điểm 30 tháng 6 hoặc 31/12 hàng năm. Sau 5 năm, khi tiến hành điều tra toàn bộ hoặc tổng điều tra cơ sở kinh tế sự nghiệp mới tiến hành hòa nhập nguồn dữ liệu tổng điều tra vào cơ sở dữ liệu này. Với cách tiếp cận như vậy nguồn dữ liệu cơ sở kinh doanh cá thể sẽ được cập nhật định kỳ theo chu kỳ: dữ liệu hàng tháng của CSDL Tổng cục Thuế - CSDL Tổng điều tra Kinh tế sự nghiệp 1/10; 5 năm /lần sẽ cho chúng ta một cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc lập danh sách dàn mẫu điều tra.

Phát triển, khai thác ứng dụng công nghệ phải có sự nỗ lực của các cán bộ nghiệp vụ thống kê đồng thời với các chuyên gia phát triển công cụ phần mềm của các Trung tâm tin học Thống kê - Tổng cục Thống kê. Và đặc biệt phải có sự phối hợp, trao đổi thông tin với Trung tâm tin học Thống kê - Tổng cục Thuế và CSDL đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là những đơn vị có CSDL có nguồn thông tin tham chiếu lẫn nhau để so sánh.

Muốn làm tốt việc đó đòi hỏi phải có sự hợp tác, đầu tư, phối hợp trao đổi chuẩn thông tin, cũng như môi trường làm việc thống nhất của 3 đơn vị liên quan đến CSDL này.